

Tác Giả và Tác Phẩm

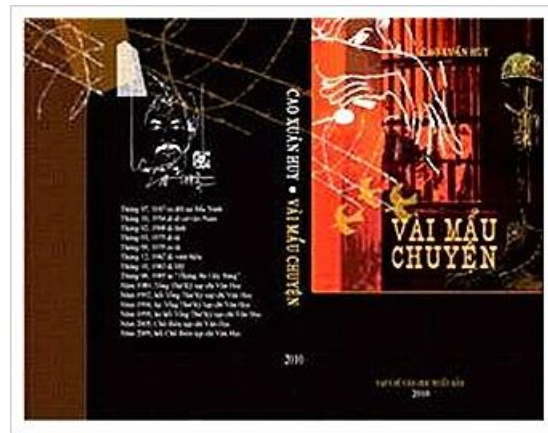
Cao Xuân Huy (Vài mẩu chuyện)

Tiểu sử

Sinh tháng 9.1947 tại Bắc Ninh. Mất ngày 12.11.2010 tại California.

Tác phẩm

Tháng ba gãy súng, Vài mẩu chuyện và một số truyện ngắn



Mục Lục

Miếng ăn – 2
Quyền tôi thiểu – 5
Cái lưới câu – 7
Ngu như lợn – 10
Vài bao cát – 14
Hành phương nam – 19
Chờ tôi với – 23
Mai Thảo – 28
Trả lại tiền – 29

Phụ lục Vài mẩu chuyện

Độc Cao Xuân Huy – Lưu Na – 31
Trước giờ ngưng bắn – Hoàng Khởi Phong - 33

Phụ đính:

Cao Xuân Huy giới thiệu sách

Cao Xuân Huy, vài mẩu chuyện, từ cái nhìn của một người vợ lính
Tiếng cười bi phần của Cao Xuân Huy trong mẩu chuyện “Trả lại tiền”
“Vài mẩu chuyện” và Cao Xuân Huy

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Miếng ăn

Tôi đã giữ được bao nhiêu năm, nhưng rồi cuối cùng, vẫn bị vướng vào một điều nhục nhã: miếng ăn.

Tôi là một thằng vô sản chuyên chính, vì cả ba bốn năm nay tôi luôn luôn là con bà phước, không bao giờ tôi có quà cáp, đồ ăn thức uống gì được gửi đến hoặc được đem đến tiếp tế từ những người thân ở ngoài đời.

Ngoài tiêu chuẩn ăn uống hàng ngày của trại cấp phát, tôi phải tự “mưu sinh” để được bồi dưỡng bằng những con cóc, con nhái, con rắn, con chuột ở ngoài ruộng, ngoài bìa rừng trong những lúc đi lao động, chỉ có những con vật nào không nhúc nhích hoặc nằm ngửa mới thoát khỏi cái mồm của tôi, hoặc tôi đã tự “cải thiện” bằng rau má, rau tàu bay, cây và bắp chuối rừng... Tóm lại, vừa tiêu chuẩn của trại, vừa kiếm chác thêm, tôi đã cầm cự được với cái đói trong nhiều năm nay.

Nhưng, nếu sự đói khổ, thiếu thốn được chia sẻ, phân phối đồng đều cho mọi người trong cùng một hoàn cảnh, tức là mọi thằng tù đều vô sản như nhau, không có cách biệt nào của kẻ thiếu người thừa, thì sự thiếu thốn được cảm thấy nhẹ hơn, ít hơn. Đàng này, tuy cùng một hoàn cảnh tù tội như nhau nhưng có những thằng vô sản như tôi, mà cũng lại có những thằng tư bản, lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm luôn luôn đầy đủ, đầy đủ đến độ thừa thãi, thì sự thiếu thốn của những thằng vô sản không thể nào cảm thấy nhẹ nhàng, dễ khắc phục được. Hằng ngày nhìn người khác ăn uống thoải mái, mức độ thèm thuồng của tôi được tăng lên theo cấp số nhân, quay quắt hơn, bất ổn hơn.

Vào những ngày cuối năm, trời lạnh, thường thì vào buổi tối, sau khi học tập chính trị bằng cách nghe đọc báo, sau khi kiểm điểm công tác lao động trong ngày, và sau khi điểm danh tối là đến giờ ngủ, giờ sung sướng, thoải mái nhất trong sinh hoạt mỗi ngày của chúng tôi, giờ mà mọi người chờ đợi trong ngày để nghỉ ngơi, để dưỡng sức, thì chính lúc này mới lại là lúc tôi bị hành hạ nhiều nhất. Trước khi ngủ, những tay bạn tù nằm cạnh, nằm quanh ít ra cũng có miếng đường, thìa bột cho vào mồm làm ấm dạ dày, có miếng thuốc “thăng”, có “bi” thuốc lào làm mê đầu óc trước khi sống lại những cảnh no đủ, ấm cúng và hạnh phúc trong giấc mơ. Còn tôi, vì là thành phần bản cổ nông cốt cán nên thay vì có miếng gì đó nhét vào mồm giống như người ta, tôi chỉ có đủ khả năng “làm” luôn một lon gô đầy nước lạnh để đánh lừa dạ dày.

Vì đánh lừa dạ dày bằng nước, cộng với trời lạnh bên ngoài nên nước trong người tôi được thải ra thật nhanh qua ngã tiểu tiện. Vì phải ra ngoài trời lạnh đi đại nên nhiệt độ trong người giảm xuống cũng thật nhanh, đắp một cái chăn cũ không đủ ấm nên lạnh. Vì lạnh không ngủ được nên cái đói kéo đến hành hạ. Vì đói mà không có gì ăn nên lại phải uống nước để đánh lừa dạ dày. Vì làm đầy dạ dày bằng nước nên đi đại. Vì đi đại ngoài trời nên lạnh. Vì lạnh nên ngủ không được. Vì ngủ không được nên đói. Vì đói nên phải uống nước... Cái vòng luẩn quẩn đói, uống, đại, lạnh, mất ngủ, đói, uống, đại, lạnh, mất ngủ, đói... cứ như vậy quần tôi cho hết đêm. Cái đói và cái rét là một “đôi bạn chân tình”, vậy mà tôi còn bị cái đói hành hạ trong mùa rét nơi rừng núi miền Trung thì quả là đến nơi đến chốn. Để chống lại cái vòng luân hồi quái ác diễn ra hằng đêm như vậy, những thằng bạn tù bản cổ nông như tôi đã tổ chức “đi bay”. Những chuyến “bay đêm” thật hấp dẫn, vừa kích thích lòng mạo hiểm, vừa có những chiến lợi phẩm có giá trị thiết thực cho dạ dày. Những củ khoai, củ sắn sống nhai nghe ròn tan trong những cái chăn trùm kín mít, những tiếng cười khúc khích hả hê cũng “ròn tan” thỏa mãn cho dạ dày cứ xoáy mãi, xoáy mãi vào tai tôi từng đêm, từng đêm.

Trong hàng ngũ những kẻ “bay đêm”, có loại lương thiện và ít mạo hiểm là những người khoanh vùng mục tiêu ở những nơi “oanh kích tự do” là những vạt sắn, vòng khoai quanh trại.

Tuy là vùng “oanh kích tự do” nhưng đôi khi những tay “phi công” loại này cũng có người “gãy cánh đại bàng”, bị đem ra “vật lỏng” trước “tòa án nhân dân” hoặc “cắt tiết” ngay tại chỗ tùy theo mức độ buồn vui của cán bộ trại nằm phục kích. Có loại rất “sịn” là những tay chỉ chấm một vài mục tiêu cố định nằm sâu trong lòng địch, những “cứ điểm trọng yếu”, những “căn cứ chiến lược” của địch là nhà kho, nhà bếp của cán bộ trại. Loại “phi công” này dễ bị “bắn rơi” hơn nhưng oai hùng hơn và được sự thần phục của đám bạn tù. Còn một loại hèn nhát và vô liêm sỉ, không cần biết một điều gì khác ngoài cái dạ dày của mình, chuyên “bay” loanh quanh những mục tiêu gần như an toàn tuyệt đối trong vùng đất của mình, là những ba lô, túi, sách, của đám bạn tù tự bản nằm chung trong lán.

Theo nội quy và những điều quy định của trại là ai làm nhiều ăn nhiều, làm ít ăn ít, không làm thì không ăn... Tôi có một quan niệm và thái độ rất đứng đắn và sòng phẳng với nội quy, tuy tôi có đổi về của điều lệ, tôi chỉ lao động ở mức độ tương ứng với số lượng calories tôi nhận được hằng ngày theo tiêu chuẩn của trại cấp phát - dĩ nhiên không kể số lượng thực phẩm mà tôi đã “cải thiện linh tinh” được - cho nên tôi luôn luôn bị phê bình mỗi tối khi kiểm điểm công tác trong ngày, và luôn luôn được “bêu dương” trong mọi lần bình bầu những người lao động tốt vào mỗi cuối tuần. Được “bêu dương” là một thành tích mà tôi vẫn ngậm hãnh diện vì nó thuộc vào tội “hộ” chứ không phải là tội “hình” như những chàng “phi công” bị gãy cánh. Cho nên đối thì đối, tôi không gia nhập vào một “phi đoàn” nào, tức là tôi không thuộc vào một nhóm “phi công” nào hết.

“Miếng ăn là miếng nhục, dù có thiếu thốn đến đâu đi chẳng nữa, dù có thèm thuồng đến đâu đi chẳng nữa, miếng ăn vẫn không thể nào làm nhục con người của mình được. Đừng bao giờ để cho người ta khinh mình, chửi mắng mình vì miếng ăn”. Tôi đã tự ra lệnh như vậy và tôi đã thi hành lệnh này một cách triệt để và nghiêm túc trong suốt mấy năm trời nay. Lệnh này được tôi đặt ra từ những ngày Sài Gòn chưa mất, những thằng tù chúng tôi vẫn còn trong tư thế hiên ngang của những thằng tù binh, tiêu chuẩn lương thực 7 lạng gạo mỗi ngày - của đáng tội, thời gian ở nhà binh, tiêu chuẩn 700 gram gạo mỗi ngày bị ăn xén ăn bớt chúng tôi ăn vẫn còn không hết, vậy mà 7 lạng gạo trong tù dù có bị cân thiếu, có bị mối mọt, chúng tôi cũng không thể nào bị đói đến độ...

Trong một buổi sáng tập thể dục, cán bộ trại đã thông báo một chuyện vừa xảy đêm hôm trước, “thau cơm của chó đã bị ăn cấp hết sạch”. Ai ăn cấp? Có thể là đám tù chúng tôi - dĩ nhiên là nếu thau cơm của chó bị đánh cấp thì còn ai ngoài đám tù - cũng có thể là thau cơm của chó đã không bị mất cấp. Ai mà biết chuyện này có thật hay không, ngoại trừ mấy người cán bộ đưa tin và người ăn cấp nếu có. Tuy nhiên, dù có hay không, dù đúng hay sai, vấn đề miếng ăn phải được cảnh giác và bắt buộc phải được đặt vào vị trí đi song song với danh dự của con người, nhất là danh dự của những thằng vừa bị ngã ngựa như chúng tôi, tuy là tù binh nhưng lại nhìn bọn cai tù chỉ là một lũ người bị khinh miệt một cách đáng thương. Vật chất không phải là cứu cánh của đời người. Ít ra, lúc này, ăn để mà sống chứ không phải sống để mà ăn.

Nhưng, giữ không cho bị nhục vì miếng ăn không phải là một chuyện dễ làm trong một chế độ trại tù mà cán bộ luôn luôn bóp chặt dạ dày, luôn luôn dùng miếng ăn để chi phối tinh thần, để bắt đám tù lúc nào đầu óc cũng chỉ nghĩ đến làm cách nào để kiếm chác một thứ gì hầu nhét cho đầy dạ dày. Nếu bị đói một ngày, hai ngày, một tuần, hai tuần, người ta có thể cưỡng chống nổi một cách dễ dàng sự cám dỗ của miếng ăn, nhưng nếu, cái đói, cái thèm đeo đẳng hành hạ con người hết ngày này tháng nọ, năm nào, tháng nào, ngày nào, giờ nào cái đói cũng bám chặt lấy dạ dày, cái thèm lúc nào cũng bám chặt lấy đầu óc, đến nỗi một cục muối bỏ vào miệng ngậm cũng còn thấy ngọt, thì chuyện giữ nổi cho mình không bị nhục vì miếng ăn thì quả là một vấn đề lớn.

Lòng cương quyết của tôi về miếng ăn đã nhiều lần bị chao đảo. Tôi đã cố gắng tránh né tất cả mọi bữa ăn “hàm thụ” của bạn tù trong những lúc rảnh rỗi. Tôi cũng đã cố gắng từ chối lời mời tham dự vào những “chuyến bay” của đám bạn bè “phi công”. Đôi khi tôi cũng được mời ăn “liên hoan” trong chăn, nhưng vì quan niệm phải sòng phẳng, có làm mới có ăn, nên tôi đã không cho phép được tham dự những bữa “liên hoan”, và thực tế cũng không ai muốn mời một thằng chỉ “liên hoan” mà không bao giờ chịu “đi bay”, nên cuối cùng, những tiếng nhai, những tiếng cười “ròn tan” trong chăn lại cứ xoáy mãi, xoáy mãi vào tai tôi từng đêm, từng đêm.

Nhưng tất cả chỉ có vậy thôi thì tôi đã không có gì để kể. Ngày thăm nuôi vừa rồi là ngày giáp Tết. Ai cũng háo hức ra gặp thân nhân, rồi sau đó là gồng, là gánh, là ôm, là vác những túi, những xách, những bao bố đựng đầy những thứ mà đã mấy năm rồi tôi chưa được một lần nếm lại, nào là bánh chưng, nào là bánh tét, nào là đường là đậu, nào là thịt là cá, nào là gà ram, nào là Lạp xưởng, nào là thuốc Lào, thuốc rê, thuốc trắng, nào là kẹo, bánh, mứt - tình cảm gia đình được đánh giá, được cân đo bằng sức nặng của những túi quà thăm nuôi mà - và vì là ngày Tết nên số lượng quà cáp không bị giới hạn. Ngày thăm nuôi giáp Tết này được coi như một ngày hội lớn, một ngày nhộn nhịp thật là nhộn nhịp, một ngày ăn uống ê hề thật là ê hề. Chỗ này ngong ngóng nghe loa gọi tên ra thăm nuôi, chỗ kia ới ới gọi nhau mời mọc.

Tôi biết thân tôi, một thằng không bao giờ nhận được thư nhà chứ đừng nói là quà cáp hay thăm nuôi, nên tôi đã phải trốn lên phòng đọc sách để ngồi cho vắng, để tránh xa cái ê hề, cái nhộn nhịp của một ngày thăm nuôi gần Tết. Tôi không ngong ngóng vì biết chắc chẳng có ai thăm nuôi. Tôi không lượn qua lượn lại để người ta thấy mặt người ta thương hại người ta bố thí cho một lời mời, vì không bao giờ tôi có gì để mời lại họ, có qua có lại mới toại lòng nhau chứ. Và chắc chắn cũng chẳng có ai thèm mời tôi vì tôi thường xuyên từ chối lời mời của họ, mắt công mang ơn, mắt công nghe kể lể. Nhưng nếu đèn nhà ai nấy sáng thì cái đói đã không quay quắt tôi bao nhiêu, đằng này, thể theo lời đề nghị của đa số trại viên - dĩ nhiên là những tay có thăm nuôi - tiêu chuẩn ăn của những ngày thăm nuôi giảm xuống còn một nửa, nửa còn lại để dành để thêm thất cho những ngày sau, mà mỗi mâm ăn vẫn phải chia đều cho đủ phần sáu người. Với đủ tiêu chuẩn lương thực trong ngày đã không thể làm đầy dạ dày, vậy mà tôi chỉ có được một nửa tiêu chuẩn trong bụng ngồi bên cạnh những kệ sách thu hoạch năm tấn, mười tấn mỗi héch ta, chủ nghĩa bách chiến bách thắng, sỏi đá cũng thành cơm... để trốn cái thèm thuồng, cái đói khát. Tôi ngồi mặc đói, mặc lạnh để tránh phải nhìn cảnh những thằng bạn tù lằng xằng nấu nướng, phủ phê ăn uống. Tôi không muốn ai thương hại tôi, tôi không muốn phải thấy những cặp mắt “thương xót”, tôi không muốn nhận của bố thí - nếu có - từ lòng thương hại của những kẻ đã thừa mưa.

Tôi cứ ngồi một mình chịu đói, chịu lạnh như vậy cho đến khi kiếng điểm danh đêm tôi mới trở về lán. Đêm này, đêm của ngày thăm nuôi nên chỉ có điểm danh mà không có kiểm điểm công tác, không có đọc báo để học tập, nên từ lúc điểm danh đến lúc ngủ thời gian còn lại kể cũng khá dài. Mọi người lại quây quần ăn uống. Tôi không thể ra ngoài vì trời đã quá lạnh, đành phải về chỗ nằm.

Cứ hai cái chiếu rộng một thước là ba người nằm. Khốn khổ cho tôi là tôi lại nằm giữa hai tay tư bản gộc. Hai tay tư bản này nấu một nồi chè lớn, mời bạn bè cùng giai cấp đến ăn. Tôi phải nằm co chân lên cho họ có chỗ ngồi. Chăn trùm kín đầu, mắt nhắm nghiền nhưng nào tôi có ngủ được, tất cả mọi tiếng động chui vào tai tôi rõ mồn một, kể cả những tiếng động nhỏ nhất. Tiếng khoắng môi múc chè, tiếng húp chè xùm xụp, tiếng kéo thuốc Lào xòng xọc, tiếng nói cười tràn đầy thỏa mãn.

Tiệt tan, mọi người giải tán, hai tay tư bản cạnh tôi vừa dọn dẹp vừa nói với nhau.

- Còn một tô, mỳ ăn nết đi.

- No thấy mẹ rồi còn ăn gì nổi nữa. Mỳ ăn đi.

- Tao cũng ăn hết nổi rồi, mà đồ đi thì uống. Hay mình chia đôi.

- Đổ đi. Chỉ cần húp thêm một miếng nữa là tao ọc ra hết.

Người tôi run lên bần bật, tôi mím môi, bạnh hàm, nghiến chặt răng, nuốt liên tục mà sao nước dãi cứ ứa ra, đầy mồm rồi trào ra mép. Với một sự cố gắng vượt bực, tôi vẫn không thể kềm giữ nổi nước dãi, nước mắt tôi cũng tự động ứa ra, không hiểu tại sao. Đưa tay quẹt mồm và dụi mắt liên tục vẫn không ăn thua gì. Trời ơi, tôi bắt lực rồi, tôi không còn kiểm soát được tôi nữa rồi. Tôi thua cuộc rồi. Tôi lảm nhảm, cầu xin trong đầu: “Mời tao đi, mời tao một tiếng, một tiếng thôi. Hãy mời tao một tiếng để cho tao từ chối. Có được mời và tiếng từ chối được phát ra thành tiếng, nước dãi tao mới hết chảy. Mời tao đi, mời đi, một tiếng thôi”. Nhưng chẳng ai mời tôi tiếng nào. Hai người cứ chỉ mời qua mời lại, rồi cuối cùng đem đồ.

Tai tôi nóng bừng lên, đầu tôi như vỡ tung ra hàng trăm nghìn mảnh. Tôi hét to lên một tiếng, và tôi không còn biết mình là ai, tôi không còn biết mình đã làm những gì nữa.

Cho đến tận bây giờ, mọi người có mặt trong lán, kể cả hai nạn nhân vẫn không biết lý do tại sao lại bị một trận đòn thù đến nỗi phải đi nằm trạm xá, và tôi, bị cùm để được ăn một cái Tết trong xà lim.

Quyền tối thiểu

“Không, không thể có chuyện đó được”, nét mặt Toàn biến đổi thật nhanh, lúc hân hoan, lúc đau khổ, “Tao không tin được...”

Thành cười hóm hỉnh:

“Kính thưa mày, lúc gánh tranh về trại, chính mắt bố thấy vợ mày vào văn phòng ‘khung’, dù nhìn từ xa, dù vợ mày thay đổi khá nhiều, nhưng bố mày làm thế chớ nào được.”

“Tao không bảo mày làm hay không làm, tao chỉ không tin là vợ tao bị kẹt lại, và bây giờ mò ra tận đây thăm tao. Làm sao nó biết được là tao ở đây.”

“Bố mày chỉ trình với mày như vậy. Còn tin hay không là việc của mày, và mày được ra gặp hay không là việc của ‘khung’. Bố mày đếch có trách nhiệm.”

Toàn trầm ngâm:

“Phải chi lúc nãy tao gánh tranh về...”

“Mày vẫn không tin? Mặc xác mày. Thôi, cắt tranh đi con trai. Bố mày đếch nó chuyện với mày nữa.”

Toàn thắc mắc:

“Mày biết quá rõ gia đình tao. Vợ tao vượt biên đã gần cả năm nay. Tại sao lại có chuyện ra thăm nuôi...”

“Vấn đề không ở chỗ vợ mày bị kẹt lại hay không bị kẹt lại, mà vấn đề ở chỗ, một chút nữa, mày có được thăm nuôi hay không.”

Mặt Toàn ngẩn ra:

“Chắc là phải được thăm nuôi chứ. Tuy không bao giờ được biểu dương, nhưng tao chưa bao giờ bị ‘bêu dương’, chưa bị phạt, bị kỷ luật. Nhưng mà... Có chắc là vợ tao không đã... Hay mày nhìn gà hóa cuốc...”

“‘Một trăm em ơi’ là vợ mày...”

“Vậy thì chắc chắn tao phải được thăm nuôi... vì tao chưa phạm phải điều gì mà trại gọi là sai trái.”

“Ừ, thì cứ hy vọng đi con. Nhưng, mày nhớ một điều, hôm nay không phải là ngày thăm nuôi. Thôi,” Thành nhìn ra vạt tranh, “cắt hết vạt này chắc là đủ một gánh nữa. Bố bố lại cho mày gánh về.”

“Giờ này mới gánh về thì còn nước mẹ gì nữa.”

*

Trời lạnh cóng tay, gió thổi buốt mặt, tranh ướt sương nhớp nháp, bần. Khó chịu. Toàn cúi xuống tiếp tục cắt tranh, lưới liềm cắt vào tay, máu lẫn vào sương ướt đỏ cả nạm tranh. Toàn đưa ngón tay chảy máu vào miệng. *Máu mặn. Anh tưởng anh đang uống những giọt nước mắt của em, người đàn bà đã chia sẻ với anh những tháng ngày hạnh phúc và khổ đau. Anh tưởng như đang ôm em vào lòng, đang ôm tấm thân bé bỏng nồng cháy, đang ngửi lại mùi thơm của mái tóc dài mà anh say mê ngay từ phút đầu gặp gỡ. Anh tưởng như đôi môi nức nở vì lạnh, vì đôi môi của anh đang áp lên đôi môi em. Anh tưởng như anh đang hòa nhập vào em, tan ra trong thân thể vợ anh, nghe lại những lời nói dịu dàng của người đàn bà mãi mãi là của anh.* Toàn ngồi phệt xuống, ngả lưng trên đồng tranh chưa bó. *Không, anh và em sẽ không thể nói một lời nào, bởi vì vợ chồng mình có quá nhiều điều để nói. Khi người ta có quá nhiều điều để nói, người ta sẽ không nói được gì. Người vợ yêu quý của anh, em có biết anh nhớ em đến là chừng nào, anh yêu em biết là chừng nào... Em yêu của anh, chỉ vài tiếng đồng hồ nữa thôi, không lâu lắm đâu phải không em, không lâu đâu phải không em. Anh đang như điên lên đây em biết không?*

Cùng với những tưởng tượng miên man, Toàn ngạc nhiên thấy những cảm xúc nôn nao, háo hức tưởng từ lâu không còn, đang cuộn cuộn như sóng dâng lên trong lòng. Người chàng hừng hực như làm tan biến cả cái lạnh buốt của mùa đông.

*

Tiếng Thành oang oang mắng nhiếc:

"Tiên sư nhà anh, bao nhiêu thằng mơ được ngủ ở nhà khách với vợ, anh lại vác mặt vào đây. Chắc là vợ anh có thằng khác, đêch cho anh ngủ chứ gì. Hay là anh đã liệt dương mẹ nó rồi, không còn làm ăn gì được nữa, sợ vợ nó chê, nó về kiếm thằng khác... Tiên sư nhà anh..."

Toàn nhíu mày, nói nhỏ:

"Nói thật với mày, không phải tao không yêu, không phải tao không thèm, cũng không phải tao không đủ sức, mà vợ tao cũng chẳng có gì thay đổi cả, tuy có xấu đi một chút, già thêm một chút. Nhưng, không được... tao không... thích, thế thôi."

"Đồ ngu. mày là thằng đàn ông ngu nhì trên thế gian này, mày hiểu không?"

Toàn ngớ ra:

"Sao lại ngu nhì?"

"Vì tao luôn luôn là thằng nhân đạo. Nhân đạo thật chứ không phải nhân đạo vẹt như mình vẫn nghe ra rả hằng ngày đâu. Không bao giờ tao cho ai điểm nhất, và cũng không bao giờ cho ai điểm bét. Hạng nhì để còn chừa chỗ cho thằng khác hy vọng sẽ lên hạng nhất, và tao cho mày ngu nhì là để an ủi mày, để mày hy vọng may ra còn có thằng ngu hơn. Nhưng cái ngữ mày, tao thấy khó có hy vọng lắm."

"Đồ đểu."

"Chứ không à? bao nhiêu thằng bon chen, nịnh hót, kiếm điểm, làm 'ăng ten', bôi mặt hại anh em đồng đội, chỉ để mơ ước một ân huệ là được ngủ đêm với vợ trong ngày thăm nuôi. Mày 'bất chiến tự nhiên thành', vậy mà mày lại bỏ con vợ trẻ ngon lành của mày năm trở ra với muỗi mà mày chịu được à?"

"Mày tưởng tao không đau khi quyết định bỏ vào trại à?"

Thành dụ giọng:

"Mày nói thật đi, có gì trục trặc giữa vợ chồng mày không?"

"Không trục trặc mẹ gì cả. Tao không thích, thế thôi. Và dĩ nhiên là vợ tao không biết là tao được ngủ lại nhà khách."

"Gàn, ngày trước mày là lính chứ có phải là thầy giáo chó đâu mà giờ thói đồ gàn ra đây. Mẹ kiếp, *con không ăn muối con ươn, con không ngủ với vợ, trăm đường... vợ con hư*, nghe không con."

"Nếu chỉ vì không ngủ với chồng một đêm mà vợ tao hư, thì tao cũng đành chịu thôi."

"Tiên sư cha nhà anh, vậy thì anh là thằng ngu nhất rồi, chứ không còn được hưởng ân huệ hạng nhì nữa. Không phải đêm nay chỉ có nghĩa đơn thuần là một đêm, hiểu không con trai."

Bao nhiêu năm chờ đợi trước đây, và sau hôm nay, bao nhiêu năm sau này nữa, vợ anh không biết có còn được gặp cái mặt mệt của anh hay không. Bố anh muốn nói lỡ một đêm là lỡ cả một quãng đời dài, nghe thủng ra không con trai? Sao anh dại thế? Anh hãy giải thích cho bố anh nghe đi.”

“Thì tao cũng đành chịu thôi, Thành ạ!”

“Chịu thôi?” Thành ngạc nhiên. “Như vậy là nghĩa làm sao?”

Toàn gần giọng:

“Nghĩa là làm sao? Nghĩa là làm sao hả? Các anh được hưởng chính sách khoan hồng nhân đạo của cách mạng. Cách mạng đã tha tội chết cho các anh, giáo dục các anh trở thành người tốt cho xã hội, lại còn cho gia đình đến thăm, lại còn được hưởng đặc ân ngủ lại đêm với vợ nữa...”

Thành cười:

“Chứ còn gì nữa. Mẹ kiếp, mày đừng lập lại như một con vẹt những câu thằng nào cũng thuộc chứ.”

“Tao tưởng mày khá hơn một chút. mày hãy nghĩ xem. Ừ, hãy động não thử xem. Vợ chồng ngủ với nhau mà là một đặc ân à? Ngủ với vợ cũng phải có thằng cho phép à? Thú vật ngủ với nhau cũng không phải là đặc ân của ai hết mà. Hừ, thái độ ngạo nghễ thi ân. Tao hèn, tao không dám chống đối, nhưng ít nhất, tao cũng còn có cái quyền tối thiểu là không thèm nhận sự ban phát ấy chứ.”

Cái lưới câu

Thạnh năn nỉ:

“Mày thông cảm, tao chỉ có hai thìa.”

Tường lắc đầu:

“Ba là ba.”

Thạnh thở dài:

“Hay mày cho tao thiếu.”

“Thiếu? Rồi lấy gì mày trả?”

“Thì...”

“Không.”

Thạnh thất vọng:

“Thôi thì, lấy cái hạng nhì vậy.”

“Đưa đây.”

Thạnh móc trong túi ra một miếng vải được buộc túm chặt bằng lạt tre, cẩn thận gỡ sợi lạt. Một dúm muối hột đen bần hiện ra. Thạnh trân trọng, nâng niu múc, vừa chắt được hai thìa, đổ vào bát của Tường. Tường chăm chú nhìn Thạnh đong muối. Xong xuôi, Tường chùi cái lưới câu thêm một lần trước khi đưa cho Thạnh. Thạnh cầm lưới câu, mắt nhìn với theo bát muối trên tay Tường. Còn một ít muối vụn dính vào miếng vải, Thạnh thè lưới chấm chấm. Vị ngọt lan nhanh trong miệng, nước bọt ứa ra.

Những sợi chỉ tháo từ cái ba lô rách trở thành dây cước, Thạnh buộc vụng về nhưng cẩn thận vào cái lưới câu vừa “mua” được. Có thể chứ, cuối cùng mình cũng đã có được cái lưới câu. Dù không bằng cái hạng nhất làm từ kim băng, nhưng, vẫn là một cái lưới câu, hạng nhì.

*

Để chống lại cái rét căm căm của mùa Đông núi rừng miền Bắc, hơn bốn chục người tù phải bốc thăm để chia nhau một cái áo ấm. Ngoài sân, lửa phải đốt suốt ngày. Đêm, phải mang than hồng lót dưới sạp nằm. Lúc nửa đêm, cái lạnh nhúc xương làm Thạnh thức giấc, than đã tàn, Thạnh ra đóng lửa ngoài sân hút một điếu thuốc lào.

Vừa đặt điều xuống, Thanh thấy thốn đau ở ngực, cổ họng như có cái gì muốn trào ra, mà không phải là nôn. Chúi đầu xuống đồng lửa, Thanh há miệng, nước lẩn bọt từ trong ngực dồn lên, rồi tự động tuôn ộc ra khỏi miệng từng đợt từng đợt.

Toàn, cũng không ngủ được, đang ngồi hơ lửa, hốt hoảng kêu lên:

“Thanh! Mày ói ra máu!”

Thanh đưa tay quệt ngang miệng, giơ ra ánh lửa. Màu đỏ tươi dính trên tay áo. Thanh lại gập người xuống, há hốc miệng vào đồng lửa, máu lại trào ra.

Toàn chồm tới, đưa tay đỡ lấy ngực Thanh:

“Để tao lên bệnh xá xin thuốc cầm máu.”

Toàn đứng dậy, dợm bước. Thanh thều thào gọi giật lại:

“Thôi Toàn, để họ ngủ.”

“Nhưng máu ra nhiều thế kia.”

“Có thuốc đâu mà xin. Mà... cũng không cần. Chỉ cần mày... làm chứng... cho tao... là đủ rồi.”

Làm chứng tao mửa ra máu, may ra, tao sẽ được nghỉ lao động một ngày. Được nghỉ những nguyên một ngày lao động... Bỗng dưng, đám máu tươi bầy nhầy không làm Thanh sợ choáng người như lúc vừa nôn. Ngược lại, nó đã trở thành những tia hy vọng.

Thanh nhìn Toàn, hy vọng...

Toàn chỉ lắc đầu, lẩm bẩm trong miệng:

“Không có thuốc, rồi làm sao qua được mùa Đông này...”

Thanh đưa tay chận ngực, hỏn hển:

“Qua được hay không qua được, nói làm gì. Mày nhớ... làm chứng... cho tao nghe.”

*

Cái phao động đậy, Thanh hồi hộp đợi. Cái phao vẫn động đậy. Chờ cho đến khi cái phao đứng yên, Thanh cẩn thận nhắc cần. Con giun mỗi biến mất, chỉ còn trơ ra cái lưỡi câu.

Cái phao lại động đậy, Thanh hồi hộp. Cái phao đứng yên, Thanh lại cẩn thận nhắc cần. Con mỗi biến mất, lại chỉ còn trơ ra cái lưỡi câu.

Cái phao động đậy. Lần này, Thanh không đợi nữa mà, vút... Thanh giựt mạnh cần.

Nặng tay. Sợi dây cước căng hết cỡ làm cong đầu cần.

Thanh giựt giựt cần, vẫn nặng tay.

Chắc là một con cá to, phải là cá to chứ. Cái hố bom B-52 kín đáo, nằm khuất sâu trong rừng già, mới chỉ có một mình Thanh tìm ra. Cái hố bom mà Thanh phải thật gian nan mới vào đến được, chưa kể phải đánh dấu để khỏi lạc đường về trước khi trời tối. “Một con cá to,” Thanh nhớ ngay đến Toàn, chắc cũng phải tìm cách chia cho nó một phần. Nghĩ đến đây, Thanh hứng chí, mẹ, thằng vua “cò tây” suốt ngày ngâm nga “sống trên đời...”, con vật “ăn đủ thứ” ấy mà bạn tao còn khen ngon, thì hưởng gì mà, cá ơi là cá! Bất kể mà ăn cái gì ở dưới hố bom này, chúng ông cũng ăn mà, chúng ông cũng ăn mà cho đã đời. Thanh liếm môi, hít hít mùi thơm tưởng tượng, nuốt ực miếng nước bọt vừa ứa ra.

Nhưng, nhìn lại, cái phao không còn động đậy, Thanh dâm nghĩ ngợi. Nếu là cá to, thì cái lưỡi câu hạng nhì và cái gọi là dây cước, nó chỉ cần tấp nhẹ một cái là đã đi đời nhà ma rồi, chứ sao lại nặng. Hay là... rắn? Hay... một con quái vật rừng già nào khác? Hay là, lưỡi câu đã lọt thõm vào giữa hàm răng của... một cái đầu lâu đã thành tinh dưới đáy hố bom cũng là đay huyết?

Thanh chùn tay, đảo mắt nhìn quanh, bỗng nhận ra, trong cái không gian âm u đầy đe dọa của núi rừng hoang rợ vào lúc buổi chiều đang dấy chết này, Thanh chỉ có mỗi một mình, với cái hố bom ma quái.

Gió bắt đầu thổi mạnh, luồn qua khe núi, thốc qua những lùm cây, những bụi gai rừng, rít lên từng chập. Tiếng côn trùng rền rĩ càng làm khung cảnh thêm thê lương. Thanh gai người, nhớ lại những đêm hành quân lớn vờn những xác người và chồn vờn những bóng ma.

Nghĩ đến ma, Thanh nhớ lại câu chuyện một người lính kể vào một đêm trời cũng chập choạng tối như đêm nay:

Đơn vị em vừa tái chiếm một ngọn đồi, sau một trận đánh khốc liệt. Mùi máu tanh như vẫn còn vương vất trên những lùm cây. Em ngồi gác, trong bóng tối nhá nhem của buổi chiều, khu rừng già trước mặt như vẫn còn đầy bất trắc. Trong không gian im vắng, đột nhiên em thấy như có gì di động trong rừng cây. Phản xạ của một thằng lính gác là mở chốt an toàn của khẩu súng trên tay. Nhưng trong khoảnh khắc, em chợt nghe rõ "cách", tiếng mở khóa an toàn một khẩu M-16 khác ngay bên cạnh. Em giật mình quay lại, một thằng lính lạ mặt, không cùng đơn vị đã đứng cạnh em từ lúc nào. Quá lạ và vô lý, em đang gác ca đơn, ca gác đơn không thể có hai người. Thằng này ở đâu ra?

Nó nhìn em:

"Vô sự. Gió đấy thôi!"

Kinh ngạc và hoang mang, em hỏi nó:

"Mày là ai? Sao lại ở đây?"

Nó co ro:

"Lạnh quá, cho tao ngồi chung với. Giờ này là ca gác của tao."

Rồi nó tự động lột mũ sắt ngồi xuống. Em nhìn phù hiệu trên tay áo nó:

"Mày có lộn không? Đây là đơn vị tao, mày về đơn vị mày mà gác."

Nó cãi:

"Đơn vị tao ở đây".

Nó vừa nói vừa chỉ tay xuống đất, ngay dưới chỗ hai đứa đang ngồi.

Lúc em nhìn lên, nó biến mất, em vụt nhớ lại khuôn mặt nó, khuôn mặt xanh lè của một xác chết, với bệt máu còn đọng trên mép chưa khô, phù hiệu đeo trên tay là của một đơn vị bạn từng đóng trên ngọn đồi này, đã chết không còn ai, trong một trận tấn công của địch mấy tháng trước, xác không kịp mang đi, được lấp vùi vàng tại đây, ngay dưới chân vọng gác này.

*

Gió rít mạnh hơn, tiếng rít của núi rừng hay tiếng rít ai oán của những thân ma đang nằm rên rỉ dưới đáy hố bom? Thanh rùng mình kéo cao cổ áo. Người anh em phía bên kia muốn về báo hận ta chăng? Thôi, hận nhau làm gì nữa, các anh nằm dưới đáy hố bom thì cũng đâu khác gì tôi đang ngồi dưới đáy vực của cuộc sống này. Nói cho cùng, chúng ta không phải là đồng đội, nhưng là đồng nghiệp với nhau đấy chứ. Các anh không thấy sao? Chúng ta đều là những người trẻ, đi lùng giết nhau để tranh giành những thung lũng, những ngọn đồi đầy xác chết. Thanh dợm người, với tay kéo mạnh chiếc cần câu. Chiếc cần vẫn cứng ngắc như có ai ghì lại dưới đáy. Mặt nước bây giờ đã đầy bóng tối. Thanh căng mắt nhìn.

Không còn thấy cái phao.

Bõm...

Có ai vừa nhảy xuống nước, hay tiếng của một vật gì rơi.

Thanh giật mình hốt hoảng, định bỏ chạy, nhưng cái cần câu trên tay kéo giữ Thanh lại.

Và, Thanh thoát nghĩ đến cái lưới câu.

Ừ, cái lưới câu. Thanh không thể để mất cái lưới câu. Hai thìa muối, cả một gia tài đã mất, một quyết định lớn đã làm sau bao đêm suy nghĩ đắn đo. Cái lưới câu và những con cá mơ ước, có lẽ nào Thanh lại chịu thua.

Thanh toát mồ hôi. Phải quyết định. Giật mạnh cần thì sẽ mất cái lưới câu. Lội xuống nước mò theo sợi dây cước tìm cái lưới câu thì... Thanh rợn người không muốn nghĩ tiếp.

Bóng tối bây giờ dày đặc. Thanh co dúm người, gục đầu xuống hai tay đang ghì chặt chiếc cần câu.

Lạnh, và sợ. Nỗi sợ hãi ập xuống cùng bóng đêm, cái lạnh cào xé cùng gió buốt. Thanh run rẩy, tuyệt vọng. Và muốn bật khóc. Nhưng cùng lúc ấy, hình ảnh cái lưới câu và những con cá béo

nhảy hiện ra. Can đảm lên Thạnh ơi, chỉ cần mò theo sợi dây cước, lặn xuống nước thì sẽ “cứu” được cái lưới câu, sẽ có cá ăn. Sẽ có cá ăn..

Bỗng dưng, Thạnh nhận ra mình đang đói.

Cái đói cồn cào ruột gan, cái đói quắt quay trí não, cái đói thúc giục chân tay, nó kéo đôi chân cong queo của Thạnh đứng lên, nó đẩy thân hình xác xơ xiêu vẹo của Thạnh chập choạng bước tới.

Thạnh nhắm mắt. Hai tay ôm ngực chận cơn nôn. Méo miệng cười, nhào xuống nước...

Ngu như lợn

Lý lịch của Mạnh chuột đọc đợc trên tờ trích ngang:

- Họ và tên: Nguyễn Đức Mạnh

- Cấp chức sau cùng: Y Sĩ Đại Úy, Đại Đội Phó Quân Y

- Đơn vị sau cùng: Sý Đoàn Nhảy Dù

Mạnh chuột không loát choát nhý cái biệt danh “chuột” mà anh em cùng trại đã đặt, mà Mạnh chuột to lớn, vẻ to lớn của một võ sĩ hạng trung đã đấu nhiều trận trên võ đài. Không to lớn thì sức mảy mà đi đợc lính Nhảy Dù.

Mồm miệng Mạnh chuột cũng không chu ra nhý cái biệt danh lạ lùng, giống nhý những đồng nghiệp “lýõng y” đang làm cán bộ, mà phải công nhận một cách “lô gích” là Mạnh chuột đẹp trai. Không đẹp trai, sáng sủa sức mảy mà học giỏi. Bác sĩ mà. Đã là bác sĩ thì tự động phải đẹp trai. Không tin, cứ hỏi các cô thì biết. Cái khoản học giỏi, anh em trong trại không ai thắc mắc, vì ở đây, chỉ cần sức khỏe chứ không ai cần học thức. Nhýng... cán bộ đồng nghiệp thắc mắc. Một hôm, không hiểu vì hay phát biểu linh tinh, hay vì cái vẻ ngoại hình làm ngứa mắt cán bộ đồng nghiệp trong ban y tế trại, Mạnh chuột bị gọi lên chất vấn để bổ túc thêm cho bản lý lịch. “Anh học đến đâu?”

“Bác sĩ.”

“Chúng tôi biết anh là bác sĩ rồi, nhýng anh học đến đâu?”

“Bác sĩ y khoa.”

“Này, tôi không đùa đấy nhé. Anh là bác sĩ thì chúng tôi biết rồi, nhýng anh học đến lớp mấy?” Mạnh chuột ngó ra. Cán bộ y tế vừa để khoe và cũng vừa để giải thích thật cặn kẽ cho tên bác sĩ Ngụy ngu dốt này hiểu câu hỏi:

“Tôi biết anh là bác sĩ rồi, nhýng anh học đến lớp mấy. Nhý tôi cũng là bác sĩ, tôi vừa học bổ túc xong lớp sáu.”

Cái sức học của Mạnh chuột, vì vậy, vẫn còn là một nghi vấn.

Đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu.

Riêng cái khoản con nhà giàu thì không biết, không ai biết ngoại trừ chính Mạnh chuột. Có lắm kẻ con nhà nghèo vẫn đợc thăm nuôi soành soạch, và cũng có lắm kẻ con nhà giàu, bỗng dýng trở thành “con bà phýớc”. Mạnh chuột thuộc loại con bà phýớc trong trại nên cũng khó mà nói Mạnh chuột là con nhà nghèo hay con nhà giàu. Từ ngày đi “cải tạo” đến giờ, chuyển qua bao nhiêu trại, có bao giờ Mạnh chuột đợc thăm nuôi đâu.

Tóm lại. Đẹp trai thì đúng rồi. Học giỏi, còn đang nghi ngờ. Con nhà giàu, không ai biết. Nhýng, đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu chẳng để làm gì cả. Tất cả chẳng nói lên một tí cái gì cả, chẳng nhờ thế mà đợc thêm tí sắn, tí khoai nào cả. Nguyễn Đức Mạnh chỉ là một anh Y Sĩ Đại Úy Nhảy Dù bị phạt đang cong đít ra đào giếng. Hết.

Tóm lại, con ngýời Mạnh “chuột” chẳng có gì đặc biệt cả.

*

Chỉ có một tí đặc biệt về cái biệt danh “chuột”.

Để “cải thiện linh tinh” cho cái bụng, để có một chút protéin cho cái thân hình vạm vỡ lúc nào cũng thiếu “chất tỹ” này, Mạnh chuột chuyển khả năng từ một anh chuyên viên chữa ngời sang một anh chuyên viên chăn nuôi.

Một hôm Mạnh chuột vớ được một ổ chuột con, sau khi “sỡ tái” vài con, Mạnh chuột đã “đầu tỹ” để lại một đực một cái. Mạnh chuột đào một cái hố, có rào ngăn cẩn thận, nuôi cặp chuột “bánh tổ” này để làm “kinh tế”. Một thời gian không lâu, nhờ trời, bánh tổ sinh “thái tổ”, thái tổ sinh “thái tông”, thái tông sinh “thánh tông”, thánh tông sinh... Ôi thôi, không biết đến tam tứ ngũ lục đời con cháu họ hàng nhà chuột. Cái hố không đủ sức chứa, Mạnh chuột bèn phát triển nghề nghiệp, nói rộng thêm hố mới đủ chỗ chứa cho nguồn cung cấp chất thịt này. Bọn bè đồng trại, nếu ai không sợ “thịt” đều được hưởng nhờ. Mà thực ra thì cũng chẳng ai sợ. Từ đó, Mạnh chuột được anh em “thân thỹ” đặt cho chữ “chuột” đằng sau cái tên đẹp đẽ, rất đàn ông, Mạnh.

Nhýng, đôi lúc, soi mặt vào vũng nước, Mạnh chuột cũng có cảm giác là hai má hơi hóp lại, miệng hình nhý có dài ra, nhòn nhọn, môi trên nhý có vẻ lúc nào cũng đang giựt giựt.

Tuy vậy, Mạnh chuột vẫn thỹng hãnh diện khoe với bạn cùng trại về sự tiên bộ, thức thời của mình:

“Trỹc 75, ngời ta đầu tỹ chất xám thì tao đi học. Bây giờ, ngời ta không cần chất xám nữa, mà chỉ cần 'chất tỹ'. Tao nuôi chuột.”

Ngoại trừ chuyện chăn nuôi, tiêu thụ và phân phối cho anh em cùng đội những con chuột còn đồ hỏn để làm chất tỹ, Mạnh chuột chẳng có gì đặc biệt. Mạnh chuột sống lẫn vào đám đông thảm lặng, đúng nhý lời cán bộ vẫn mắng là “nín thở qua sông”. Giản dị một điều, Mạnh chuột biết mình là thằng hay bốc đồng, ýa đóp chát, không chui vào đám thảm lặng này thì, một sớm một chiều, chẳng lẽ lại chuyển “võ nghiệp” vừa bị mất cùng miền Nam sang thành “khẩu nghiệp”.

Mạnh chuột đã có lần tạo được một cái cơ để giữ sự im lặng. Một “ông” công an cán bộ tuổi cũng khoảng trên dỹoi mỹoi tám, đững khoa chân múa tay dạy dỗ đám “trại viên”, “thằng” trẻ nhất cũng trên dỹoi ba mỹoi, “thằng” già thì đầu đó năm, sáu mỹoi tuổi, về cách giáo dục, nuôi dạy con cái trong nhà. Mạnh chuột điên lên đỹoc, nhýng, cũng may, Mạnh chuột tự tìm ra đỹoc một lý do là chính mình cũng chỹa vợ con, thì làm sao “gây” với “ông” cán bộ này đỹoc.

Vậy mà, cái khẩu nghiệp đâu có tha cho Mạnh chuột, đã gọi là “nghiệp” thì làm sao mà thoát. Đã mang lầy “nghiệp” vào thân mà.

Hôm bác Tôn Đức Thắng chết, cả nước để tang, ai oán, sầu não trùm lên mọi cảnh vật, lên mọi ngời, nhất là các cán bộ. Vậy mà Mạnh chuột lại dám cỹoi. Sau một ngày lao động cật lực “dâng lên bác” để tỏ lòng thỹng tiếc, để “biến đau thỹng thành hành động”, Mạnh chuột đã mặt mũi hỏn hỏ cỹoi cỹoi đố bạn:

“Tao đố chúng mày biết tại sao Tôn Đức Thắng chết?”

“Thì tại già...”

“Thì tại bệnh...”

“Già gì, bệnh gì...”

Mạnh chuột đảo mắt nhìn quanh, điều chỉnh âm thanh chỉ vừa đủ cho đám bạn tù đững quanh nghe, nhại giọng Nam:

“Thằng chó nào ‘đức thắng’ mà ‘hỏng chót’.”

Không hiểu sao, dứt khoát là không có “ãng ten”. Lờn đồn thằng này ãng ten, thằng kia ãng ten đều là láo khoét, đều là thất thiệt cả. Nhýng, không hiểu sao, ngay ngày hôm sau Mạnh chuột ta lét thẳng vào connex, bị biệt giam sau một trận “tự kiểm” toe ngời. Mặc dù Mạnh chuột nhất địn không nhận tội giũu bác Tôn. Không lét sao đỹoc khi mà mặt mũi thì tím bầm, sýng húp lên, môi thì tỹa máu tỹoi, ngời thì mềm nhý cọng bún.

Rõ ràng Mạnh chuột là một thằng không có học. Vì nếu có học, ai lại đại gì đi mua vui, chỉ đỹoc có mỗi một tiếng cỹoi cho mấy thằng tù, để rồi đỹoc hưởng sự “khoan hồng” nhý thế này. Và cái

sự “khoan hồng” này không biết còn kéo dài đến bao lâu.

Nhýng, chắc là không lâu, vì...

Mới qua đến ngày thứ ba, đang ngồi ngủ, dĩ nhiên là ngồi vì “nhà” biệt giam không đủ cao để Mạnh chuột đứng, và cũng không đủ dài để Mạnh chuột nằm. Đẳng đã tha tội chết, và đẳng chỉ tha tội chết thôi, chứ đẳng đâu có tha tội sống, nên những tội khác đẳng không tha, đẳng phải “chuyên chính” với những kẻ không chịu học tập. Biệt giam khời khời với cái tội dám mang bác Tôn ra mà cỡi nhý vậy là nhẹ lắm rồi.

Mạnh chuột đang ngồi ngủ, thì có tiếng lách cách mở ổ khóa. Giọng của “đẳng” vang lên: “Anh Nguyễn Đức Mạnh.”

Mạnh chuột thều thào qua đôi môi còn đang sýng tấy lên:

“Có.”

“Đi ra.”

“Chân tôi bị cùm, không đi ra đýợc.”

Ánh đèn pin cực mạnh chiếu thẳng vào mặt làm chói mắt; có những va chạm dýới chân, Mạnh chuột biết là có người mở khóa chốt cái cùm.

“Anh theo tôi lên khung.”

Chết mẹ rồi, tội này đâu phải là nhỏ. Thăng Trung Úy San bên Thủy Quân Lục Chiến chỉ vì cái tội đứng bên này hàng rào kẽm gai, khua chân múa tay cãi nhau với “đẳng” ở bên kia hàng rào trýợc 75, vô tình bị nhận diện sau một buổi xem phim tài liệu để “học tập”. Chỉ vì cái tội đó thôi mà nó còn bị vứt xác ở bìa rừng, hưởng hồ... Vừa đi theo cán bộ, Mạnh chuột vừa hỏi hợp. Nửa đêm khuya khoắt thế này mà gọi lên khung thì thế nào cũng có chuyện, hung chắc chắn là nhiều hơn kiết rồi.

Mạnh chuột giả vờ đau chân, mà không giả vờ cũng không đýợc, chân bị cùm ba ngày làm thế nào mà không đau cho đýợc. Mạnh chuột đi khắp khiểng để kéo dài thời gian, theo dõi những hành động của cán bộ. Hung hay kiết sẽ lộ ra trên thái độ của anh chàng cán bộ này. Tên này tại sao hôm nay lại có vẻ hiền từ. Mặt không hầm hầm nhý mọi ngày, lại còn cá không hổi thúc Mạnh chuột phải đi nhanh.

Vừa býợc vào khung, cán bộ trực trại đã đợi sẵn, hỏi Mạnh chuột một cách “dịu dàng”:

“Anh là bác sĩ, vậy thì anh có biết đỡ ỡ ỡ không?”

Mạnh chuột hoàn hồn. À ra thế. Mẹ kiếp, hóa ra là chúng mày cần đến chuyên môn của ông.

Tuy không phải là bác sĩ chuyên về sản khoa, nhýng thời còn là sinh viên đi thực tập, Mạnh chuột cũng đã đỡ ỡ ỡ nhiều ca rồi. Nhýng mà, ở đây có đàn bà đâu mà đỡ với đái. Vậy thì cái gì đây? Gì thì gì, chắc chắn là không phải đi theo thăng San là tốt rồi.

“Biết chứ cán bộ. Mà ở đây, tôi có thấy phụ nữ nào đâu.”

Cán bộ trực trại cỡi giả là:

“Không phải đỡ ỡ ỡ cho người, mà chúng tôi gọi anh lên là để đỡ ỡ ỡ cho lợn.”

Máu tếu Nhảy Dù chảy nhanh trong cơ thể, Mạnh chuột nghĩ ngay đến Lịnh, tay chuyên môn thiến heo trong đội.

“Nếu đỡ ỡ ỡ cho lợn thì một mình tôi không đủ đâu, tôi lại đang đau. Cần phải gọi thêm người.”

Cán bộ sốt sắng hỏi:

“Anh cần thêm mấy người? Tôi cho gọi lên.”

“Cán bộ gọi cho tôi anh Lịnh, ở đội tôi. Tôi với Lịnh là đủ rồi.”

*

Hồi ấm từ đồng lửa bập bùng trong chuồng lợn tỏa ra, Mạnh chuột và Lịnh thiến heo đýợc sýởi là nhờ ỡn mýa mớc của con lợn sắp ỡ này.

Lịnh ngày xưa, trýợc khi đi lính lên đến Hạ Sĩ, chuyên sống bằng nghề thiến heo. Đúng ra, nếu không vì tính mê gái, nếu không vì muốn giựt le với cô em bán nước mía đầu đýờng Nguyễn Thiện Thuật, và nếu không bị lừa là cách mạng ra thông cáo học tập mýời ngày cho sĩ quan cấp úy, nếu không... những týợng sau mýời ngày đi học tập cải tạo, Lịnh thiến heo đýợc chính phủ cách mạng chính thức hóa đýợc cấp bậc Thiếu Úy của mình, Lịnh thiến heo hằng hái đi trình diện, thì bây giờ đâu có phải là bạn cùng trại với Mạnh chuột.

“Đang ngủ ngon lành, anh lại phá tôi. Tôi có biết gì về vụ đẻ đẻ của mấy con heo bao giờ.”

Mạnh chuột nheo nheo mắt, cỡi cỡi:

“Mày sống bằng nghề thiến heo, tức là có dính dáng đến heo rồi. Cũng nhý tao là bác sĩ thì tao dính dáng đến đẻ đẻ vậy mà.”

Lịnh vẫn còn hậm hực:

“Vậy bộ anh muốn tôi 'thiến' con heo nái này à?”

“Không ai ngu nhý mày. Đờ đẻ xong, ngày mai sẽ đợc nghỉ lao động, và thế nào mà không đợc bồi dưỡng một ít đờng.”

Mạnh chuột đợc ân xá nhờ đẻ đẻ “đạt tiêu chuẩn”, một lứa tám con, không chết con nào nên đợc tha cho về đội, lại còn đợc nghỉ nguyên ngày hôm sau để bù lại suốt một đêm thức trắng đánh vật với lợn.

*

Đảng tha, nhýng “khẩu nghiệp” thì không tha. Mạnh chuột lại bị vạ miệng vì cái “vô học” của mình.

Thời gian này có “dịch” trốn trại. Đêm hôm trước điễm danh đủ, sáng hôm sau mở mắt ra là thiếu một vài mạng. Đảng là kẻ tổ chức và lãnh đạo thành công mọi cuộc cách mạng, cho nên đảng không thể thất bại trong việc ngăn chặn chuyện trốn trại. Vận dụng mọi khả năng sáng tạo của cuộc cách mạng vô sản, đảng nghĩ ra một cách kiểm soát tù không tốn công tốn của là bắt tù gác tù. Sau một ngày “lao động là vinh quang, trồng khoai lang là yêu nýớc”, tù đợc phân công thay nhau gác... tù.

Trong một ca “đón giao thừa một phiên gác đêm”, Mạnh chuột đã lỡ “vui xuân quên nhiệm vụ”, gác thì lỡ là mà miệng lại còn nghêu ngao hát:

Giờ đây bên sông “mai” rụng tối bờ

Giờ đây em ời “sao” mọc lên rồi

Lòng anh tan hoang thôi vỡ “đời” ời

Đảng còn đang tiến hành cuộc điều tra về gốc gác bài hát, vì đây là một bản nhạc vàng đầy phản động. Tại sao cách mạng thành công, miền Nam đã đợc hoàn toàn giải phóng, đem lại cơm tụy chýa ngon nhýng mà no, áo tụy chýa đẹp nhýng mà ấm cho nhân dân lao động anh hùng, mà lại dám nói là “thôi vỡ đời ời”.

“Báo cáo cán bộ, đây là bài thơ cách mạng.”

“Cách mạng nào, anh lại bôi bác cách mạng phải không?”

“Báo cáo cán bộ, đây là bài thơ của cán bộ cách mạng thật mà.”

“Anh chỉ cho tôi xem cán bộ nào lại dám làm bài thơ phản động nhý thế này?”

“Bài này tên là 'Hoa rụng bên sông' của cán bộ Lýu Trọng Lý.”

Trong khi chờ đợi cuộc điều tra ngã ngũ, Mạnh chuột không bị vào nhà biệt giam, vì có dây dýa đến cán bộ Lýu Trọng Lý, dù rằng cán bộ khung chẳng ai biết cán bộ Lýu Trọng Lý là cán bộ nào. Cho nên Mạnh chuột đợc “tạ ngoại hậu tra”, và đang cong đít lên mà đào giếng.

Đây là vùng đất mà chỉ có chó mới sống đợc một cách no đủ, vì chỉ toàn là đá với sỏi. Mỗi nhát cuốc bổ xuống là mỗi lần lửa tóe lên.

Mạnh chuột đào giếng qua đến ngày thứ hai mà mới sâu xuống đợc đâu ngang đầu gối. Cán bộ vệ binh luôn luôn mắng nhiếc “Anh giỡ cuốc lên thì chim đậu, hạ cuốc xuống thì mối đùn”.

Mạnh chuột giận lắm, ở cái xứ khí ho cò gáy này, lấy chó đâu ra chim với mối mà đậu với đùn. Có giận thì giận, có gì thì gì, Mạnh chuột vẫn phải cuốc và vẫn phải cắn răng “ngậm miệng mà không... ăn tiền”.

Nhýng cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng, buổi chiều ngày thứ ba, khi Mạnh chuột đang lui cui vét đất dýới hố để hát lên trên, một cán bộ vệ binh đến cà khía:

“Đầu óc anh vẫn còn hýớng về bọn đế quốc Mỹ nên mới bảo 'nà' cách mạng đã 'nằm' cho đời anh tan hoang.”

“Đó là bài thơ của cách mạng mà, cán bộ.”

“Thờ thần gì, anh vẫn còn tỵ tợng yêu Mỹ, kính Mỹ, thýớng Mỹ, sợ Mỹ. Tôi 'nà' đợc đợc tỵ

týng của anh mà.”

Mạnh chuột im lặng không trả lời.

“Phát biểu thì 'ninh' tinh, 'nao' động thì trây 'nyò'!”

Mạnh chuột vẫn cắn răng cố nhịn, không nói. Anh cán bộ vệ binh thấy Mạnh chuột không nói, nghĩ ngay là nó đang kinh mình, tức giận quát một câu thật to:

“Anh ngu nhý 'nợn' ấy.”

Máu Nháy Dù dồn lên mặt, mắt đỏ lửa. Sấn tay cầm cuốc, Mạnh chuột đứng bật dậy, những týng phen này thế nào cũng có “máu đỏ thịt ròi”. Nhýng, trán Mạnh chuột chạm ngay vào mũi khẩu AK. Hối lạnh của chất thép lan nhanh sang Mạnh chuột. Mọi động tác của Mạnh chuột nhý tê cóng, ngừng hẳn lại, chỉ còn ý nghĩ chạy trong đầu:

“Mày ngu nhý lợn thật, Mạnh chuột ạ.”

Vải bao cát

Toàn mơ màng, suy nghĩ. Đã nhiều lần anh chàng tự nhủ, ừ, tại sao lại không, tại sao lại không nghĩ nhĩ. Không có gì quý hơn độc lập tự do, thì tại sao lại không tận hưởng cái quyền độc lập và tự do không giới hạn này, nghĩ. Nghĩ thế, Toàn cứ một mình tiếp tục ung dung suy nghĩ, đồ đưa nào báo cáo, chúng mày có giỏi thì kiểm thảo xem. Nghĩ, miên man hết chuyện này sang chuyện khác. Chuyện giày cao gót, chuyện giày saut, chuyện dép râu, rồi thì chuyện củ sắn củ khoai... Kể cả chuyện một mai anh trở về dang dở đời em...

Ấy thế mà, cái phần gia tài duy nhất ấy rồi cũng cạn dần theo năm tháng. Toàn bây giờ như phiến đá, như cây rừng. Thôi ngủ yên đi con, ngủ cho qua cơn mộng dữ này. Đừng vui, đừng buồn, đừng hy vọng thì lấy gì mà tuyệt vọng.

"Toàn, mày tiếc bữa ăn sáng phải không?"

Lại cái thằng Phương lý tài, Toàn dấm dẩn:

"Tiếc cái con củ cải tao ấy, càng đỡ phải nhịn đi cầu."

"Không tiếc thì tại sao lại cứ thừ người ra như vậy?"

"Thừ với thiếc cái mẹ gì. Có bốn cái khoái trên đời..."

"Áp-phe thì phải vậy chứ. Muốn được cái nọ thì phải bỏ cái kia. Bỏ cái khoái thứ nhất đổi lấy cái thứ ba, lời thêm được cái thứ tư, cái đỡ phải nhịn... còn than gì nữa?"

"Cái khoản thứ ba ấy à, cái khoản này, mẹ, 'nhìn' còn không có, có chi 'chì'. Tao với cái khoản ấy đã ly tán từ cơn gió bụi này rồi."

"'Ly tán'? Sắp 'tha hương ngộ cố tri' chứ."

"Ừ thì 'ngộ cố tri'."

Không muốn nói chuyện thêm với Phương, Toàn quay đi. Nhưng cái vụ "ngộ cố tri" cứ lẩn quẩn trong đầu.

Đã bao năm rồi không thấy nó,

Mà ta vẫn sống, có lạ không?

Toàn lắc đầu, vậy mà cũng đòi làm thơ, lạ mẹ gì, thi sĩ mà không có óc tưởng tượng, hoặc kiếm được gì gợi hứng cho sự tưởng tượng, anh mới than thân như vậy. Chứ còn như ta đây:

Ta "sờ râu" ta cho đỡ nhớ
Không thanh tâm tuyên,
Không Thanh Tâm Tuyên!

Toàn bật cười, vừa ngâm nga một cách thú vị, vừa đưa tay xoa xoa, sờ sờ cái cằm lờm chờm râu. Bộ râu chẳng phải vật "tư hữu" của Toàn là gì. Vậy mà, có mỗi bộ râu để "sờ", anh chàng cũng phải để một cách lén lút. Mà râu thì ở ngay trên mặt, ở ngay trên cằm chứ có kín đáo gì cho cam, để lén thế quái nào được, làm sao mà để "chui" cho được, hơi lờm chờm thế này cũng đã là một kỳ công rồi. Thành thử ra...

Ta sờ râu ta cho đỡ nhớ...

Râu thì cũng lại đành là, có đủ đâu để mà sờ, nhưng chút nữa đây, một chút nữa thôi, cái "cổ tri", cái mà Toàn phải sờ râu "cho đỡ nhớ" sẽ hiện ra, ngay trước mặt, bằng "xương", bằng thịt.

Mắt Toàn sáng lên khi thấy toán tải thương thấp thoáng ngoài cổng trạm xá. Ta đợi em từ ba mươi năm. Cuối cùng thì Toàn cũng sẽ được nhìn, có thể còn được cả chạm tay vào cái "em", cái mà lâu nay anh chàng chỉ được nhìn ngắm, chiêm nghiệm qua trí nhớ, mà mấy năm nay anh chàng chỉ được sờ, được mân mó qua chính cái... cằm của mình. "Cái ấy" đang đến gần, đang tình cờ đến gần và lọt thỏm vào tầm tay Toàn.

Toàn đã phải năn nỉ, ỉ ôi, đã phải nộp nguyên phần ăn sáng ngày hôm sau cho cái thằng Phương nhất định giành "công tác" cầm đèn với mình. Đói thì đã đói rồi, nhịn thêm một bữa ăn sáng cũng vẫn là đói, chứ có thằng Tây nào chết đói. Nhịn phần ăn sáng để đổi lấy việc cầm đèn.

Cầm đèn!

Ừ, cầm đèn.

Chỉ cần nghĩ đến cảnh một chút nữa đây, tay trái cầm đèn soi thật rõ để tay phải lần cởi cái cúc áo, nhẹ nhàng cởi cái dải rút... Trời ơi, Phương ơi, dù có phải nộp mười phần ăn sáng cho mày tao cũng ừ, chứ đừng nói là có mỗi một phần. Thiên hạ cứ hay nói "ăn cái dải gì" một cách ngon lành, mà chắc gì đã hiểu được cái giá trị "kinh tế vĩ đại" này. Thế hóa ra cái "dải rút", trong một vài trường hợp cũng "ăn" được đấy chứ, Phương nhỉ.

Toán tải thương dùng võng cáng vào phòng mổ một người con gái bị trúng mảnh đạn M-79 khi cô nàng đang cuốc đất. Nhìn con mồi ngon nằm trên võng, mắt nhắm nghiền, mặt tái xanh, Toàn mỉm cười. Qua kính nghiệm, rõ ràng là cô nàng thiếp đi vì sợ, chứ vết thương tuy nhiều, máu ra cũng khá, nhưng, ối giào, một loại kiến cắn, cao lắm cũng chỉ ngang với gà mổ là cùng, đâu nguy hiểm đến nỗi mà phải ngắt đi như thế kia.

Bác sĩ Thông, buồng dao đang băm dây lang nấu cháo heo xướng, rửa vội tay trong thau nước, quẹt quẹt hai tay vào hai bên hông, rồi chạy thẳng vào phòng mổ. Thiên chức thầy thuốc khiến bác sĩ Thông nhà ta đành phải buồng dao nuôi heo chuyển sang cầm dao cứu người.

Phòng mổ, một gian nhà tranh, vách trét đất, bên trong kê một cái bàn bằng gỗ tạp để dao kéo.

Giường mổ, một cái chõng tre, có giăng mùng để che ruồi.

Toàn mặt mũi hớn hờ đứng sẵn trong mùng, tay cầm đèn quơ qua quơ lại trên thân thể cô gái lúc đó vẫn chưa tỉnh, miệng không ngớt réo Phương đang ngồi hí hục quay máy phát điện bên ngoài:

"Mạnh tay lên chút coi. Đèn mờ quá."

"Mờ cái gì? Có cần mồm đi không?"

"Mẹ kiếp, một bữa ăn sáng, nhớ nghe con."

Bác sĩ Thông cười cười:

"Cũng mua bán được à?"

"Mua chứ! Ba bốn năm nay mới có một thuờ mà, ông ơi. Vợ con thì đã chẳng..."

"Còn thằng Phương?"

"Nó dân địa phương ông ơi, vợ nó ở ngay đây, lâu lâu vẫn 'mang' vào cho nó. Ít nhất thì dù lên lút, 'xuân thu' nó cũng còn được 'nhị kỳ'."

"Thôi đủ rồi cha nội, làm việc đi. Mà cời từ từ thôi nghe. Chỗ mấy vết thương, nhẹ tay nghe cha."

"Yên tâm đi bác sĩ. Chỗ nào cũng nhẹ tay hết. Mọi chỗ, mọi chỗ đều nhẹ tay, nhẹ tay..."

Dù hai hàm răng đang trong thời kỳ giống như miền Nam vào những ngày cuối tháng Tư, Toàn vẫn dùng răng ngậm đèn để rảnh tay cời quần áo cô gái. Cố gắng dùng thật ít ngón tay để cời cúc áo, mấy ngón còn lại Toàn cố tình vi phạm hiệp định, lấn đất giành... da!

Người con gái vẫn nằm bất động, hai mắt nhắm nghiền.

Bác sĩ Thông nhìn Toàn, khó chịu, hơi gắt:

"Nhanh tay lên! Cái ngữ anh, chỉ cần làm y tá một buổi là tôi tổng cổ ra tác chiến rồi."

Hai hàm răng Toàn vẫn cắn lấy cái đèn:

"Thế ông mới là bác sĩ. Chứ tôi có phải là bác sĩ đâu mà ông không cho tôi động lòng... lương y như từ mẫu."

Toàn vừa banh áo cô gái ra, vừa lằm bằm một mình:

"Cha mẹ ơi, gái quê, suốt ngày ngoài nắng mà sao da thịt trắng đến thế này!"

"Ông đang 'khẩn tiên sư' gì đấy?"

"Con khô mực' này đâu có banh ra được, phải cời ra chứ?"

"Làm lẹ đi cha nội!"

"Ông cầm hộ tôi cái đèn."

Toàn vòng hai tay ra sau lưng cô gái, mũi dí sát vào một bên cổ cô nàng hít hít. Mùi khét nằng từ tóc, mùi hơi thở từ miệng, mùi da thịt giống cái từ dưới vành tai thốc thẳng vào mũi Toàn. Mê mẩn, lúc này, mùi gì từ trong thân thể cô gái toát ra mà chẳng làm anh chàng mê mẩn. Không biết vì lâu ngày không "nhớ chỗ" hay vì cổ tình lính quýnh, mà anh chàng cứ như thằng hậu đậu, loay hoay mãi mới tháo được cái móc.

Ồi chao trắng quá nhìn không "da".

Toàn liếm môi, Bộ ngực bi thương "co... ó..." rợn tình. Hai cái núm như hai "nốt ruồi son" đỏ hồng, con gái nguyên si? "Vú em chum chũm chũm cau; Cho anh bóp tí, nhớ đau anh đèn". Trời ơi. Thế này thì có chết người ta không cơ chứ. Chết chứ, chết thật chứ chẳng chơi. Đèn, nhất định là anh đèn, dù đèn bằng gì anh cũng vẫn cứ đèn. Vẫn là cứ đèn...

Những vết thương loang máu trên bụng, trên ngực làm cho nước da càng như trắng thêm. Da trắng thế này mà bì bạch thì phải biết! Anh chàng ngẩn ra, bị hai "nốt ruồi son" thôi miên mất rồi.

"Cởi nốt cái quần, rồi xê ra cho tôi làm việc."

Tiếng bác sĩ Thông khiến Toàn chột tỉnh. Bây giờ mới bắt đầu vào cao điểm của "chiến dịch tiến chiếm mục tiêu".

"Cố tri" ơi, ta sắp "ngộ" nhau rồi!

Hai mắt Toàn hau háu.

Hai tay Toàn lính quýnh.

Toàn từ từ kéo quần cô gái xuống.

Hồi hộp.

Đợi chờ.

Trời ơi, bao nhiêu năm, bao nhiêu tháng, bao nhiêu ngày; Hôm nay tao mới gặp mày, "cố tri" ơi. Không còn phải tưởng tượng nữa, không còn phải sờ râu nữa. Tao sẽ nhìn mày tận mắt, tao sẽ bắt mày tận tay, tao sẽ day mày tận...

Toàn háo hức đắm chìm theo những tưởng tượng...

Bất chợt, hai mắt đang hau háu chợt dịu lại.

Lúng túng.

Hai tay đang tụt quần cô gái chợt khựng lại.

Ngập ngừng.

"Làm gì mà đứng nghệt ra vậy?"

Toàn như không nghe tiếng bác sĩ Thông, vẫn đứng trơ ra, mắt như dán vào mảnh vải che phần dưới thân thể cô gái.

Đờ đẫn.

Thẫn thờ.

Mắt Toàn như dại đi.

Trong đầu, chập cToàn những hình ảnh. Giao thông hào, lô cốt, hầm chữ A, hầm chữ T. Tiếng bom, tiếng mìn, tiếng lựu đạn, không giạt, sơn pháo. Những đợt tấn công, phản công. Những xác người, xác ta, xác địch, xác bạn, xác dân. Bữa ăn vội vã bên bìa rừng, một viên đạn bắn sẻ, thẳng đệ tử ruột ngã ngựa, bát cơm biến thành bát máu. Đôi dép râu với cặp chân xanh mét vắt ngang giao thông hào. Và, bao cát, những bao cát đẫm máu một người dân, người thiếu nữ chết banh thây trên nóc một hầm trú ẩn, thịt da dính bầy nhầy trên những bao cát, óc trắng, tóc đen hòa với máu đỏ trộn lẫn với đất từ những bao cát... Cái chết bi thảm, cái hình ảnh tang thương của người thiếu nữ xuân thì ấy đã in đậm trong tâm trí Toàn, trở thành nỗi ám ảnh triền miên.

Và, bao cát, phương tiện thô sơ tận cùng, có mặt khắp mọi ngõ ngách của chiến tranh, bảo vệ người sống, chôn vùi người chết, đẫm máu người banh thây, mà lại còn có mặt như thế này sao? Phải thôi chứ, phải hết rồi chứ. Bao cát, sao lại bao cát, chiến tranh đã hết rồi mà, đã hết lâu rồi mà.

Chém giết đâu còn nữa mà trong đầu Toàn chập cToàn những hình ảnh cố quên. Đạn bom đâu còn nữa, mà trong tai Toàn vang dội những âm thanh đã cũ. Chỉ vì miếng vải thô nhám này sao?

Toàn dụi mắt, quệt mồ hôi trán, cố trấn tĩnh nhìn lại thêm một lần nữa miếng vải duy nhất còn lại trên thân thể cô gái. Và bỗng dưng, thấy tràn ngập trong lòng một niềm cảm động, xót thương.

Bằng tất cả gượng nhẹ, với tất cả ân cần, Toàn cúi xuống gỡ nốt phần vải thô nhám loang những vết máu khô. Chàng lẩm bẩm nói với cô, như thầm nói với người thiếu nữ thịt da bầy nhầy dính vào những bao cát trên nóc hầm trú ẩn ngày nào:

"Khốn khổ cho cô, và cũng khốn khổ cả cho tôi, đã đành. Khốn khổ cho đất nước tang thương này. Nhưng chiến tranh đã qua rồi, chiến tranh đã qua lâu rồi mà, mọi chuyện rồi sẽ phải qua đi. Yên tâm đi cô bé, vết thương cô sẽ lành. Mọi vết thương đều sẽ phải lành. Ngủ yên đi cô. Thôi nhé, hãy ngủ yên và đừng sợ hãi. Sẽ không có ai làm gì cô đâu.

Một ngày nào đó, chúng ta sẽ không còn phải dùng bao cát để làm gì nữa. Không dùng bao cát để làm hầm trú ẩn, không bao cát để đắp giao thông hào. Và, như những phụ nữ may mắn được sống trong những nước không bị tan nát bởi chiến tranh như đất nước chúng ta, cô sẽ có lụa là mềm mại để mặc lên thân mình con gái, chứ không còn phải dùng bao cát để làm vải che thân nữa!

Chiến tranh đã hết rồi mà..."

Người viết xin mượn phép mượn thơ của các thi nhạc sĩ Linh Phương, Trịnh Công Sơn, Thị Lộ, Nguyễn Bính, Tuấn Huy, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Hoàng Chương, Bút Tre, Hàn Mặc Tử, Đinh Toàn, Đoàn Thị Điểm.

Hành phương nam

Một chiều cuối Đông.

Nắng quái hắt những vệt lằn tẩn loang loáng từ mặt phá Tam Giang lên tấm bạt nhà binh, mái che của một quán nhậu dã chiến, ven làng, gần chỗ dừng quân.

Trong “quán”, bàn là những thùng gỗ đạn pháo binh, nằm chỏng chơ, ghé là những thùng đạn. Có hai “bàn” còn khách, cạnh nhau. Một bàn hai người. Một bàn ba người. Năm người lính, còn trẻ.

Bàn hai người, có những câu nói lè nhè không đầu không đuôi.

Một người ư ử hát:

Chiều trên phá Tam Giang

Anh chợt nhớ em

Nhớ ơi là nhớ...

- Mày còn em đêch nào mà bày đặt nhớ...

Nhớ ơi là nhớ đến bất tận

Em ơi...

- Bộ mày nhớ mấy chị em ta...

- Cầm cái miệng mày lại.

- Nó theo thằng khác rồi, nhớ làm mẹ gì nữa.

- Mày im đi, để tao hát. Buồn thấy mẹ...

- Mày mà buồn? Đừng bày đặt làm tao mắc cười chớ!

- Tết sắp tới rồi. Tội nghiệp bà già tao còn có một mình...

Nói xong người lính bật khóc.

Từ bàn ba người, Toàn quay sang ra lệnh:

- Tụi bay xin rồi, về đi.

- Tụi em chưa xin mà ông thầy.

- Tao nói đi về là đi về.

Giọng lè nhè, tiếng dính vào nhau, người tỉnh hơn năn nỉ:

- Cho hai thằng em làm một xí nữa rồi về, ông thầy.

- Thôi. Đi về.

Hai người lính đứng dậy, một người ngã chúi xuống bàn, những vỏ chai không văng xuống đất. Người còn lại lọng cọng móc túi trả tiền, rồi cúi xuống dìu bạn. Hai người lính ngả nghiêng dìu nhau ra khỏi quán, lần theo con đường đất hẹp, quanh co len giữa hai hàng tre, về chỗ đóng quân.

Nhìn theo hai người lính say dìu nhau khuất sau một khúc quanh, Chí đề lô quay lại, ví von:

- Ngày trước Quang Dũng có “lính râu ria”, *bàn tay như rễ cây, bộ râu hơn bàn chải...* bây giờ mình có “lính say sưa”, sáng xin chiều say, để rồi *anh trở về dang dở đời em...*

Trọng chiến tranh chính trị thờ dài:

- Chiến tranh thời Quang Dũng khác với chiến tranh thời mình. Đó là thời lãng mạn, lãng mạn từ thơ văn đến con người. Thời của lý tưởng. Hai chữ “kháng chiến” làm mê hoặc lòng người, chàng trai nào cũng ôm mộng đi kháng chiến, cả nước muốn đi kháng chiến. Hình ảnh những chàng bộ đội trong mộng đẹp làm sao. Khi lý tưởng bị phản bội, cuộc chiến lãng mạn thời Quang Dũng dẫn đến cuộc chiến tàn khốc mà thế hệ mình lãnh đủ. Những chàng trai hăng hái “lên đường theo tiếng gọi non sông” ngày trước biến thành những kẻ mang “dép râu giết chết đời son trẻ...” ngày hôm nay.

Chí thi sĩ đề lô phụ họa:

- *Quán Bên Đường* của Quang Dũng chắc cũng y như cái quán mình đang ngồi:

*Tôi lính qua đường trưa nắng gắt
Nghỉ nhờ đây quán lếch tường siêu
Giàn mướp nghèo không hứa hẹn bao nhiêu
Mùa gạo đất đường xa thưa khách vắng*

Cùng một hình ảnh, hai thời hai ý nghĩa khác nhau.

Toàn tác chiến giễu:

- Thơ với phú, thời với thế, ý với nghĩa, lính nào chả là lính, quán nào thì cũng quán. Thăng Trọng méo mó nghề nghiệp. Câm cái họng chiến tranh chính trị của mày lại. Nhậu đi.

Chí đề lô cười cười không thèm chấp:

- Thơ thần gì cái thứ võ biền như mày, ngoài cái nghề phá bĩnh ra, còn biết cái gì nữa không?

Trọng chiến tranh chính trị đề nghị:

- Thôi, đọc Hồ Trường đi, Chí.

Toàn tác chiến gạt phất:

- Thăng Trọng thối nhất là cứ hơi “xùng xùng” là đòi thằng Chí đọc thơ.

Chí đề lô lơ như không nghe, cất giọng:

*Đáng trọng phu không hay xé gan bẻ cột
Phù cương thường
Hà tất..*

Nhìn đôi mắt sáng và khuôn mặt trẻ trung, ngược với cái giọng làm ra tráng sĩ cổ thi của Chí đề lô, Toàn tác chiến buồn cười, rồi sợ thằng này ngon trốn chơi luôn nguyên bài, bèn khua khua tay chặn ngang:

- Mẹ, trong đầu cả một bồ thơ, mà hể cứ hả họng ra là “Hồ Trường”. Bớ mày ớn lắm rồi.

Trọng chiến tranh chính trị phân tích:

- Thiên thời là lúc này, địa lợi là chỗ này, nhân hòa là giọng đầy đam mê của nó.

Chí đề lô “diễn nghĩa” thêm:

- Thiên thời là buổi chiều giáp Tết mà được nghỉ quân. Địa lợi là phá Tam Giang lịch sử. Nhân hòa là cả ba thằng mình còn sống và đang lai rai đón Tết. Hồ trường là bầu rượu, đúng quá rồi. Mày còn mong gì hơn nữa, hả thằng con trai?

Toàn tác chiến ba hoa:

- Sao tụi mày cứ nhất định Hồ Trường. Hay đến đâu cũng phải nhảm chứ. Bớ mày nghe thối tai rồi. Cả thế giới ngâm Hồ Trường, cả nước đọc Hồ Trường, nhậu vào là Hồ Trường. Bộ cứ “nam nhi chi chí” là phải ông ổng “Hồ Trường” à? Vừa thôi chứ. Lôi thơ Nguyễn Bá Trác ra “ngâm” cho nát bét, ổng dậy ổng đập thấy mẹ.

Ưc một tộp rượu lớn ra cái điều tráng sĩ, Chí đề lô cười khẩy, bĩu môi khinh miệt:

- Tiên sư cái thằng “tai trâu”. Không Hồ Trường thì mày có bài nào khác, đọc cho mấy bớ mày nghe đi.

Toàn tác chiến phán:

- Một bồ thơ là mày, có thơ đặng báo dài dài là thằng Trọng. Sao lại tao?

Hồ Trường lại tiếp tục:

*Ta biết rót về đâu
Rót về Đông phương,
nước biển Đông chảy xiết sinh cuồng loạn
Rót về Tây phương,
mưa tây rơi từng trận chứa chan
Rót về Bắc phương,
ngọn bắc phong vi vút cát chày đá dương*

*Rót về Nam phương,
có người quá chén như điên như cuồng
Nào ai tỉnh,
Nào ai say...*

Toàn tác chiến khua tay lia lịa:

- Đẹp, đẹp ngay lập tức. Đề ông dạy cho bài mới.

Chí đề lô và Trọng chiến tranh chính trị thích chí, nhìn nhau:

- Mẹ, nó đọc thơ! Nói giỡn hay nói chơi dzậy cha?

- Thơ. BỐ mà đọc thơ Nguyễn Bính.

Trọng chiến tranh chính trị nhận định:

- Thơ Nguyễn Bính? Nguyễn Bính toàn thơ tình dân già, không hợp thiên thời địa lợi nhân hòa...

- Mà đẹp mẹ nó cái thiên thời địa lợi của mà đi. Mẹ, thơ chứ có phải kế hoạch hành quân đâu.

Rồi cất giọng vọt đực, Toàn tác chiến lè nhè:

*Đôi ta lưu lạc phương Nam này
Trải mấy mùa qua én nhận bay
Xuân đến khắp trời hoa rượu nở
Mà ta với người buồn vậy thay*

Cả Chí đề lô lẫn Trọng chiến tranh chính trị tròn mắt nhìn, vẻ ngạc nhiên trên hai khuôn mặt "sắp tới bên" làm Toàn tác chiến phì cười:

- Minh ba thằng, trong "thơ tình dân già" chỉ có hai thằng thôi, đôi ta lưu lạc phương Nam này, tức là khi "...rồi có một ngày, có một ngày chinh chiến tàn, anh trở về quê...", chỉ có hai thằng xuôi Nam về được Sài Gòn...

Chí đề lô ngắt lời, nhận định tiếp:

- Mẹ, sao đang thơ Nguyễn Bính, mà lại chêm nhạc Duy Khánh mảy? Mà sao chỉ có hai thằng về Sài Gòn thôi mảy? Nhưng thôi kệ tía nó, trong hai thằng "*anh về thủ đô chúng tôi chờ mong...*" phải có tao. Ông đề lô pháo binh, mạng ông lớn nhất. Thằng Trọng chiến tranh chính trị, mạng lớn nhì. Còn mà, mà là thằng suốt ngày đánh đấm, thằng nằm lại là mà chứ ai. Hờ hờ hờ... *Anh... hỡi anh ở lại Charlie...*

Toàn tác chiến khiêu nại:

- Sao đang nhậu ở phá Tam Giang, mà liệng tao qua Charlie, mảy? Cụng ly chứ, sao lại Sạc ly!

Trọng chiến tranh chính trị cười khoái trá:

- Nghe đây Toàn, "đôi ta" là tao và thằng Chí. Không có mà. Đọc tiếp đi.

Toàn tác chiến đọc tiếp:

*Lòng đắng sá gì muôn hớp rượu
Mà không uống cạn mà không say*

Vừa đọc, Toàn tác chiến vừa nhấc ly:

- Dzô...

- Dzô...

Từng hụm lớn rượu để cay xé cuống họng trôi tuột vào bụng ba thằng.

*Nợ tình chưa trả tròn một mối
Sòng đời thua đến trắng hai tay
Quê nhà xa lắc xa lơ đờ*

Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay

Chí đề lô thắc mắc:

- Mày có chắc bài này của Nguyễn Bính không?

Toàn tác chiến cười cười:

- Chỉ có Nguyễn Bính hoặc tao, mới làm nổi những câu như thế này.

Người đi buồn lắm mà không khóc

Mà vẫn cười say chén rượu đầy

Vẫn dám tiêu hoang cho đến hết

Ngày mai ra sao rồi hãy hay

Chí đề lô dăm chiêu:

- Tao ngờ ngờ.

- Ngờ ngờ cái mẹ gì?

- Mày phải đọc hết bài để tao nghiệm xem. Tao không tin là của Nguyễn Bính. Tên bài thơ là gì?

Toàn tác chiến mỉm cười, vẻ mặt trở nên mơ màng:

- Hành Phương Nam.

Chí đề lô lằm bằm, suy nghĩ:

- Hành Phương Nam... Hành Phương Nam... Nguyễn Bính có vào sống trong Nam, nhưng hơi thơ không phải Nguyễn Bính.

Toàn tác chiến phà một hơi thuốc, đọc:

Ta đi nhưng biết về đâu chứ

Đã dậy phong yên lộng bốn trời

Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ

Uống say mà gọi cổ nhân ơi!

- Dzô... dzô...

Toàn tác chiến dụi điếu thuốc:

- Bài này là một bài hành.

Trọng chiến tranh chính trị:

- Hèn chi mày bày đặt đọc nhỏ giọt láp la láp lừng cho chúng ông thèm, hành tởi chúng ông.

Chí đề lô:

- Mày đọc nguyên bài đi.

Toàn tác chiến khoái trá:

- Mẹ, cả một tử thơ trong đầu mà không biết bài này. Ủ thì ông đọc nguyên bài.

Toàn tác chiến háng giọng, chưa kịp cất tiếng thì một người lính xuất hiện trên con đường đất ven làng dẫn đến quán. Người lính đến gần nói nhỏ với Toàn tác chiến. Toàn tác chiến đứng dậy:

- Thôi không xong rồi, chương trình “tao đàn” hẹn tụi mày sau Tết. Cũng là “hành”, nhưng không phải tao “hành” tởi gì tụi mày, mà là “hành” quân. Tao phải về họp gấp.

Bỏ lại một nắm tiền trên bàn, Toàn tác chiến cầm mũ sắt đội lên đầu, đi ra với người lính. Trọng chiến tranh chính trị thở dài:

- Từ Mậu Thân đến giờ, không cái Tết nào mình được yên, tụi nó lại vi phạm ngưng bắn rồi.

Chí đề lô nhìn theo Toàn tác chiến:

- Đêm nay mà đi thì tới phiên nó đi đầu.

Chí đề lô và Trọng chiến tranh chính trị nhìn nhau, bùi ngùi thương bạn. Một cơn gió tạt vào quán mang hơi lạnh từ phá Tam Giang. Chí đề lô và Trọng chiến tranh chính trị cũng đứng dậy:

- Điệu này chắc cũng đến phiên mình, về thôi.

Một chiều cuối Xuân.

Nắng quái hắt dài bóng những ngôi mộ trên mặt đất.

Toàn tác chiến tay cầm chai rượu, tay chống nạng, khập khiễng đi sâu vào nghĩa trang, vừa lần mò tìm ngôi mộ vừa lẩm nhẩm đọc thăm:

*Lòng đắng sá gì muôn hớp rượu
Mà không uống cạn mà không say*

...

*Quê nhà xa lắc xa lơ đó
Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay*

...

*Ngươi ơi! Hè ngươi ơi!
Ngươi sang bên ấy sao mà lạnh
Ngõ trúc ta về lạnh mấy mươi!*

Mộ mới đắp, mới tinh như bộ quần áo trận chưa kịp sửa, rộng thùng thình Toàn đang mặc.

“Chí ơi, tụi nó tan hàng mà mình cũng bị khá nặng, đồ đạc ban hết, nhưng nếu mày chỉ bị thương như tao thì áo mới của mày cũng như của tao, chứ đâu phải cái áo quan chôn dưới huyết đất này. Thằng Trọng “nằm” lại ngoài đó, đang hành quân. Còn tao với mày đã “hành phương nam...” về tới Sài Gòn, thăm như vậy, Chí ơi...”

Toàn bật khóc, ngồi xuống cạnh mộ, dựa đôi nạng vào mộ chí, lọng cọng mở nắp chai rượu, rưới lên mộ, rồi ngửa cổ tu một hơi. Những dòng nước mắt lăn dài trên khuôn mặt râu ria không cất tia. Đốt điều thuốc cắm vào một chân nhang, Toàn móc túi lấy ra tờ giấy xé từ một quyển sách:

“Chí, tao mang cho mày bài Hành Phương Nam, có đề tên Nguyễn Bình là tác giả hẳn hoi, như buổi chiều trước hôm hành quân mày thức mắc, tao chưa kịp đọc...”

Toàn ghen ngào đọc không hết bài thơ, đứng dậy, tay run run bật lửa, nghiêm trang đốt bài thơ rắc lên mộ Chí, như người ta hóa vàng:

*“Mày” sang bên ấy sao mà lạnh
“Nặng gổ” tao về lạnh mấy mươi.*

Chờ tôi với...

Tiếng rít của vỏ đạn hỏa châu phá tan cái im lặng của mặt trận, vỏ đạn rơi thẳng xuống chỗ Toàn nằm. Sợ vỏ đạn rơi xuyên qua thân thể mình, Toàn co rúm người lại, thu nhỏ thân hình. Trời lạnh, mưa mỏng hạt, ánh trắng hạ tuần nhờ nhờ lẫn vào màu cát. Toàn căng mắt nhìn, không thấy gì. Màu vàng nhợt xóa mờ đường ranh giữa trời và đất. Ánh sáng hỏa châu nhập nhờ đường nét vùng quan sát.

Tựa lưng vào thành giao thông hào, Toàn hồi hộp đợi lệnh tấn công lần chót trước giờ ngưng bắn. Đã quá bốn giờ sáng, chỉ còn vài tiếng đồng hồ nữa là đến giờ. Một cuộc ngưng bắn toàn diện, chính thức được hai bên thỏa thuận và quốc tế công nhận bằng hiệp định Paris, đã được thông báo, phổ biến trong toàn quân. Tám giờ sáng, đúng tám giờ sáng ngày 28 tháng 1 năm 1973, cuộc chiến kéo dài gần hai chục năm chấm dứt. Vĩnh viễn.

Mục tiêu là Cửa Việt, căn cứ của Hải Quân, nơi phòng thủ của một trung đoàn địch. Đơn vị Toàn, một trong sáu đại đội trực thuộc lực lượng đặc nhiệm Tango, thành lập để, bằng mọi giá tái

chiếm Cửa Việt. Lính của Toàn là những tay cầm tử, xem cái chết “nhẹ tựa hồng mao”, những cái lông hồng này đã rụng hơn ba phần. Đại đội Toàn tả tơi qua những đợt tấn công liên tục trong ngày. Một chọi mười không chột thì cũng phải què, cánh quân bên kia thế nào không biết, cánh của Toàn từ điểm xuất phát gần hai trăm, sau hai mươi tiếng đồng hồ, còn hơn ba mươi, đang nằm dọc theo giao thông hào vừa chiếm được, hồi hộp đợi lệnh tấn công đợt chót. Tuổi trên dưới hai mươi, những thằng em còn lại của mình phải sống. Chỉ còn vài tiếng đồng hồ thôi, Toàn, mày phải sống, mày phải là người chứng kiến giờ phút lịch sử này. Phải bám vào cái chuyền mình này của lịch sử. Bỗng dưng, Toàn đâm sọt chết.

*

Máy truyền tin PRC-25 kêu “khè” một tiếng, Toàn chụp vội ống liên hợp:

- Hoa Biển - Sao Mai.
- Sao Mai - Hoa Biển.
- Rồi. Hướng mười giờ.
- Nhận năm.

Cuộc tấn công chót bắt đầu.

Toàn nhìn đồng hồ, mới sáu giờ sáng. Còn hai tiếng nữa.

*

Đúng tám giờ. Trời sáng rõ. Tiếng súng vẫn còn nổ.

Toàn bảo thằng máy:

- Kháng, mày la lên là tới giờ ngưng bắn rồi.

Kháng nghiêng đầu, quay miệng chéch lên, la:

- Tám giờ rồi. Tám giờ rồi nghe.

Toàn bật cười:

- Tám giờ rồi thì sao?

Kháng cũng cười theo, lại chéch miệng lên, la tiếp:

“Tám giờ rồi, tới giờ ngưng bắn rồi nghe.”

Tiếng súng vẫn chưa ngưng.

Những đồi cát hình cánh cung toàn là địch, thầy trò Toàn nằm lọt vào giữa. Ước lượng theo tiếng súng, Toàn đoán ít nhất địch vẫn còn đông gấp chục lần mình. Lúc này, khi khởi sự cuộc tấn công lần chót, trời còn tối để nhập nhằng, nhưng bây giờ, trời sáng rõ. Thầy trò Toàn đang nằm chịu trận. Giờ ngưng bắn đã bắt đầu có hiệu lực, nhưng thực tế, đủ các loại đạn vẫn hướng về phía Toàn mà nổ.

Tám giờ năm, tiếng súng vẫn chưa ngưng.

Toàn lại nhắc Kháng:

- Mày la nữa lên.

Kháng lại chéch miệng lên, la tiếp:

- Tới giờ rồi, tới giờ ngưng bắn rồi nghe.

Chỉ có tiếng súng trả lời.

Toàn bảo Kháng:

- Mày giơ thử ngón tay lên coi tụi nó còn nhắm bắn mình không.

Kháng tròn mắt nhìn Toàn:

- Bộ ông giỡn hả?

- Mày ngu thấy mẹ. Nếu nó bắn cụt ngón tay, có phải là mày được giải ngũ không?

Kháng nhìn quanh, vớ được nhánh dương cong queo trong mức an toàn duy nhất, giơ lên khỏi đầu. Chưa đầy chớp mắt, nhánh dương bị bắn gãy.

Toàn gọi máy qua cánh quân bên phải:

- Sao Mai - Hoa Biển.
- Hoa Biển - Sao Mai.
- Phía ông ngưng chưa?
- Chưa.

- Ông ‘thọc’ mạnh lên. Sườn tôi hờ, lạnh thấy mẹ.

Tiếng súng rộ lên phía bên phải. Toàn và Kháng nhào lên chốt địch phía trước. Tâm, tên cao bồi của Toàn, chồm người tung quả lựu đạn. Lựu đạn vừa rời khỏi tay Tâm, Toàn nghe tiếng thét: “Chết tui.”

Toàn quay lại nhìn, Tâm nằm ngửa bất động trên cát, máu trong bụng nhả ra.

Cùng lúc, Toàn và Kháng tung lựu đạn vào trong hầm rồi vọt theo, làm chủ cái chốt. Toàn nhào ngược về đằng sau, nắm chân Tâm kéo thụt xuống sau mô cát.

Tâm nhìn Toàn:

- Đù má nó. Ngưng bắn rồi mà sao tui chết hả ông thầy? Ông rán sống nghe ông thầy!

Nói dứt câu, người Tâm giật mạnh rồi mềm xuống.

Toàn vuốt mắt Tâm rồi nhào lên với Kháng:

- La lên nữa đi!

Kháng:

“Đù má, tới giờ ngưng bắn rồi nghe.”

Tám giờ mười lăm, tiếng súng thưa dần.

Tiếng súng thưa dần rồi im hẳn. Toàn nhìn đồng hồ, tám giờ hai mươi lăm.

Cho chắc ăn không còn là mục tiêu, Toàn bảo Kháng:

- Mày giơ ngón tay lên nữa coi.

Không tìm đâu ra nhánh dương nào khác, Kháng giơ ngón tay trở lên ngang mắt nhắm nghĩa, cười cười thủ thỉ: “Đù má, đừng bỏ tao đi nghe mày!”

Toàn gắt:

- Đù má mày, giơ ngón tay lên.

Kháng rụt rè đưa ngón trở lên khỏi đầu, cao hơn mô cát một chút, rồi lại thụt xuống. Nhấp như vậy một lúc, Kháng để hẳn ngón tay cao hơn mô cát. Không thấy động tĩnh gì, Kháng nhích tay cao hơn, cao hơn tí nữa. Kháng giơ cả bàn tay, vẫn yên lặng. Toàn nhìn quanh kiểm soát đám đàn em. Tất cả đang nhìn Toàn chờ.

Toàn đẩy đẩy cái mũ sắt của mình lên cao khỏi mô cát. Không có gì.

Toàn ghéch đầu nhìn lên phía trước. Dãy đồi cát hình cánh cung trước mặt Toàn đầy người. Tất cả đều đứng dưới giao thông hào, chỉ lộ từ ngực trở lên.

Toàn đứng hẳn dậy. Lính tráng chỉ đợi có thế, cũng đứng hẳn lên. Tháo dây đạn, bỏ súng, bỏ mũ sắt xuống.

Binh nhất Phước đen, một tên cao bồi khác của Toàn, vụt băng mình lao về phía trước. Toàn hốt hoảng ra lệnh cho lính ứng chiến ngay lập tức, sợ có gì nguy hiểm cho Phước đen. Nhưng không, những người bộ đội phía bên kia nhào lên khỏi giao thông hào, ôm chầm lấy Phước đen. Phước đen móc trong túi ra gói thuốc mời, mời, mời... hết người này đến người khác.

Lính hai bên ứa lên phía trước, ôm nhau hò hét:

“Hết đánh nhau rồi! Hết chiến tranh rồi!”

Những bộ quân phục rằn ri miền Nam trộn lẫn những bộ quân phục cứt ngựa miền Bắc. Cổ không khóc nhưng nước mắt Toàn cứ ứa ra, không kèm được. Nhưng việc gì phải kèm chứ!

Toàn mặc cho nước mắt trào ra.

Có tiếng ghen ngào bên cạnh:

- Anh khóc đấy à?

Toàn quay qua, một người bộ đội nước mắt cũng đang nhòe nhoẹt. Chẳng nói chẳng rằng, cả hai ôm lấy nhau.

Toàn bảo lính buộc cò vào những lùm dương thấp lè tè rải rác quanh chỗ vừa chiếm được. Bắc quân ở tại chỗ nên có sẵn cây, sẵn cột để cắm cò.

Có lá cò buộc không kỹ rơi xuống cát, người bộ đội vỗ vỗ Toàn, chỉ:

- Anh ơi, cò của anh rơi kia!

*

- Chào anh.

Toàn nhận ra người bộ đội lúc nãy:

- Chào anh.

- Anh ăn cơm chưa?
- Sao anh lại hỏi ăn uống giờ này?
- Xin lỗi anh. Đó chỉ là câu chào quen miệng của chúng em.
- Vậy hả? Anh khỏe không?
- Anh nói giọng Bắc? Ngoài Bắc anh ở đâu?
- Tôi dân Hà Nội, vào Nam từ 54, còn bé quá nên nên chẳng biết bao nhiêu về Hà Nội cả.
- Em cũng dân Hà Nội.
- Thế à? Vậy mình là đồng hương đấy nhỉ? Thế anh xa Hà Nội bao lâu rồi?
- Hơn bốn năm rồi anh ạ.

Toàn nhìn người bộ đội, cũng khoảng tuổi trên dưới hai mươi như lính của mình, nước da men mét tái có lẽ do sốt rét, nhưng mặt mũi sáng sủa. Trên mũ cối, những hàng chữ viết tên các địa danh như Cù, Ba Lòng, Khe Sanh, Làng Vey, đường Chín... bên hông mũ gắn tấm ảnh bản, vàng ó vì thời gian, chụp bán thân một người đàn bà luống tuổi vấn tóc trần.

Toàn chỉ tay lên địa danh viết trên mũ sắt của mình:

- Hóa ra mình là đồng hương, và cũng đã gặp nhau qua những chỗ này rồi đấy nhỉ!
- Em đi trận đã ba năm rồi, toàn quanh quẩn vùng này!

Thấy Toàn nhìn chăm chăm vào tấm ảnh, người bộ đội ngược ngạo nói:

- Ảnh mẹ em đấy! Em mang theo từ khi đi nghĩa vụ.
- Thế anh không có người yêu à?
- Có anh ạ, nhưng... cô ấy đang học đại học.
- Học đại học thì tại sao lại nhưng?

Người bộ đội ngập ngừng, nói qua chuyện khác:

- Ở trong Nam, các anh muốn được học đại học phải có những điều kiện gì?

Toàn bỡ ngỡ với câu hỏi nhưng cũng trả lời:

- Điều kiện ấy à? Một điều kiện duy nhất là phải học xong trung học, tức là phải có bằng tú tài, thế thôi. Mới mấy năm sau này, khi cuộc chiến khốc liệt, những người học đúng tuổi mới được học tiếp lên đại học, còn những người dù chỉ học trễ một năm, cũng phải đi lính đã.
- Ở ngoài Bắc thì 'học tài thi... lý lịch', vào đại học không theo sức học hay tuổi tác.
- Lý lịch phải tốt anh mới được đi bộ đội chứ?

Người bộ đội cười nhẹ:

- Anh chẳng hiểu gì cả. Ở ngoài em, lý lịch tốt thì học đại học. Ông nội em bị đầu tó trong kỳ 'cải cách ruộng đất', mẹ thuộc gia đình tư sản ở Hà Nội, thì em phải đi B thôi.
- Sao gia đình anh không di cư vào Nam năm 54?
- À, gia đình em là gia đình liệt sĩ, bố em chết trận thời kháng chiến chống Pháp, lúc đang làm đại đoàn phó. Mẹ em nghĩ gia đình có công với cách mạng nên không đi. Hơn nữa, mẹ em muốn đợi hòa bình lập lại để đi tìm xác bố em. Chỉ có người anh ruột của em theo ông chú vào Nam thôi.
- Thế anh của anh làm gì ở trong Nam?
- Có lẽ anh của em cũng đi lính. Trước khi đi B, mẹ em dặn là nếu ra trận cố tránh đừng bắn vào anh mình.
- Làm sao mà tránh!
- Thì thế!

Người bộ đội thở dài, đổi chuyện:

- Lúc này sắp Tết rồi và máy bay Mỹ đã hết đánh phá, chắc Hà Nội đang trưng bán đầy hoa Tết.
- Ở ngoài Bắc... Hà Nội... Thế Hồ Gươm bây giờ ra sao?
- Ra sao là gì, anh?
- Có tu bồ, có chỉnh trang gì không? Có còn đẹp không?
- Không đâu anh ơi. Trên bờ thì bản và dưới hồ thì đầy rác.
- Có một buổi tối ngày lễ, ngồi trên vai mẹ xem bắn pháo bông ở Hồ Gươm. Đêm ấy người đâu ra mà đông đến thế.
- Em thường lang thang nghịch ngợm ở Hồ Gươm.
- Nhà ở ngô Lê Đại Hành, gần Chợ Đuối, đằng sau Nhà Diêm.

- Em ở phố Duy Tân.
 - Có một lần suýt chết đuối vì không biết bơi mà dám nhảy xuống hồ, thấy người ta bơi mình tưởng là dễ.
 - Em cũng có xuống chơi dưới Chợ Đuối.
 - Bị xe đạp đâm vì thích nhắm mắt đi qua đường.
 - Em thích nhảy tàu điện.
 - Đi theo mấy anh lớn nhặt quả sấu, quả côm nguội. Cây côm nguội sao mà to và cao thế.
- Cả hai đang hào hứng thao thao nói chuyện không đầu không đuôi, chẳng ngờ chẳng khoai gì hết về Hà Nội. Bất chợt, người bộ đội không nhìn thẳng vào mặt Toàn nữa, mà nhìn lệch sang một bên, rồi thì thào thật nhanh:
- Mình ăn cây nào thì rào cây nấy anh ạ. Anh đừng nghe tuyên truyền. - Rồi đổi giọng đanh thép, chậm và rõ từng tiếng: - Bây giờ anh đã thấy được là chính nghĩa thuộc về chúng tôi chưa? Toàn ngo ngác và chợt hiểu. Một người bộ đội nữa đang đi đến từ phía sau lưng.

*

Không phải là hưu chiến, mà là ngưng bắn, là hết bắn giết nhau, là chấm dứt chiến tranh. Chấm dứt chiến tranh. Toàn say sưa hít thở không khí một đêm yên tĩnh của ngày hòa bình đầu tiên. Tưởng tượng sẽ đi theo chàng bộ đội về Hà Nội thăm những cây côm nguội, những hàng sấu, ngắm nhìn hồ Hoàn Kiếm... Nằm dài trên cát, gác chân lên mũ sắt, Toàn châm điếu thuốc, mở màng, mặc cho ý tưởng lang thang những nơi Toàn đã sống trong thời thơ ấu...

“Uỳnh...”

Nhanh như chớp, Toàn chụp khẩu súng, nhào xuống giao thông hào. Một quả đạn đại bác không giật bắn vào ngay giữa vị trí phòng thủ. May không ai bị thương.

Sáng hôm sau, cảnh mũ sắt, mũ cối quán quýt nhau chỉ còn là giác mơ cũ.

Không khí căng thẳng. Địch tăng cường một trung đoàn từ phía Bắc xuống. Toàn báo cáo về bộ chỉ huy tiểu đoàn. Tiểu đoàn trưởng ra lệnh nằm tại chỗ và tuyệt đối không nổ súng vì bất cứ lý do gì. Lệnh nhấn mạnh: “Hiệp định ngưng bắn đã hiệu lực. Ai nổ súng sẽ ra tòa án quân sự mặt trận”. Thế hóa ra chỉ có một bên ngưng bắn thôi à. Nó quát cho vỡ mặt cũng phải nhin à. Mẹ kiếp. Trời chập choạng tối. Đột nhiên, đèn pha chiếu sáng rực sang phía đơn vị Toàn. Hai chiếc T-54 xuất hiện. Tiếng xích sắt ken két nghiêng vào nhau dữ dội. Toàn lạnh người, sồn gai ốc. Toàn dương khẩu súng chống chiến xa M-72, kê lên ba lô, nhắm vào một chiếc T-54, miệng lầm bầm: “Mẹ, còn mỗi một khẩu, không đủ gãi ghè bố mày cũng chơi. Có chết bố mày cũng phải ‘ôm’ theo dằm đưa chúng mày, các con ạ”.

Đêm thứ hai của ngày hòa bình, đơn vị Toàn bị tấn công.

Những đợt tấn công đầu bằng đặc công của địch, đơn vị Toàn đẩy lui dễ dàng bằng lựu đạn.

Toàn đã sẵn sàng chờ T-54 lâm trận, nhưng không, sau vài đợt tấn công dọ dẫm, địch dùng bộ binh đánh biển người, ồ ạt xung phong vào vị trí của Toàn. Thì ra mấy chiếc T-54 chỉ để “nhát ma”. Khi địch tràn ngập, lựu lê và lựu đạn thay cho súng.

Sau một lúc quần thảo bằng lựu lê, Toàn gập người, ngã chúi xuống phía trước, mắt hoa đi, mũ sắt văng ra. Mất mũ là mất mạng. Phản xạ tự nhiên của bản năng sinh tồn bật dậy, Toàn nhào người, vói tay về phía cái mũ. Cả thân thể lẫn cánh tay như không còn theo lệnh Toàn, chỉ nhích từng chút từng chút. Toàn cố nhào người lên, vói tay. Cuối cùng, tay Toàn cũng chạm được vào cái mũ. Dùng hết sức bình sinh, Toàn kéo cái mũ nặng nghìn cân về phía mình. Cái mũ nhích tới. Nhích tới gần. Cái mũ tới sát mặt Toàn.

Mất Toàn đại đi, cái mũ trong tay không phải là mũ sắt, mà là mũ cối. Trên cái mũ cối mà Toàn đã một lần nhìn thấy, những hàng chữ viết tên các địa danh và ảnh người đàn bà vấn tóc trần Hà Nội rõ lên rồi nhòa dần, nhòa dần. Tiếng gào thét giết chóc vẫn vẳng vào tai cùng lúc loáng thoáng hình ảnh Toàn sánh vai người bộ đội đồng hương lang thang bên hồ Hoàn Kiếm... Dường như Toàn nghe rõ tiếng mình gọi “Anh bộ đội ơi, chờ tôi với...”.

Mai Thảo

Trước 1975, ở Việt Nam, tôi chỉ biết ông qua “Đêm già từ Hà Nội” và “Bầy thỏ ngày sinh nhật”. Đối với tôi, một thằng lính đánh trận, Mai Thảo, và tên tuổi của vài nhà văn khác, lạ vừa phải vì đã biết tên, quen vừa phải vì cũng chỉ biết tên.

Sau 1975, ở Mỹ, tôi vô tình cầm bút, và từ đó có dịp giao du, tụ tập với những người viết mới, thỉnh thoảng gặp những người viết trước trong cùng một quán, nhờ vậy, tôi mới biết mặt Mai Thảo, nhưng không quen.

Vào những năm cuối thập niên 80, các bữa rượu của đám mới cầm bút khá thường xuyên, hết quán này đến quán khác. Hầu như lần nào gặp Mai Thảo, tôi cũng thấy có một vài người luôn đi chung với ông. Lúc thì nhà văn Tuấn Huy, lúc thì nhà báo Đỗ Ngọc Yến, lúc thì nhà văn Vũ Huy Quang.

Cung cách của những người quanh Mai Thảo, và thái độ có phần khích bác, khó chịu của ông khiến tôi không những đã không muốn quen, mà còn không ưa. Đến nỗi, có khi mặt đối mặt, tôi không chào. Có người bảo tôi “mày chào ông ấy một tiếng có mất gì đâu”, tôi vẫn không chào. Cho đến một buổi tối, ở quán Phở Ngon thường lệ, tôi ngồi với mấy người ở một bàn, thấy Mai Thảo ngồi ở một bàn khác, nhưng không phải với một vài người quen thường thấy, mà chung bàn là những thương gia “cổ cồn cà vạt”, đang ồn ào khoe thành tích về các thương vụ của mình. Tôi thấy ông ngồi im lặng, vẻ chịu đựng chứ không bản gắt, hay la máng như khi ngồi với Vũ Huy Quang.

Thấy vẻ chịu đựng của Mai Thảo, tôi ái ngại, đến sau lưng, nói nhỏ vào tai ông: “Anh muốn về, em đưa anh về.” Ông ừ ngay lập tức: “Ừ, đưa tôi về!”

Ông không bao giờ lái xe, nên tuy từ Phở Ngon về đến chỗ ông ở, khu người già ở phía sau tiệm Song Long, đi bộ chỉ mất chừng 15 phút, nhưng vì trời đã tối, ông không đi bộ về được.

Tôi lái vào đến tận chân cầu thang, ông mở cửa xe ngồi yên, ngàn ngữ không muốn xuống. Tưởng chỉ riêng tôi, uống là phải “tới bên”, nhưng còn ông, sao như chưa muốn về. Tôi kiên nhẫn chờ. Ngập ngừng một chút, ông thốt lên: “Giờ này mà lên phòng ngồi uống một mình, thì buồn nhỉ!”

Tôi nhìn ông, rồi quyết định theo ông lên phòng.

Một chiếc giường đơn, một cái bàn con, vài bức tranh trên tường, tấm hình Vũ Hoàng Chương, vài chai rượu, và cái bàn viết. Cái bàn viết của một người suốt đời chỉ sống với văn chương, một mình. Tôi ngắm nhìn, lòng đầy cảm kích.

Ông lấy chai rượu uống dở, vừa rót ra hai cái ly, vừa nói:

“Tôi biết Huy không thích tôi. Nhưng thôi, tôi không cần biết nguyên do. Uống với tôi một ly.”

Ông uống rượu mạnh không soda, không đá. Tôi cũng uống giống ông. Chỉ khác là, nghe nói, ông chuyên uống cognac VS, loại nặng mà không sao, còn tôi chỉ VSOP, loại nhẹ, tỉnh dậy đỡ váng đầu.

Tôi uống với ông không chỉ một ly, mà là nhiều ly, rất nhiều ly đêm đó.

Thế là tôi được quen ông. Khi quen rồi, khi tiếp xúc nhiều rồi, tôi mới tiếc là đã bỏ phí một thời gian quá dài không chịu quen với ông. Một nhà văn, nhưng Mai Thảo còn là một quyền tự điển sống về thơ.

Hỏi ông về một câu thơ tiền chiến, ông đọc nguyên đoạn, có khi nguyên cả bài, cắt nghĩa từng câu từng chữ. Ông thao thao về tác giả và trường hợp sáng tác bài thơ. Ông như được sống lại với thời ra đời của bài thơ. Ông say sưa nói, nói quên uống, trong khi ông là người khi uống rượu, rất ít nói.

Rượu vào, Mai Thảo ngang ngược, không coi những người chung quanh ra cái gì. Trong một bữa rượu ở quán Song Long, ông hút thuốc liên tục, mặc dù đã có lệnh cấm hút thuốc trong quán, khiến các thực khách chung quanh khó chịu, đến nỗi người phục vụ của quán phải đến nói ông mỗi khi hút thuốc nên ra ngoài. Ông quát lên: “Tôi hút thuốc trong này, đũa nào khó chịu thì đi ra ngoài”.

Một lần đi uống rượu ở quán Việt, chúng tôi gọi rượu mạnh mang theo (các quán ăn của người Việt Nam thường chỉ có giấy phép bán bia và rượu vang). Thức nhắm ê hề trong khi rất ít người ăn, chỉ uống là chính. Uống nửa chừng, ông gọi thêm thức ăn, tôi cản lại: “Mời còn đầy trên bàn, không ai ăn, anh gọi thêm làm gì?” Ông mắng: “Mày ngu cũng vừa vừa thôi, quán người ta bán bia, mày mang rượu vào, chỉ gọi soda với đá thì làm sao người ta sống? Dù không ăn cũng phải gọi để mà trả tiền chứ!”

Thời gian bị bệnh, ông chuyển chỗ ở từ trên lầu xuống dưới nhà. Những ngày cuối, phòng của ông bị y tá đến dọn sạch những chai rượu, sạch luôn cả sách vở. Tôi với một người bạn đến thăm ông. Phòng trống lốc, ngoài cái giường đơn ông đang nằm, giữa phòng chỉ có một cái bàn đựng năm ba chai thuốc tây. Thấy tôi vào, ông hỏi: “Huy uống rượu không?” Nhìn ông tiều tụy xanh xao, tôi chưa kịp nói thì ông bảo: “Có rượu đây”, và chỉ tay vào cuối giường: “Trong này này.” Tôi moi trong chần phía chân ông ra một chai rượu giờ, giờ lên: “Có một chút này thôi hả anh?” Ông cười mồm mỉm: “Không, moi tiếp đi, một chai nữa, còn nguyên.”

Ông yêu văn chương, cả đời ông sống với văn chương, ai cũng biết. Và ông yêu cả người đọc. Tạp chí Văn của ông ra hằng tháng, mỗi khi phát hành, ông luôn luôn viết tay tên và địa chỉ người nhận trên bao thư, một lần tôi nói với ông: “Anh để em đánh máy tên độc giả vào computer để mỗi lần gửi báo, chỉ cần in ra rồi dán vào bao thư cho đỡ mất công”. Ông không chịu: “Mình viết tay thể này là để chứng tỏ sự ưu ái của mình với độc giả”. Tôi không thể tưởng tượng nổi, làm thế nào, chỉ một mình, ông không biết đánh máy, không biết sử dụng computer, không lái xe để chở báo, tên và địa chỉ người nhận ông viết tay, ông lại uống rượu suốt ngày, vậy mà tạp chí Văn được gửi đến độc giả hằng tháng, đều đặn và đúng thời hạn như thế. Trong khi tôi coi tờ Văn Học, biết đánh máy, biết trình bày báo trên computer, tên và địa chỉ độc giả in thẳng từ danh sách trong computer ra, chỉ việc dán vào bao thư, biết lái xe chở báo ra bưu điện, vậy mà, chưa số báo nào đến tay người nhận đúng thời hạn. Ấy là chưa kể (lấy cớ) nào là vì bị bệnh một năm, rồi thì vì thiếu người trị sự nên phải hoãn ra báo (có mỗi) một năm, ra lại được (những) hai số, mà báo đến tay độc giả chỉ trễ có... hai tháng (chứ mấy).

Đám tang ông, tôi không đi đưa. Vì, tôi không muốn khóc trước mặt người khác.

Trả lại tiền

Cơn thèm đàn bà bắt gã đạp xe loanh quanh trong thành phố.

Đường Hồng Thập Tự lác đác chị em ta đứng thập thò dưới các gốc cây. “Xe qua lại nhiều quá, không được.”

Gã đảo quanh công viên trước cổng Dinh Độc Lập cũ. Tới. Mỗi gốc cây đều thấp thoáng bóng người. Vài tay cũng đạp xe rảo rảo giông gã. “Được rồi.”

Gã tấp vào một gốc cây.

Một ả ló ra kéo tay gã:

“Dzô sát trong đây.”

“Nhiều?”

“Hai chục.”
“Không có đủ.”
“Dzậy có nhiêu?”
“Thôi! không thì nhiêu?”
“Mười.”
“Vẫn không đủ.”
“Dzậy chớ muốn nhiêu?”
“Có năm thôi.”
“Hổng được. Đụ má... Chưa mở hàng.”
“Nguyên một ngày lương! Không được hả? Thôi.”
Gã quay đi. Ắ kéo lại:
“Thôi, có nhiêu lấy nhiêu!”
Gã đứng tựa lưng vào gốc cây. Tọt quần.
Ắ ngồi xồm xuống. Làm việc.

...

Ánh đèn pin bất ngờ chiếu thẳng vào khuôn mặt gã, kèm tiếng quát:
“Đứng yên!”
Gã mở choàng mắt, kéo vôi quần lên.
Ắ bật dậy, co chân định chạy.
Tiếng lên đạn lách cách. Tiếng quát:
“Đưa giấy tờ coi.”
Gã lúng túng moi ra tờ giấy: “Ra Lệnh Tha”, Tội danh: “Can tội sĩ quan ngục”.
Ánh đèn pin dừng lại trên những hàng chữ, ngập ngừng.
Gã phân bua:
“Tôi mới được thả. Lâu ngày... thèm quá...”
Hắn nhỏ giọng:
“Anh tui cũng bị mấy năm như cha, mà đâu có tầm bậy tầm bạ như dzậy. Phải kiếm chỗ kín kín một chút chớ.”
“Tôi cũng muốn vậy, nhưng tiền đâu mà mượn phòng.”
“Nó lấy cha nhiêu?”
“Năm đồng.”
“Năm đồng?” Hắn bật tiếng cười.
Quay sang phía ắ, hắn ra lệnh:
“Trả lại tiền cho người ta!”
Không hiểu, ắ hỏi lại:
“Tiền? Trả lại...”
Hắn quát nhỏ:
“Trả lại cho người ta. Rồi đi đi.”
Ắ ngập ngừng định lên tiếng, nhưng đành im lặng trả lại tiền.

Gã lên xe, đạp đi. Đợi hắn đi khuất, gã vòng xe lại, đến gần ắ.
“Này. Tôi trả lại năm đồng.”

Ắ quay lại. Cái nhìn đậu trên mặt gã vài giây, rồi nói:
“Thôi, giữ lấy xài đi.”

Phụ lục Vài mẫu chuyện

Độc Cao Xuân Huy Lưu Na

Cuối cùng rồi mình cũng đọc quyển hồi ký ấy, quyển hồi ký gắn liền với một cái tên suốt 25 năm dài. Làm như người ấy tái sinh với tên cũ dài hơn: Cao Xuân Huy Thám Ba Gãy Súng. Muốn hiểu tính cách của con người tái sinh ấy ra sao thì cứ đọc phần Cao Xuân Huy trả lời Trần Văn Thủy trong Nếu Đi Hết Biển, nhưng nếu muốn biết anh đã viết những gì sau hồi ký đó thì cũng hơi nhọc nhằn. Mình nhớ đã từng đọc Cao Xuân Huy ở đâu đó. Tìm lại, thấy anh có truyện/bài đăng rải rác trên Tạp chí Văn Học, một vài tạp chí khác, và trên mạng.

Cao Xuân Huy viết ít. Trong sáng tác, chuyện ít nhiều không làm nên giá trị của tác phẩm, nó chỉ làm đậm thêm hoặc phai mờ đi một tên tuổi với những tác phẩm đã tạo thành. Nhiều mà đông dài thì thà ít. Dài mà rườm rà thì thà ngắn. Cao Xuân Huy không những viết ít mà còn viết ngắn và viết đơn giản. Điều hơi lạ là không hiểu sao sau khi đọc những truyện ngắn ngắn ấy mình lại cứ liên tưởng đến một bộ truyện dài: Sông Côn Mùa Lũ của Nguyễn Mộng Giác. Ngạc nhiên, và buồn cười.

Khác biệt giữa những truyện thật ngắn đó và một truyện thật dài thì quá nhiều. Sông Côn Mùa Lũ dùng sự thật tạo nhân vật giả, dựa vào lịch sử để sáng tác. An. Lãng, và Huệ, v.v... là của Nguyễn Mộng Giác. Những truyện ngắn của Cao Xuân Huy dùng nhân vật giả để trưng bày sự thật, dựa vào sáng tác để nhìn lại một góc lịch sử mới vừa qua. Cao Xuân Huy dùng cái riêng để gọi đến cái chung, từ cái hư cấu vẽ ra cảnh thực. Người lính là của lịch sử, con người là của lịch sử. Nhân vật là nhân vật chung của thời đại, bất cứ người lính nào cũng thấy đời mình trong đó, bất cứ người tù nào cũng thấy mình trong đó, bất cứ người dân nào lứa tuổi nào cũng thấy phận mình trong cái tang thương chung.

Truyện dài cho phép mình nhẩn nha suy ngẫm, ngẫm nghĩa từng nhân vật với từng cá tính tâm tình, tách biệt và biến chuyển của mỗi tâm hồn theo với biến động xã hội và thời gian. Sông Côn Mùa Lũ cho mình thấy suy nghĩ, tâm tư, và xúc động nữa, của An, từ thuở mới lớn cho đến khi quá tuổi trưởng thành; một Nguyễn Huệ từ thuở còn đến học với giáo Hiến cho đến khi xa vời trên ngai... Truyện ngắn Cao Xuân Huy không có nhân vật để nhớ, không có biến chuyển để theo. Đọc xong chỉ thấy ngậm ngùi hay thông cảm, hay thấm đượm một niềm đau chung cho một hoàn cảnh, tình huống. Chỉ biết gật gù đồng cảm.

Với những khác biệt sờ sờ ra như vậy, đâm nghĩ ngợi về những gì anh đã viết và cách anh viết. Thì ngắn và đơn giản!!! Nghĩ ngợi mà vẫn không tránh được đối chiếu.

Sông Côn Mùa Lũ viết về những con người của một thời vàng son tao loạn đã qua: thời Nguyễn Huệ và nhà Tây Sơn. Những truyện ngắn của Cao Xuân Huy khi gom lại cũng tương tự trong tầm vóc nhỏ hơn, viết về người lính thời chiến tranh Việt Nam. Tao loạn, và dù xã hội cũ không hoàn chỉnh nhưng vẫn là một thuở vàng son, trong đó những người lính Cộng Hòa dù thua dù mệnh không thành cũng từng làm bạt vía kẻ thù. Những truyện ngắn ngắn ấy đứng riêng một mình thấy đơn điệu. Bên cạnh trường thiên chúng trở thành những trang rời, những chương nhỏ của bộ trường thiên Chiến Tranh Việt Nam, vì trọng tâm vẫn là người lính - trong cuộc chiến, lúc tàn cuộc, khi sa cơ, và trong lòng chế độ cộng sản.

Cao Xuân Huy chỉ viết chuyện người lính. Nhưng người lính của Cao Xuân Huy mang thân phận con người bình thường chứ không anh hùng không sắt thép, không hy sinh đẫm máu hay cao cả bạo tàn. Những người lính ấy cũng biết buồn biết sợ biết tủi nhục. Phản ứng của họ trong những hoàn cảnh khắc nghiệt chính là nét tâm lý sâu sắc trong thân phận con người. Bị chà đạp thì phản ứng lóe lên như ánh chớp nhưng phải tắt trước nòng thép lạnh để giữ thân (Ngu như lợn) *còn sống được nhờ biết sợ*. Ráng giữ nhân phẩm mà thành ra đánh bạn vì *miếng tỏi tàn* (Miếng ăn). Về làm phó thường dân cũng muốn liều mà đành không thể “ăn quít chơi

lượng” (Trả lại tiền)... Những điều anh viết đưa ra một cái gì rất thật của người lính, tưởng như sờ chạm vào được. Sông Côn Mùa Lũ, Nguyễn Mộng Giác cũng đưa ra hình ảnh một Quang Trung Đại Đế - Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ như một người bình thường của số phận: Huệ phải lập chánh cung và An phải lấy Lợi. Cũng đành, nhưng chiếc áo dăng quang phải chính tay An vẽ kết, không thể nào khác. Tình yêu và số phận chi phối vua và dân như nhau. Thật dài và thật ngắn, cả hai tác giả đều “con người hóa” những biểu tượng anh hùng.

Viết ngắn, nhưng Cao Xuân Huy khéo dùng chi tiết trong truyện của mình. Sông Côn Mùa Lũ, Nguyễn Mộng Giác không cho Huệ nói được một lời yêu, chỉ cho Huệ chạm tay vào má An lúc già từ mà tình yêu như đã được khẳng định. Cái tình không nói ấy lơ lửng trong không gian suốt bề dài của truyện. Với An, khi cho An thắng thốt ngạt ngừng “đừng anh Huệ...” thì tình tuyệt vọng như đã mơ hồ xuất hiện trong cái lúng túng bối rối của cô gái mới lớn vừa đối mặt với tình yêu. Đó là với 2,000 trang chữ. Trong vài trang chữ, Cao Xuân Huy đưa ra cái nhìn đong lại vài giây của cô gái đứng đường trong “Trả lại tiền” để nói - và nói lên được tình cảnh xã hội và lòng người với nhau qua cuộc bể dâu. *Những ngày ấy biết bao thương xót*. Một đồ sộ một đơn giản, cả hai tác giả đều đưa vào tác phẩm của mình những chi tiết vụn vặt không mấy ai để ý mà khi đã được nêu ra thì đọc thấy thấm thía.

Truyện ngắn của Cao Xuân Huy làm mình liên tưởng Sông Côn Mùa Lũ chính ở tính cách tình tế đó.

Liên tưởng thôi, chứ không thể so sánh cái đồ sộ công phu với cái vắn vỏi đơn giản. Cũng như nói chuyện lịch sử hay sự thật chỉ là bàn cho tới nơi một cảm nhận của người đọc mà thôi. Gán cho Cao Xuân Huy chuyện cao cả quá coi chừng bị mắng là vẽ rắn thêm chân. Vì chữ và lời của Cao Xuân Huy giản dị lắm. Văn khô khan không xúc tích, đọc văn thì không có ấn tượng gì nhưng nếu phải chỉ ra một lời văn rườm rà một chi tiết dư thừa hay một bố cục lỏng lẻo chắc khó. Chữ, nó là cái tĩnh, khi Cao Xuân Huy viết xong nó thành cái động - hình ảnh đối thoại và dẫn giải nối liền pha trộn. Ngay cả phút suy tư cũng là hình ảnh lồng trong cảm xúc (Vải bao cát). Đọc Sông Côn Mùa Lũ có cái thú là vừa đọc văn vừa đọc truyện, vừa thưởng thức vừa ngắm nghĩ, chữ nói chữ. Đọc Cao Xuân Huy không có khoảng trống đó, một phần vì ngắn, nhưng chính yếu vì cách viết: hình ảnh sự kiện lướt lướt qua trước mắt, âm thanh nói nói qua tai, không có bề dày thời gian cho nhân vật và sự việc.

Cách viết ấy có cái hay: đọc không phải là đọc mà là xem một đoạn phim ngắn, một cảnh nào đó của một cuốn phim: “Hành phương nam” cứ như một đoạn ngắn của phim “Chân trời tím”... “Trả lại tiền” đọc vào là “nghe” được đôi lời dẫn nhập, vài cái phác họa là thấy ra một cảnh trước mắt với hoặc lời dẫn giải hoặc lời đối thoại nghe rất thực: “dzậy có nhiều,” “không thì nhiều,” chữ “bao” là chữ cảm khi phát ra tiếng. “Người muôn năm cũ”, cứ mỗi chữ “Cô Hiền” là mỗi lời êm êm buồn buồn phát ra từ cái radio nghe trong đêm *Mẹ Việt Nam rất đau buồn vì có những đứa con sinh Bắc tử Nam...* Cũng có lúc mình liên tưởng, như “Miếng ăn” làm mình nghĩ đến cô gái già trong “40 year old virgin...” giới thiệu đứa nhỏ là con của con gái mình vì không muốn nói mình là bà ngoại. “Chờ tôi với” có đối thoại rất hay và lạ - lời chồng lên lời, thấy trước mắt mình cảnh hai đứa trẻ cùng nói một lúc về cùng một đề tài nhưng mạnh mẽ mà nói mạnh tao tao nói. Thú vị.

Nhưng thú vị nhất với mình là nét cười cợt và như có một niềm hãnh diện, nhạt nhòa, cái sự quyết không hèn trong mọi hoàn cảnh. Cái quyết ý đó cảm mà không thấy ở chỗ nào, chỉ bàng bạc đó đây ở những điều không nói những chữ không viết. Để hiểu, phải trở lại với tính cách của tác giả qua những lời đã nói.

Với Trần Văn Thủy trong “Nếu đi hết biển”, “tôi” khóc vì có Bố thăm, tôi hãnh diện vì Bố quen Phùng Quán, tôi sợ không đến gặp lúc Bố vào Nam vì công an bao vây, tôi đánh giặc cừ, ở binh chủng thiện chiến, và tôi còn tưởng Bắc tiến... Tóm lại, Cao Xuân Huy nói tôi chỉ là một

người dân bình thường nhưng làm trai cho đáng nên trai (!!), một thái độ kiêu ngạo. Bên cạnh những nhà giáo khoan hòa như Trương Vũ, Nguyễn Mộng Giác, Nhật Tiến, Cao Xuân Huy biểu lộ một phong cách trượng phu: trọng bổn phận, có ý thức trách nhiệm chung, và thẳng thắn rất ráo (về mình, với người).

Với Lê Quỳnh Mai, (phỏng vấn Cao Xuân Huy), tính cách và thái độ đó càng đậm nét:

Lê Quỳnh Mai: *Là một trong những nhà văn hải ngoại có mặt trong Nếu Đi Hết Biển. Tại sao ông quyết định nhận lời mời phỏng vấn của tác giả Trần Văn Thủy?*

Cao Xuân Huy: Giản dị thôi. Tình trạng sách báo ở hải ngoại không vào được trong nước, đây là dịp để tôi có thể nói cho người dân trong nước những suy nghĩ của mình về cuộc chiến vừa qua. Rõ rệt là quyển sách này đã được rất nhiều người trong nước đọc. Nhân việc trả lời này, tôi đã nói được chuyện quân đội miền Nam đang chuẩn bị lấy lại Hoàng Sa ngay lập tức sau khi bị Trung Cộng chiếm hồi đầu năm 1974, nhưng đã bị bộ đội miền Bắc cố tình cầm chân để Hoàng Sa hoàn toàn lọt vào tay Trung Cộng. Hơn nữa, tôi thích đạo diễn Trần Văn Thủy, dù chưa gặp mặt, qua hai cuốn phim "tài liệu" *Chuyện tử tế và Hà Nội trong mắt ai*. Hai cuốn phim này là hai cái tát vào mặt chế độ. Tôi cũng muốn nhân đó mà tát vào mặt đảng Cộng Sản Việt Nam một cái chơi.

Xác đáng, rõ ràng, và thẳng thắn - không thể nào khác.

Trượng phu và kiêu, tính cách thấy qua lời nói cũng ẩn hiện trong tác phẩm.

Kiêu, nên dễ hiểu tại sao Cao Xuân Huy không gấn huy chương không tô vẽ chiến công cho nhân vật của mình. Người lính của Cao Xuân Huy cũng như chính tác giả, phải là mình, chỉ là mình. Sự thật có chỗ đứng của nó, nhân vật của Cao Xuân Huy có đặc tính thật, những con người bình thường gặp nhau trong binh đoàn thiện chiến với mẫu số chung là can đảm, trung thành, trọng nghĩa, và trọng luật chơi. Trượng phu, nên không kể thành bại, chỉ cần sống xứng đáng và không thể hèn. Truyện của Cao Xuân Huy có những người lính bình thường chiến đấu một cách can trường và bất khuất lúc sa cơ, gọi nên nét kiêu dũng thâm lặng. Kiêu dũng, mà chỉ cảm được thôi, nó lơ lửng trong không gian như mối tình của Huệ và An trong 2,000 trang chữ, vì Cao Xuân Huy có nói gì đâu trong truyện của mình. Tác giả chỉ cho nhân vật của mình cười cợt - khi xông pha đối mặt kẻ thù, lúc ngã xuống, và khi bị chà đạp trong tù. Cười cợt bất cứ lúc nào có thể. Không nói chuyện cao cả anh hùng, không viết lời xưng tụng, Cao Xuân Huy chỉ dùng cái cười cợt để biểu lộ quyết ý không hèn của người lính, đây mới là chỗ độc đáo.

Độc đáo thì có độc đáo, nhưng không đã. Cứ thấy như mình bị tác giả ăn gian vì phải suy đoán một tính cách, ngẫm nghĩ một cảm nhận. Cái cười cợt không chỉ của nhân vật mà còn của chính tác giả, như viết chỉ là *viết láo mà chơi*. Phải chăng tác giả đã tự giới hạn mình?

Chọn lọc và cô đọng, Cao Xuân Huy là cây viết sắc sảo. Nhưng là khi viết in ít, viết ngắn ngắn, trong một đề tài. Biết cái sắc sảo đó có còn khi viết nhiều hơn, viết rộng hơn, và trong một tác phẩm dài hơi? Trong lúc chờ câu trả lời đành phải chịu *xem láo chơi*.

Trước giờ ngưng bán Hoàng Khởi Phong

1- Chúng tôi giao tình đã ba mươi năm có lẽ. Thời đó là thời của những cuộc xuống đường Phật Giáo nhằm chống lại sự cai trị của một chế độ mà người ta gọi là bạo quyền, gia đình trị của họ Ngô. Khi mà dân chúng đã vùng dậy, mọi tầng lớp xã hội đã đứng lên từ học sinh tới thợ thuyền, từ trường học tới chùa chiền, và vào phút chót lại có những ông tướng cùng quân đội dưới quyền ủng hộ thì chế độ phải đổ. Mãi nhiều năm sau và ngay cả bây giờ có lẽ cũng cần có những người viết sử, đúng thật là những người chép sử ghi lại thời gian 1963, cái thời khoảng dù muốn hay không cũng đã là một trong những dấu mốc lịch sử của thời cận đại.

Tôi vẫn nghĩ là kết quả của năm 1963 không tránh được. Nhưng những chính quyền sau chính quyền nhà Ngô cũng chẳng hơn gì. Bởi đó mà năm 1975 nổ ra như một trái bom nguyên tử. Sức tác hại ngay lập tức thì mọi người đã biết, ảnh hưởng dây chuyền của nó thì ngày nay chúng ta sẽ phải tẩy xóa, tháo gỡ trong vòng một hai thế hệ.

Năm 1963, Cao Xuân Huy là một học sinh đệ tam mười sáu tuổi đầu. Khởi nói thì cũng biết anh đã tham gia những cuộc biểu tình nồng nhiệt như thế nào. Còn tôi hai mươi tuổi chẵn với một cái lon chuẩn úy còn mới tinh khô trên cổ áo. Huy học với các em tôi, nên vì vậy mà Huy gọi tôi là anh. Ba mươi năm sau ở xứ người, giờ đây anh gọi tôi là bác, xưng em y như ba mươi năm trước. Nói như thế có nghĩa là giữa tôi và Huy là hai người anh em họ... Hồng Bàng.

Trong ba mươi năm giao tình đó, có những lúc anh em xa cách, hoặc là vì hoàn cảnh chiến tranh, chúng tôi đều là lính mỗi người một phương. Thời gian gần đây có một thời khoảng ngắn chúng tôi ít đi lại vì những sự hiểu lầm hơn là những xung khắc có tính cách chí tử như nhân cách hay là chính trị chẳng hạn.

Năm 1970, hai anh em cùng trú đóng ở Pleiku, Huy được gọi đi thụ huấn. Chúng tôi tạm xa nhau từ đó. Huy ra trường đội nón xanh, đóng tại địa đầu Quảng Trị, mùa hè năm 72 về Sài Gòn với một cái nạng trên người. Chưa lành hẳn thì trận chiến trở nên khốc liệt trước khi ngưng bắn. Cả hai bên đều muốn chiếm đất, giành dân. Trên cái mảng da beo của đất nước, bên nào cũng muốn cầm được nhiều cờ. Khi nói về giai đoạn xa nhau này, Huy luôn giữ được nụ cười thật trẻ thơ, y như những năm còn đi học...

2-...Chiều tối ngày 26-1-73, đang nằm vống lơ mơ sau bữa cơm chiều. Đại Đội Trưởng của tôi đi họp khẩn trên Lữ Đoàn, người thì chưa thấy về mà tiếng đã oang oang trên máy truyền tin. Tôi nhận lệnh cho đơn vị sửa soạn đại đội hành quân, cuốn lều, thu vống. Mọi chi tiết sẽ cho biết sau khi nào Đại Đội Trưởng về tới. Tôi biết là có chuyện lớn. Mấy hôm nay thôi thì máy mất, lũng bùng ở lỗ tai, toàn là những điềm gỡ chẳng có gì là phấn khởi. Bên tai tôi bọn lính sửa soạn thôi thì náo loạn, tít mù. Tối mịt ông xếp về. Ghé vào tôi ông ấy nói:

“Bằng mọi giá mình phải lấy được Cửa Việt trước khi ngưng bắn có hiệu lực.

Tôi hỏi khi nào thì ngưng chiến có hiệu lực?

“8 giờ sáng ngày 28-1-73.

Tôi tính nhắm còn hơn ba mươi tiếng nữa. Rán giữ mạng, giữ cái củ cải để còn về mà du hí với đào địch, trước khi có một... cái gọi là vợ...

Tại tuyến xuất phát tôi được biết chi tiết hơn. Bọn tôi có năm đại đội để tấn công một Trung Đoàn có vị trí phòng thủ sẵn. Thành phần trừ bị chỉ có một đại đội làm cảnh. Như vậy bên ta có một tiểu đoàn rươi, thay vì phải có cỡ năm tiểu đoàn để làm một nhiệm vụ như thế này. Kệ mẹ nó, tới đâu hay tới đó chớ chẳng lẽ bây giờ khóc nhè hay sao?

Năm đại đội mỗi đại đội chia nhau một mục tiêu phụ. Tràn qua được mục tiêu phụ này sẽ hợp làm một để tiến đánh Cửa Việt, trung tâm điểm của cuộc hành quân, mà thượng cấp đã nói là bằng mọi giá phải cầm được cờ của quân ta tại địa điểm này. Bọn tôi được phát mỗi người hai lá cờ to... bằng hai bàn tay chèo. Một cái mang trong người, một cái bỏ ở ba lô.

Tôi coi nửa đại đội, hơn tám mươi người lính dưới quyền. Tụi tôi tràn qua mục tiêu phụ không mấy khó khăn. Địch chết ở đây trong mũi tấn công của tôi cũng đến bảy, tám chục mạng. Tụi tôi cũng mệt chút đỉnh, nhưng lệnh là phải tiến. Những người tử trận và bị thương cứ để tại chỗ, ngưng bắn rồi tính sau. Tính tôi có vẻ vô tâm nhưng trong chiến trận không thể vô tâm được. Vô tâm là kể như mang tính mạng mình và thuộc cấp ra bán rẻ cho địch rồi còn gì nữa. Do đó khi đã tràn qua mục tiêu phụ tôi để lại bốn trụ lực soát phía sau, để khỏi có cảnh bị địch quân từ những chỗ nấp tiến ra bắn mình từ phía sau lưng.

Chuyện cứ như là xi-nê. Mấy ông nội để lại này phát giác ra được một cái hầm, vò được bốn cậu, thế rồi tuần tự trước sau có hơn bốn chục cậu ra hàng trong cả chục cái hầm ngụy trang cẩn thận. Bốn thằng ông nội của tôi cũng phát hoảng. Nhưng không, những người anh em bên

kia ngoan ngoãn biết điều, bỏ súng vào một đồng như đồng củi, hai tay để sau gáy ngồi xếp hàng tư, mắt không biết vui hay là buồn nhìn ra ngoài khơi, nhìn tới phía súng đang nổ rất mật người. Không có cả dây trói thành thử bốn tên lính của tôi cũng đành đứng gác tứ phía chờ tiểu đoàn bộ tiến lên giải giao về phía hậu tuyến.

Năm giờ chiều. Bọn tôi gom đại đội thành một mũi tấn công. Thật ra làm gì có thì giờ để chỉnh lại đội ngũ. Năm mũi tên nhỏ hướng về một điểm chung. Địa ngục cuối cùng phải chăng là đây. Tôi nhủ thầm nhiều lần phải sống để mà về, nhưng người tôi như say khói súng, cứ lao đi về phía đằng trước. Lính lếch thếch theo sau. Chập tối tụi tôi đực được vào phòng tuyến của địch một miếng. Tôi thấy cũng đã đủ chỗ cho cắm một lá cờ, đó là chưa kể tới những mũi nhọn khác. Lệnh cho lính ngừng lại, phòng thủ ngay tại công sự của địch. Đêm nay may ra được ngủ yên. Tám giờ sáng mai là có thể yên tâm đứng hút thuốc, chấp bọn chúng cả ngàn thằng đứng quanh. Làm gì được nhau nào. Ngưng bắn rồi, nó có làm gì thì tôi cũng mặc kệ nó. Kiểm điểm lại đàn em tôi, sáng nay tại tuyến xuất phát ông Đại Đội Trưởng một nửa, tôi một nửa, mỗi người dẫn một cánh hơn tám chục người. Tôi còn lại được hơn hai chục trụ. Những ai không có mặt giờ này hoặc là đã chết hoặc là đã bị thương. Mong rằng đã có người chiếu cố ở phía sau.

Nửa đêm, trời lúc mưa, lúc tạnh, những làn hơi nước bốc lên mù mù. Trời với đất làm như cũng đồng cảm với người. Mặt trăng hạ tuần khi tỏ, khi mờ làm như lầy với cái "... Hồn tử sĩ gió ù ù thổi. Mặt chinh phu trắng dãi dãi soi. Chinh phu tử sĩ mấy người. Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn...".

Vẫn như chuyện xi-nê. Một bộ đội Cộng Sản có lẽ ở chỗ mục tiêu mà tụi tôi đã tràn qua ban ngày, mãi tới bảy giờ mới về tới phòng tuyến sau lưng. Hấn không biết công sự phòng thủ đã đổi chủ. Hấn mang một cái máy truyền tin to tổ bố, hấn vát xuống đất nghe đánh huyệt. Hấn chép miệng chửi thề:

- "Địt mẹ tụi Ngụy làm tở rách cả áo. Đồng chí nào xin hợp nước coi".

Tôi nhin cười không được, bật cười trong bóng đêm. Hằm tối như bụng nên tên này vẫn chưa hay biết gì, hấn chửi thêm một câu nữa.

- "Địt mẹ cười cái gì. Chạy trốn chết, lẩn như trạch từ chiều tới giờ mới về được..."

Tôi kê khẩu M-16 ngay mang tai cậu ta nổ chơi một phát. Cu cậu chỉ còn có nước đưa tay chịu trói. Bọn tôi ngồi dựa vách hầm, ngủ gà ngủ gật chờ sáng, chờ lệnh tấn công sau cùng trước khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực.

Gần sáng bắt đầu tấn công tiếp. Tụi tôi mở thêm những đợt xung phong. Thật khó mà có thể nói cho hết cái không khí, cùng cảm nghĩ của tôi lúc đó. Có điều tôi có cảm giác là tôi sẽ đứng vững được đến sáng, đến tám giờ sáng, đến khi mọi người buông súng để cho lệnh ngừng bắn có hiệu lực. Cứ nghe tiếng súng cá nhân của địch bắn về phía chúng tôi thì biết là chúng có nhiều tay súng hơn chúng tôi vài lần. Không hiểu ở những mũi dùi khác của TQLC thì sao. Tình hình này không hiểu tụi tôi có chịu đựng nổi tới khi mặt trời mọc hay không? Lại thêm số đạn mang theo có hạn, nhiều binh sĩ của tôi đang bắn về phía Cộng Sản bằng súng và đạn đã tịch thu của họ.

Ngày đó là một ngày nhiều sương khói. Đã hơn bảy giờ sáng mà còn mù mù tầm tối. Đột nhiên mặt trời ló ra sau những đám mây. Cảnh vật như đang từ cõi âm ty, chợt thấy những ánh sáng của dương trần. Tới lúc đó tôi mới thấy tụi tôi hoàn toàn ở vào vị trí bất lợi. Địch ở trên cao, bố trí thành hình vòng cung. Tụi tôi ở dưới thấp, lẩn được vào vòng cung một khoảnh lợt thỏm vào trong như là đang ở trong một cái rọ.

Còn hơn bốn mươi phút nữa mới tới 8 giờ sáng. Súng của địch bắn như mưa rào, mà mình bắt buộc phải nằm chịu đòn. Lợi dụng tối trời còn có thể tấn công, chứ bây giờ sáng tỏ mặt người thì chỉ có nước nằm chịu trận. May mà mặt trời ló ra rồi, chứ ló sớm là tụi tôi đi... ỉa.

Tôi cố thu nhỏ người lại đằng sau một đụn cát. Đạn vun vút bay qua vị trí tụi tôi. Tôi độ chừng những người bộ đội bên kia chắc có lẽ cũng có tâm trạng chờ ngưng bắn như tôi nên họ cũng không phản công. Ai mà lại thích chết trong cái giờ thứ hai mươi lăm này. Tất nhiên họ phản

công thì tụi tôi lãnh đủ, nhưng họ cũng phải lãnh... không thiếu, nếu muốn đánh bật được tụi tôi ra khỏi vị trí đã chiếm. Tụi tôi thì không thể tấn công. Còn họ thì cũng không thể phản công. Nửa giờ sau cùng đó dài như một thế kỷ. Tôi nhớ là tôi thu mình như một con tôm, đầu gục xuống, thỉnh thoảng liếc mắt nhìn cái đồng hồ tay. Tám giờ kém năm phút, tôi đưa thử cái que lên cao dò xét. Cái que vừa nhô lên chưa đầy một gang đã bị đạn tiện đứt. Tôi bảo tên lính truyền tin:

“Mày to họng, chút nữa đúng tám giờ mày gào lên cho chúng nó biết đã đến giờ... thôi bắn”.

Tám giờ đúng thẳng bé gân cổ lên gào. Tiếng súng có vẻ thưa dần. Vài phút sau tiếng súng im hẳn. Lại một điều tai tôi ù vì súng đạn của đôi bên, thế nhưng tôi nghe rất rõ tiếng gió sớm mang lại cái âm thanh vi vu của gió lùa qua những hàng dương thấp, cùng với tiếng rì rào của sóng biển vọng từ xa lại. Tôi dặn thằng nhỏ:

“Mày đưa thử một ngón tay lên coi, một ngón thôi. Nhớ là ngón trở của bàn tay phải, để lỡ có bề gì về được còn có hy vọng giải ngũ.”

Thằng nhỏ rụt rè đưa ngón tay lên. Vài phút sau thấy không có gì, cậu nhỏ nhô người đứng dậy. Tôi cũng nhô lên. Trước mắt tôi, chỉ cách một khoảng không đầy hai mươi thước, và ở trên cao hơn chừng ba thước, những người anh em bên kia đã đứng dậy hết. Họ có chừng hơn hai trăm người. Đứng lố nhố đen ngòm một khoảng cỡ vài ngọn đồi cát. Tôi phát tay cho lính đứng dậy hết. Tụi tôi còn được hơn hai chục mống.

Một tên lính của tôi đi thẳng tới chỗ địch, vài người bộ đội vây lấy nó. Tôi vội vàng cho lính hờm súng sẵn. Nhưng không, tên lính móc gói thuốc lá ra mời, những người mà mới năm phút trước đây còn bắn về phía tụi tôi sỏi xả. Tôi cũng tiến lên. Ta và địch ôm nhau. Không khóc nhưng nước mắt chảy lặng lẽ trên khuôn mặt của những người lính, cùng những người bộ đội. Tên bộ đội ôm lấy thân người tôi trông như một chú bé còn búng ra sữa, lớp lông măng màu hung hung chưa kịp nhú ra thành râu dưới cằm. Tôi nghĩ thầm, người này mười tám tuổi là cùng. Tên này chắc có máu khôi hài. Nó xoa đít tôi, miệng hỏi một cách khá đều:

“Cái đuôi anh giấu ở đâu?”.

Vừa tức, vừa buồn cười. Tôi cũng cười đều trả lời:

“Đuôi tao để ở đằng trước chứ không phải đằng sau.”

Mãi tới lúc đó tôi nhìn thấy một lá cờ treo trên cột cần thận, màu đỏ như sắc máu tươi vừa mới chảy ra khỏi thân thể. Ngôi sao vàng chói lọi như nhẩy múa trong bầu trời xám xịt. Tôi hỏi mấy tên lính trở lại để treo cờ. Tụi tôi moi ra những cái cờ to bằng... hai bàn tay ra cột vào những bụi dương thấp, mọc lòa xòa trên những ngọn đồi cát chập chùng. Tôi ngán ngẩm chẳng muốn treo lá cờ tôi mang trong người. Một tên có lẽ là chính trị viên của họ cười mỉm khi nói với tôi: “Cứ trông cảnh tượng này thì biết chính nghĩa đang thuộc về ai.”

Tôi dẫn lại kịp chữ không thì nó đã nhận một cái đê súng vào mặt. Mà nếu như tên này nhận một cái đê súng vào mặt, thì chắc chắn tôi sẽ lãnh nguyên một tràng AK vào người.

Quân hai bên ngồi xuống cát nói chuyện với nhau, mời nhau hút thuốc. Tôi vẫn trối giữ người bộ đội bị bắt tối qua vì chui lộn vào hầm của tụi tôi. Nói thiệt với bác lúc đó tôi như mơ, nhưng nhìn chung quanh thì rõ ràng là thật. Bộ đội đông hơn tụi tôi cả chục lần. Giờ này mà họ giờ què thì thật là tụi tôi đi... đái. Khoan nói tới chuyện nhân số họ đông gấp mười, chỉ nói về vũ khí giờ đó mà đánh nhau thì trong bọn tôi sẽ có vài người bắn súng... miệng.

Buổi chiều đầu tiên ngưng bắn, họ thổi cơm rồi mời tụi tôi ăn. Tụi tôi đâu còn cái gì để mà bánh, không một cái ba lô nào còn, tất cả đều cháy rụi. Lính ta ngồi xen kẽ với bộ đội, cơm ăn vào miệng tôi cũng chẳng biết ngon hay không? Cái cảm giác nó mơ hồ, lằng đằng và... kỳ cục.

Thần trí tôi lằng lằng suốt cả ngày, cho tới khi chiều xuống, nhìn ra khơi sao thấy lòng mình buồn buồn, trống trải. Chẳng phải vì tôi khát máu thích bắn giết gì. Ngẫm lại mấy năm vừa qua, bom đạn đã tha cho tôi, nhưng có biết bao nhiêu người bạn đã không còn hiện diện trên cõi đời này. Đừng nói đâu xa, sáng nay ở tuyến xuất phát có tám mươi anh em, đêm đầu tiên ngưng bắn quanh tôi chỉ còn có hai chục lẻ nằm lệt thòm trong một đơn vị của họ hơn hai trăm con người. Còn họ. Sáng nay trước giờ đụng độ họ có bao nhiêu người. Họ đã mất bao nhiêu người?

Đêm ập xuống, hai chục anh em tụi tôi co lại. Trăng đêm nay lấp ló trên trời. Cái màu trăng cũng úa vàng và bệnh hoạn. Gần nửa đêm ngưng bắn đầu tiên, đã có tiếng súng nổ từ phía một cánh quân bạn. Tụi tôi cũng ăn một quả không giật. Tôi còn biết làm gì hơn là cho lính phòng thủ chu vi, và nằm thao thức chập chờn cho đến sáng. Cảm giác của tôi ngay lúc đó khó có thể nói được. Nó lâng lâng như người say sóng chứ không hân hoan tui tui mừng mừng. Cả người tôi ngầy ngật như hâm hấp sốt. Thú thật với bác tôi cũng không chú trọng lắm tới vấn đề danh từ. Da beo cũng thế, mà tại chỗ cũng vậy. Có cái gì khác đâu nếu như ai ở đâu ở yên đó. Đừng có lán đất giành dân là được rồi.

Trong đêm ngưng bắn đầu tiên đó gió rít lên. Làm như là gió có vẻ không muốn ngưng chiến. Gió ở đâu mà nhiều đến thế. Hệt như những oan hồn uổng tử do bom đạn của cả hai bên, ở dưới âm ty hiện về than khóc cho hòa bình đến quá chậm. Gió luồn qua những triền núi từ phía Tây, len lỏi giữa những thung lũng, quét lên những ngọn đồi khiến cát bay mù mịt.

Tôi chập chờn nửa thức nửa ngủ. Sáng tinh mơ đã tinh dậy. Bên kia, một lá đại kỳ to bằng hai cái chiếu bay phàn phật trong gió. Lá cờ ngạo nghễ, mới tinh màu đỏ rực rỡ, với ngôi sao vàng chói lọi. Lá cờ được sửa soạn từ hồi nào, đã được tính toán đúng với thời điểm xuất hiện.

Không một đơn vị trưởng nào lại điên cho dựng một cái cột cờ nơi chốn hành quân. Như vậy trong đêm qua khi tôi nửa thức nửa ngủ thì người anh em bên kia hàng rào đã chơi chúng tôi một quả ra gì, qua sự xuất hiện của cái cột cờ lừng lững mọc lên giữa một ngọn đồi cát thấp.

Giữa tiếng gió làm lá cờ bay phàn phật, giữa cái u u, minh minh của đêm chưa tàn và ngày chưa rạng, màu đỏ của lá cờ làm cho tôi lạnh cả gáy, tỉnh cả người.

Tôi cuống cuống hô lính đi kiểm cờ. Cờ với lại chả quạt. Tôi nghĩ ngay lập tức cái trò ăn mảnh này thì tụi tôi yếu thấy rõ. Chơi bằng súng với đạn thế mà coi bộ dễ chịu. Cái trò cắm cờ này thì đào đâu ra cờ bây giờ. Nửa giờ đồng hồ sau tụi tôi moi được một cái cờ to bằng hai... bàn tay chéo. Một thằng lạc đà kiếm được một cái que. Thôi thì có còn hơn không. Cái cờ không nhìn đến thì thôi, nhìn đến thì chỉ muốn ra phơ cái cờ bằng hai cái chiếu kia ra làm trăm mảnh. Nó đỏ rực rỡ quật vào mặt mình từ tuốt đằng xa những cái tát trái muốn bật ngựa.

Sau này trở về chỗ đóng quân có tính cách lâu dài. Tôi vì tự ái cũng có, vì sĩ diện cũng có, tụi tôi cố kiếm cho được một cái cờ có kích thước sáu mét, một mét so với cái cờ cách đó không xa với kích thước là hai mét, ba mét. Khỏi phải nói thì bác cũng biết là tôi nghĩ gì. Đã thế gió Lào quét suốt ngày nên chỉ một tháng sau cờ của bọn tôi tua ra như những cái bao bố tời. Cờ của họ lúc nào cũng tươi rói, rực rỡ, ngạo nghễ bay trong nắng và gió.

Lính tráng của cả hai bên cắm cờ khắp nơi, từ trong rừng cây ra tới những cồn cát, từ những ngôi nhà bỏ hoang tới những túp lều ở tạm. Khỏi hài nhất là quanh vị trí đóng quân để cho khỏi phải thay cờ hoài hủ, mấy ông chiến tranh chính trị của ta đã lấy những tấm tôn cắt thành hình lá cờ bay, trên đó vẽ màu vàng với ba sọc đỏ. Cờ làm bằng tôn mà lại còn uốn hình gợn sóng ra dáng đang tung bay trong gió trông mới diệu làm sao. Qua vài cơn mưa, cùng với ít ngày nắng dữ là màu mè bay hết, trông thấy muốn cười cũng không cười nổi, bác ạ... Thật đúng là sáng kiến hết thuốc chữa của chiến tranh chính trị.

Trở lại với đêm ngưng bắn đầu tiên vừa tinh dậy. Một người bộ đội mang đến cho tôi một tối hậu thư, mà người gửi là Trung tá Phạm Văn Đính, nguyên Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 56, Sư Đoàn 3 Bộ Binh. Trung đoàn này đã đầu hàng địch vào đầu mùa hè 72. Tối hậu thư đó cho tôi biết là tôi phải rút khỏi nơi này, hay là trở về với "nhân dân", như ông ta đã làm trong năm 72. Nếu không tôi sẽ bị tấn công, kể cả tấn công bằng chiến xa.

Để hỗ trợ cho tối hậu thư này buổi trưa tôi nhìn thấy hai chiếc T-54 chạy loăng quăng gần chỗ tôi đóng quân. Cát bay mù trời, chiến xa chạy tới chạy lui như những con cua khổng lồ từ biển bò vào. Hai chiếc chiến xa đậu trên hai ngọn đồi cát thấp, cách chỗ tụi tôi không đầy một trăm thước. Tôi soát lại thấy tụi tôi còn có một ống M-72 duy nhất...

Giờ của tối hậu thư là 12 giờ đêm nay. Đêm thứ hai kể từ lúc ngưng chiến có hiệu lực. Tôi còn biết làm gì hơn là chờ. Và nên nhớ là chờ với một cái lệnh không được nổ súng. Đứa nào nổ súng là ra tòa án quân sự cấp kỳ. Trong bóng tối của đêm ngưng bắn đầu tiên, tôi trần trọc suy nghĩ. Từ vị trí một sĩ quan cấp thấp, tôi nhìn ngược lên trên trong hàng ngũ chỉ huy, tôi cảm

thấy tụi tôi có thể ra tòa thật sự chứ không nói dối. Bởi vì đã ngưng bắn rồi, ai cũng sợ trách nhiệm. Tôi như một con hổ đã bị lọt vào trong một hẻm núi, trước mắt là cái hồ sâu, sau lưng là những tên thợ săn reo hò tử tử, đèn đuốc thì sáng rực cả một góc rừng. Khoảng tám giờ tối hôm đó tụi tôi được lệnh rút. Mà dường như Cộng Sản cũng để cho tụi tôi rút một cách an toàn. Chứ nó đánh thật thì tụi tôi chỉ còn... củ cải và hai trái lựu đạn để chọi tụi nó mà thôi. Mang có mấy trăm viên đạn thì đã tổ cạ lảng trong suốt ba mươi giờ chiến đấu cật lực. Đã có lúc tụi tôi phải mượn súng... Tàu bắn Chết rồi. Không thể tiếp tế nổi trong hoàn cảnh và địa thế... da beo, da cọp, nửa dơi, nửa chuột này.

3-Tôi lại rút về sau sông Thạch Hãn, cách đó khoảng một cây số. Đêm lại nghe mấy thằng thợ hát nhà quê bốc thơm đời lính, nghe thối không chịu nổi. Mấy cái thằng nhà quê, thất học, lại không biết gì về đời lính, mà cứ ca tụng đời lính này sẽ chỉ làm cho người lính xa lạ hơn, nhảm nhí hơn, xấu xí hơn. Thế mới biết cái chiến tranh chính trị của chúng ta nó là một cái gì đó chẳng ra làm sao cả...

Tụi tôi đóng giữa những cồn cát, xa xa lơ thơ mấy cái lều tranh, mấy nóc nhà của dân tị nạn Cộng Sản chán trại tị nạn mò về dựng lều ở tạm. Cái hồi đó gió ở đâu mà nhiều thế. Gió Lào nóng như điên, gió Trường Sơn lại lạnh đến độ bác tha lỗi, nó teo cả cái đó lại. Ban đêm mỗi lần đi tiểu mò muốn chết mới thấy của nợ. Mà đúng là của nợ thật, hăm lăm hăm sáu tuổi đầu. Sinh lực thì đang ở vào cái lúc phương cương nhất, đêm đêm nằm xem những trái hỏa châu thỉnh thoảng vọt lên trời cao, nổ ra trong đêm tối soi sáng những ngọn đồi cát, những bụi cây rừng. Đẹp thì có đẹp nhưng mà buồn và chán không chịu nổi.

Đã thế lại còn điên tiết lên vì những bài ca tụng lính rẻ tiền của các cậu Hùng Cường, Nhật Trường, ủng oảng vang lên từ mấy cái radio nhỏ bằng bàn tay của mấy thằng em nằm gần. Có lần tôi ngứa mắt đá mẹ nó cái radio vắng đi. Mẹ kiếp đang nằm phơi súng mà cứ ra rả cái kiểu "...Anh ở đâu thì em đó..." hay "...Anh là lính đa tình..." thì thật đúng là giết người ta mà không cần bóp cò súng rồi còn gì nữa.

Vị trí đóng quân của hai bên cách nhau đâu có xa gì cho cam. Buổi chiều khói thổi cơm của cả hai bên trông thấy rõ mồn một. Cả hai bên cùng lấy nước ở một khúc sông, một dòng suối hay là một con lạch. Buổi chiều nhiều khi nghe trong gió tiếng bộ đội Cộng Sản đánh bóng chuyền reo hò vang cả một góc núi. Thế có lộn tiết không? Hai bên cách nhau có một cái hàng rào kẽm gai sơ sài, lính gác hai bên mặt đối mặt chỉ cách nhau chưa đầy ba thước.

Gọi là hàng rào cho nó oai, chứ thật ra nó mong manh giống như hồi nhỏ chơi trò chiến tranh, vẽ một đường phấn xuống đất là đã có địa giới cho cả hai bên bắn súng miệng rồi.

Cả hai bên án binh bất động trong vài ngày đầu. Tình cảnh như thế mà bảo tôi không vì phạm e rằng cũng khó, huống hồ là mấy thằng trời đánh. Những vì phạm ban đầu mới chỉ liên quan đến cờ với lại chà quạt. Bên này nhổ cờ của bên kia, bên kia nhổ cờ của bên này. Tổ qua, tổ lại mãi thì có ngày vì phạm bằng súng. Thôi thì có chơi có chịu.

Cứ nhì nhằng như thế cho tới năm 75, ngày quân ta mất Ban Mê Thuột. Tới đó thì bác đã biết những gì bác đã làm trong cơn mê. Phần tôi thì cơn mê ập tới lẹ đến nỗi bây giờ gần hai mươi năm qua đi, tôi vẫn còn tưởng như nó mới xảy ra không lâu...

...Cái tháng tư năm 75 đó nó đến một cách kỳ cục. Là một điều là trước khi có những cơn giông thì bầu trời làm như oi ả, im phẳng phắc. Trong chiến trận cũng vậy, trước khi bom đạn nổ ra tôi bời hoa lá thì những ngày cuối tháng hai cho tới đầu tháng ba 75 hầu như chỗ tôi đóng quân là một chỗ thanh bình. Đêm đêm nằm ở nơi gió cát địa đầu, tụi tôi lắng nghe tình hình chiến sự vùng hai qua mấy cái đài BBC, VOA thổ tả, khi gió. Đánh chác cái mẹ gì mà lạ thế này.

Đùng một cái tụi tôi được lệnh bỏ vị trí hành quân rút về phòng thủ Huế, rồi từ Huế lại di tản... chiến thuật về Thuận An. Ở Thuận An chính mắt tôi đã nhìn thấy những điều mà tôi không bao giờ quên được. Cái cảnh chen lấn để xuống tàu Hải Quân ở ngoài bãi biển(1). Đến bây giờ tôi vẫn còn uất vì cái khoảng thời gian ngắn ngủi này. Uất vì chẳng hề nghe các... đại bàng ra lệnh

đánh gì cả. Có được bắn phát nào đâu. Mà rồi cũng chẳng thấy... đại bàng với lại... mặt trời gì cả. Qua cái máy truyền tin lệnh của mấy đại ca chỉ là... rút, rút và rút. Điều này thì đến cả cái ruột của bọn tôi người ta cũng sắp... rút ra luôn. Nằm cứng ở bãi biển nhìn chiến xa của mình trong cơn hoảng loạn, chạy cán bừa lên lính của mình. Máu của bên ta do bên ta gây ra đổ ngẫu một vũng biển, nhiều xác người lênh bênh...

Bọn chúng đến vô tội tôi trọn gói ngay tại bờ biển. Tội tôi được áp tải ngược trở lại phía Bắc, giam giữ trong những doanh trại cũ của Cộng Sản, bỏ lại đằng sau trong khi truy kích quân ta. Ai thì tôi không biết, chứ riêng tôi thì Sài Gòn vẫn còn, miền Nam vẫn còn. Xui thì bị bắt, năm 73 đã từng trao đổi tù binh của hai miền. Ăn cơm nhà pha Việt Cộng một thời gian thử coi răng của mình có cứng không.

Ở tù ai mà chẳng buồn, nhưng rồi cũng chẳng sao, sẽ có ngày về làm lại. Trong thời gian này tội tôi được coi là tù binh, được chúng đối xử theo quy chế giam giữ tù binh, ăn uống đầy đủ bảy trăm gram gạo một ngày. Có một buổi tối một tên chính trị viên Cộng Sản tới nói chuyện với tù binh tội tôi. Trại này giam giữ những tù binh có cấp bậc từ trung úy tới trung tá. Tên chính trị viên này hỏi:

"Trong số các anh có ai đã từng tham gia một hoạt động nào có ích cho Cách Mạng?"

Bảy, tám cánh tay rụt rè đưa lên. Tên chính trị viên chỉ một người và hỏi đã làm gì thì được viên sĩ quan của mình trả lời ông ta là trung tá, coi Quân Tiếp Vụ đâu ở Huế hay là Đà Nẵng gì đó, ông chống lại ông Diệm. Tên chính trị viên này nói một cách mỉa mai:

"Như thế là các anh tranh ăn chứ không phải là hoạt động cho Cách Mạng".

Hắn chỉ một người thứ hai và hỏi đã làm gì, người này nói là đã đi theo bộ đội kêu gọi binh lính ra đầu hàng khi họ đánh chiếm Đà Nẵng, tên chính trị viên này trả lời là:

"Như thế là anh theo đuôi chứ không phải là Cách Mạng. "

Mấy cánh tay dơ lên rụt rè bây giờ lại rụt rè hạ xuống. Tôi được gọi lên làm việc, sau phần khai lý lịch tên chấp pháp hỏi tôi là đã tham gia bao nhiêu cuộc hành quân. Tôi trả lời là một. Hắn hỏi tiếp là đi lính lên tới Trung úy mà sao lại chỉ có một cuộc hành quân mà thôi. Tôi trả lời là tôi hành quân từ ngày mới ra trường cho tới bây giờ cuộc hành quân vẫn chưa chấm dứt. Hắn hỏi tiếp đã giết bao nhiêu quân Cách Mạng? Tôi trả lời có đếm đâu mà biết.

Thời gian đó tôi đinh ninh rằng miền Nam sẽ mãi mãi còn đó. Tôi bị bắt cùng binh sĩ. Thầy trò, anh em, trông xuống, quân nhân các đơn vị khác nhìn vào thì phải cổ mà giữ mình cho bảnh. Tuyệt không để cho Cộng Sản mỉa mai cái kiểu tranh ăn với lại theo đuôi. Nó nhớm nhếch, mất tư cách. Chẳng gì cũng là quan hai Thủy Quân Lục Chiến. Đây là lúc phải cho chúng thấy phẩm giá của mình, phong thái của mình. Kỳ dư mọi chuyện khác hậu xét. Tội tôi bị bắt đầu được một tháng. Ngày ngày chúng đánh đồn căn nã, mở máy phóng thanh nghe điếc cả tai. Tất nhiên là đài của chúng nó nên nhờ vậy mà tôi không tin quân ta lùi chi mà lẹ thế. Mới hôm trước Qui Nhơn là ai địa đầu, hôm sau bộ chúng có cánh hay sao mà bay qua khỏi Tuy Hòa, nhảy vô tới tận Nha Trang làm chủ. Ăn một cánh quân ở đèo Đại Lãnh thì chúng có mọc cánh cũng phải rụng đuôi mới có thể làm khó Nha Trang được. Lúc này mà tội chúng cho bọn tôi nghe đài BBC hay VOA chắc là sẽ có thêm khối người tự tử.

Ngày 30-4-75. Tôi đang ngồi lơ mơ nghĩ ngợi vớ vẩn về tình trạng rối mù của trận chiến. Cái loa quái ác ở ngoài đang thuật chuyện chiến trường, mà cứ y như là ký giả Huyền Vũ trực tiếp truyền thanh đá banh không bằng. Lúc này tôi hút thuốc lào đã nhuyển lấm. Tôi vẽ một điều thuốc cho vào nỏ. Tay kia cầm một cái đóm đã châm lửa. Đột nhiên trên loa phóng thanh nghe rõ mồn một tiếng Tổng Thống Dương văn Minh hạ lệnh cho quân đội thôi chiến đấu, chờ bàn giao đơn vị, doanh trại cho Cộng Sản.

Thế là đầu hàng rồi còn gì nữa. Còn đâu là Sài Gòn, niềm hy vọng cuối cùng của tất cả chúng tôi. Chúng tôi mới bị bắt chỉ trong vòng một tháng, thế mà đã ra nông nỗi này. Cái điều cay tuột ra khỏi tay rơi xuống đất mà tôi không hay, lửa trên cái đóm cháy tới tận ngón tay mới biết.

Nước mắt tôi ràn rụa. Tôi bỏ vào nằm vật trên giường, chìm đắm trong một nỗi tuyệt vọng vô bờ. Việc ở tù thì bác cứ đọc cả chục quyển hồi ký của những sĩ quan đi học tập cải tạo là đủ biết. Tôi chỉ muốn nói thêm một việc đó là những người làm ăng ten trong tù. Tất nhiên là phải

có. Nhưng có một lần... Tôi phải chuyển phòng, cái tên nằm giường bên cạnh đeo tôi như bóng với hình. Một đêm kia tôi tỉnh dậy đi đái, tên đó cũng theo tôi đi đái. Trong lúc cả hai đang... vậy, nó nói với tôi nhẹ như hơi thở:

“Anh Huy ơi, có làm bất cứ cái gì cho em làm theo, kể cả trốn trại. Tụi nó muốn em theo dõi anh. Anh phải cẩn thận.”

Việc đó cho tôi biết có những người cam tâm làm ăng ten để được về sớm. Cái vụ về sớm do làm ăng ten này tôi cũng nghi lắm. Đã có thằng hèn muốn làm ăng ten tình nguyện như thế, thì tội gì mà cho về sớm. Cho nó hưởng một chút ơn mưa móc để mà dùng bề lâu, bề dài có khi còn tốt hơn là phải tuyển một thằng khác. Và lại cũng cần phải cho tù cắn thù, nghi ngờ lẫn nhau thì cai tù dễ nắm tình trạng trong tù hơn.

Tuy vậy cũng có những người bị bắt làm ăng ten như cái anh chàng đứng đái với tôi chẳng hạn. Khó có thể từ chối khi mạng mình ở trong tay người, nhưng tôi nghĩ có thiếu gì người nhận mà không làm. Tất cả do bản chất con người hèn hay không hèn mà ra. Cũng phải nói thêm là còn do biết dùng hay không biết dùng cái đầu... Trong những quyển hồi ký sau này tôi đọc được ở đây, có nhiều quyển... tức cười lắm. Nhưng tôi nghĩ chẳng nên làm mất hòa khí... ..Nhu bác đã biết năm 1954 tôi vào Nam với mẹ. Cha ở lại ngoài Bắc, ông có tham gia Nhân Văn Giai Phẩm nhưng không phải là một tên tuổi lớn mà cũng đã nhòe cả người ra. Năm 80, tôi nhận được giấy tha. Cũng trong thời gian này bố tôi là một cán bộ hoạt động trong ngành văn hóa. Ông được đi công tác Quảng Trị, nên nhân đó mà đi thẳng tới Huế đón gặp tôi.

Ngày xa đất Bắc tôi mới có sáu bảy tuổi gì đó, chưa gặp mặt cha. Cha con xa nhau gần ba mươi năm mới gặp lại lần đầu. Tôi từ nhà giam ở Bình Điền mò ra, năm năm trong cầm nín, năm năm trong u hoài. Gần ba mươi năm... cha và con, cha và con. Tôi gặp lại bố tôi ở Huế, hai cha con đi ăn chè tại một quán chè bên bờ sông Hương. Con sông này mấy năm nay hình như con nước trôi cũng... chậm chạp, lững lờ hơn trước.

Hai bố con đang ăn. Ông cụ buông thìa nhìn tôi hỏi:

“Chắc là mày ghét Việt Cộng lắm hay sao mà đi cái thứ lính ác ôn thế này?”

Tôi trả lời ngay lập tức:

“Ghét thì không ghét gì, nhưng mà bắn được thằng nào đỡ thằng ấy”.

Ông bố tôi trầm ngâm một chút rồi hỏi:

“Như vậy là mày bắn cả bố mày à?”

Tôi cũng trả lời ngay lập tức:

“Bắn chứ, ở ngoài mặt trận thì phải bắn để mà sống chứ, với lại có biết ai là bố đâu?”

Đó là lần duy nhất hai bố con gặp gỡ nói chuyện. Tính ra từ năm 54, tôi theo mẹ vào Nam cho tới khi xuống ghe vượt biên hai bố con nói được có vài câu lại chẳng ra làm sao cả... Tôi không phải không muốn dịu dàng với người đã sinh ra tôi. Bố tôi thì như bác đã biết, đã tham gia Nhân Văn Giai Phẩm thì chắc cũng chẳng ưa gì Cộng Sản. Nhưng cái hoàn cảnh gặp nhau nó kỳ cục quá. Chính tôi đã không được sửa soạn tâm lý, lại cộng với những năm tháng trong tù bề gì cũng đã ảnh hưởng tới phản ứng sốc nổi của tôi. Những dòng chữ muộn màng do bác ghi lại tại đây, ông bố tôi cũng sẽ không bao giờ được đọc. Thôi, hãy đẩy nó lại, viết ra chẳng giúp được ai mà chỉ làm cho tôi vỡ ra thêm một lần nữa...

4- Năm 84 hai anh em chúng tôi gặp lại sau hơn mười năm xa cách.

Lúc này Huy đã có vợ con, đã đem được vợ con sang Mỹ sau một chuyến vượt biên đầy bất trắc. Chúng tôi ở chung với nhau trong một khoảng thời gian khá dài. Trong khoảng thời gian này tôi nhìn người em mà không phải là... em với thật nhiều đau sót.

Thoạt kỳ thủy Huy làm sơn sửa xe bị đụng với một người bạn nhà binh cũ. Mặt mũi lúc nào cũng đầy bụi sơn. Có một lần khi tôi đến thăm tại chỗ làm việc tôi thấy Huy đang chui ở gầm xe. Tất nhiên đi làm lao động ở xứ người thì ai cũng như ai, nhưng tôi vẫn cảm thấy ở Huy có cái gì bực bội. Vài tháng sau Huy đi sửa chữa tủ lạnh với người bạn học thời thơ ấu. Lại mình trần

trùng trục, trời nắng chang chang đi khênh những cái tủ lạnh cũ. Làm thợ vận nào có khó gì ngoại trừ cái sức đủ để hai người khênh một cái tủ lạnh từ trong nhà ra tới xe truck. Vài tháng sau Huy bỏ việc tủ lạnh. Lần này anh mặc đồ đẹp đi làm văn phòng phụ tá pháp lý. Kỳ này chung, cả hai cùng làm chủ... Cha chả, làm chủ coi bộ vậy mà khó. Cái nghề phụ tá pháp lý này lúc nào cũng đòi hỏi người ta ngọt như mía lùi, mà ông em tôi thì mặt lúc nào cũng lừ đừ như ông Từ giữ đèn. Cọ sát với nghề vài tháng nữa Huy lại bỏ. Người bạn cùng làm chủ với Huy và cũng là người bạn đồng thuyền, do Huy tổ chức khi vượt biên kiên nhẫn theo nghề phụ tá pháp lý. Bây giờ anh ta có gia tài nghe đâu cũng cả triệu đô la kể cả nhà cửa, xe cộ, nhẵn hột soàn... Nghe đâu bây giờ anh ta bắt đầu mon men đi làm... chính trị. Ở ngoại quốc này chúng ta làm chính trị dễ, yêu nước cũng dễ, làm văn chương cũng dễ. Lấy nhau cũng dễ, bỏ nhau cũng dễ. Làm thương mại cũng dễ, khai phá sản cũng dễ. Nói tóm lại ở đây cái gì cũng dễ, chỉ trừ có một tấm lòng chân thật là hơi... khó chút xíu. Có một dạo Huy hay tụ họp với những người bạn nhà binh cũ. Người ta có thể đuổi Huy ra khỏi Quân Đội, đạo quân mà Huy đã giữ vai trò những người tiền đạo rồi cũng tan biến đi. Nhưng không bao giờ người ta có thể lấy lại cái chất Quân Đội ra khỏi con người Huy. Anh như bị ám ảnh bởi lá cờ.

Lá cờ đã phủ vào mặt biết bao nhiêu bằng hữu. Dạo ở tù, có nhiều tên quân giáo lấy cờ của Miền Nam may quần đùi. Đã có nhiều sĩ quan trẻ phản đối và bày tỏ lòng bất phục, cho dù có bị hành hạ, biệt giam. Những phản ứng này đã làm cho những tên quân giáo phải thôi không dám khinh khi những người thất thế. Lá cờ như một ám ảnh không bao giờ nguôi trong lòng Huy. Dần dần tôi biết ông em tôi đang vận động xây một cái cột cờ trong khu buôn bán. Cột cờ xây xong, mời mấy ông...tướng tới dự lễ khánh thành, thì được mấy ông Quảng Lạc này cho biết hể có ông A thì không có ông B. Chính những ông tướng A, B, C này là những người nhờ cái cờ này mà đã mang lại biết bao nhiêu lợi nhuận nơi quê nhà. Bây giờ sang đây lá cờ đã không còn cung ứng được chút nào tiền bạc cũng như địa vị thì các vị đó lẩn.

Tôi rất muốn nói với Huy một điều là hãy để lá cờ đó nằm yên trong tâm khảm. Nếu nó linh thiêng thì nó đã khắc trong trái tim ta, không cần phải vẽ lên áo dài, vẽ lên cà vạt. Cũng không phải cần vẽ lên trán đi biểu tình như một trò hề rẻ tiền nào đó. Dựng một cái cột cờ thì dù muốn hay không, cũng có vài anh hoạt đầu thò mặt vào ăn có. Những người thiện chí thật dần dần bỏ đi.

Bây giờ ở đâu người ta cũng thấy vo ve những lời nói rỗng tuếch, những khẩu hiệu đã cũ như một món đồ chơi bị vất trong các kẹt tủ. Lịch sử cũng như thời gian không bao giờ đứng lại. Chỉ có những con người đứng lại bám chặt vào một cái cọc của lịch sử, ôm riết lấy một cái mốc thời gian. Những con người đó giống như lớp rêu xanh mướt, nhờn nhờn và bần. Những lớp rêu này chỉ làm mục cái mốc thời gian hay cái cọc của lịch sử không hơn kém. Những con người bám chặt vào quá khứ này lúc nào cũng hò hét. Lạ một điều họ không bao giờ biết là chính họ đang bị thời gian cũng như lịch sử đào thải.

Hôm khánh thành, có làm lễ rước quốc kỳ và quân kỳ. Ông em tôi quần áo nhà binh bảnh chọe, trông cứ như...lính thật. Đến khi thượng kỳ Huy thấy là cờ trong tâm khảm của Huy nhỏ, treo ngang với lá cờ của tiểu bang. Trên cao hơn một chút là lá cờ Mỹ to và ngạo nghễ bay trong gió. Từ đó tôi không thấy Huy nói gì về những ngày thứ hai có làm lễ thượng kỳ, hát quốc ca. Những người có lòng thật lại từ từ lẩn vì...ngượng. Cái dòng xe hơi dài bất tận đã át đi những lời ca trong nhịp sống vội vàng.

Tôi rất nhiều lần muốn nói với Huy, là lịch sử không bao giờ đứng yên. Trên đà đi tới của lịch sử rất có thể một lá cờ khác sẽ xuất hiện. Lá cờ mới này sẽ thay thế tất cả những lá cờ đã cũ. Nhưng với Huy tôi hiểu được một điều cho dù sẽ có thể có một lá cờ mới, đủ sức quy tụ mọi thành phần dân chúng từ Nam ra Bắc thì trong tận đáy lòng Huy, vẫn sống mãi lá cờ đã phủ lên mặt rất nhiều đồng đội.

5-Những năm gần đây ông em tôi chơi... bạo. Ông đi làm báo, viết văn. Quyển “Tháng Ba Gãy Súng” không phải là một kiệt tác văn chương, nhưng là một kiệt tác của lòng thẳng thắn, và sự chân thật. Huy viết về những năm tháng sau cùng trong cuộc đời quân ngũ của Huy. Huy viết về cái xấu và tốt của chính Huy một cách thẳng thắn, không rào đón, không phóng đại. Huy không bao giờ tự nhận là đang làm văn chương. Nhận hay không nhận thì cái đó thật ra cũng chỉ có giá trị tương đối. Nếu nghĩ rằng văn chương chính là đời sống được thể hiện trên giấy, thì Huy đang sống lại một lần nữa đoạn đường chiến binh anh đã trải qua trong suốt tuổi thanh xuân của anh.

Trí nhớ của anh về những phút vinh quang thì ít. Bởi vì đời của một người lính thật sự, một người lính đã tan nhà, vỡ nước thì làm gì có được nhiều phút vinh quang. Có điều những nhục nhằn thì dường như lúc nào cũng đeo đuổi, ám ảnh Huy, y hệt như lá cờ to bằng...hai bàn tay chéo. Những nhục nhằn này đã chiếm hầu hết toàn bộ đời sống Huy khi còn ở quê nhà. Sau “Tháng Ba Gãy Súng” anh đang chép lại một hồi ký khác, vẽ lại một đoạn đời khác: Đó là toàn bộ trận đánh Cửa Việt, mà một phần thật nhỏ hình ảnh đã được dùng để viết nên những giòng chữ này. Sẽ là một toàn cảnh của trận đánh với sự đóng góp của những nhân chứng hiện còn sống và đang có mặt rải rác nơi đây.

Cầu mong Huy sớm hoàn thành tác phẩm thứ hai này. Chúng tôi giao tình với nhau đã ba mươi năm có lẻ. Trước kia Huy gọi tôi là anh, bây giờ vẫn vậy. Nhưng tôi hiểu tôi thật không xứng với chữ anh này.

California, tháng Bảy 1993
Hoàng Khởi Phong

[Trích Cây Tùng Trước Bão, Nxb Thời Văn 2001]

* Trích hồi ký “Tháng Ba Gãy Súng” của Cao Xuân Huy, do nhà xuất bản Văn Khoa phát hành vào năm 1986.

Ghi chú thêm về Cao Xuân Huy trong đời sống hiện tại, 1993

Từ khi chúng tôi gặp lại nhau nơi đất khách quê người, tôi và Cao Xuân Huy gặp nhau thường xuyên, vì chúng tôi là anh em họ... Hồng Bàng. Có một thời gian chúng tôi chung sống với nhau dưới một mái nhà trong thị xã Garden Grove. Thời gian này ngoài vợ chồng Cao Xuân Huy, còn có bố con Nguyễn Mộng Giác. Năm 1985, tờ Văn Học được hình thành từ căn bếp của ngôi nhà này. Và cũng tại căn nhà này Cao Xuân Huy hoàn tất những trang bản thảo đầu tiên của cuốn “Tháng Ba Gãy Súng”, với sự khích lệ của Nguyễn Mộng Giác và tôi. Có một thời gian dài bằng hữu tự khắp nơi về chơi, và ngôi nhà này hết như một trại tị nạn.

Ngày chúng tôi ở chung với nhau, hai cháu gái con Huy đũa lớn còn đang học Tiểu Học, đứa nhỏ mới tập nói bi bô, giờ đây cả hai đã là những thiếu nữ đầy tương lai. Cháu lớn đã hoàn tất 4 năm dự bị y khoa, và cháu nhỏ thì đã sắp xong Trung Học. Thu nhập chính của gia đình có được, do sự cần cù nhẫn nại của Minh, vợ Huy đảm trách. Phần Huy, anh đi làm buổi đực, buổi cái, bữa có, bữa không. Cái gì Huy cũng làm, cái gì cũng không làm, thành thử gia đình Huy sống một đời sống không dư giả, nhưng không khí gia đình lúc nào cũng đầm ấm, yên vui. Có một thời gian Huy làm kỹ thuật cho báo Người Việt. Mỗi ngày tôi và Huy thấy nhau một lần, thế nhưng có khi cả tuần không có chuyện để nói. Tôi biết tự đáy lòng Huy vẫn là một người lính đúng nghĩa. Anh sống với quá khứ nhiều hơn hiện tại. Bất kỳ ai trước kia đội nón xanh của TQLC cũng là bạn của Huy. Chính vì quảng giao như thế, anh viết rất chậm, bởi vì những người lính cũ gặp lại nhau, có bao giờ thiếu những cử nhậu long trời lở đất. Đã có lần anh bị phạt cấm lái xe trong vòng 6 tháng, cùng với 1,800 đô la về tội lái xe với một lượng rượu khá cao trong người. Anh viết càng chậm hơn nữa vì anh viết rất kỹ, mỗi truyện ngắn sửa đi sửa lại năm lần, bảy lượt.

Anh đang chúm mũi vào một cuốn tự truyện, mà tôi tin rằng sẽ tạo được một chấn động mạnh hơn “Tháng Ba Gãy Súng”, bởi vì trong cuốn tự truyện này người đọc sẽ được nhìn thấy Cao

Xuân Huy, trong hai tư cách nhà văn và người lính. Cuốn tự truyện khởi đi từ một “lý lịch trích ngang”, của một người lính thất thế bị cầm tù. Để từ đó bước trở thành một nhà văn lưu vong, trong một cộng đồng tị nạn mà mọi điều đều có thể làm giả, kể cả nhà văn. Tôi tin chắc cuốn sách sẽ mang đến cho người đọc nhiều sự thật, về những “hiện tượng” văn học hải ngoại trong thời gian xáo trộn gần đây. Phải chi tôi là “anh thật” của Huy, tôi sẽ lạm dụng vị trí của tôi, để thúc Huy viết cho xong cuốn tự truyện của anh. Nếu cuốn sách đó chưa hoàn tất, Huy khó có thể bình tâm làm bất cứ một công việc gì.

Tôi và Huy biết nhau từ ngày Huy còn học Trung Học. Thoắt một cái hơn ba chục năm đã qua đi, cả hai chúng tôi đã bước qua tuổi “tri thiên mệnh”. Quãng đời còn lại của chúng tôi không còn dài, tôi tin rằng Huy đã trải qua một cuộc đời nhiều sóng to, gió lớn, giờ đây con cái đã lớn, anh sẽ tìm được sự bình an trong tâm hồn, để hoàn tất những gì anh còn đang bỏ dở.

Phụ đính:

Cao Xuân Huy giới thiệu sách “Vài mẫu chuyện”



WESTMINSTER - Cuối tuần qua, ngày 10-7-2010 nhà văn quân đội Cao Xuân Huy đã giới thiệu tác phẩm thứ hai của ông, cuốn “Vài Mẫu Chuyện” tại hội trường nhật báo Việt Herald, sau tác phẩm thứ nhất “Tháng Ba Gãy Súng” đã ra mắt trước đây.

Như lời giới thiệu của nhà báo Trần Như Hùng, Trưởng Ban Việt Ngữ đài SBS tại Úc, thì Cao

Xuân Huy không nhận mình là nhà văn, chỉ nhận là một người tình cờ cầm bút, vì đưa đầy cuộc đời mà bước vào chốn văn chương; như ngày xưa khi thời cuộc, vận mệnh của cả nước, của mọi người, của bạn bè và của chính mình, đã đẩy anh vào đời lính. Tuy không nhận mình là nhà văn, nhưng đọc hết “Vài Mẫu Chuyện” do Cao Xuân Huy viết, và qua những chức vụ anh đã đảm nhiệm: Tổng Thư Ký rồi Chủ biên tạp chí Văn Học từ 1989-2009, người đọc không thể không công nhận ông là một nhà văn đúng nghĩa, một người lính viết văn, phơi bày những chuyện thật của đời lính, mà chắc nhiều độc giả lính khi đọc, đã thấy như Cao Xuân Huy đang nói về chính mình như một đoạn trong bài “Chờ Tôi Vời”, tả lại cảnh giờ ngưng chiến 28-1-1973 theo hiệp định Paris:

“... Tâm nhìn Toàn: ‘Đù má ông thầy. Ngưng bắn rồi mà sao tui chết hả ông thầy? Ông rán sống nghe ông thầy!’”. Nói dứt câu, người Tâm giật mạnh rồi mềm xuống. (trang 74).

Tuy quân đội hai miền Nam-Bắc vẫn coi nhau là kẻ thù, mới vài phút trước giờ ngưng bắn còn choảng nhau bằng lựu đạn và các loại súng khác nhau, mới vài phút trước giờ hai bên ngưng tiếng súng, Toàn đã mất Tâm, thằng bạn vốn gọi mình bằng hai chữ thân yêu “ông thầy”. Mới vừa choảng nhau trí mạng, nhưng sau khi hai bên đã hoàn toàn ngưng giết nhau: “Lính hai bên ùa lên phía trước, ôm nhau hò hét: Hết đánh nhau rồi! Hết chiến tranh rồi!

Những bộ quân phục rần rần miền Nam trộn lẫn những bộ quân phục cứng ngựa miền Bắc. Có không khóc, nhưng nước mắt Toàn cứ ứa ra, không kèm được. Nhưng việc gì phải kèm chứ! Toàn mặc cho nước mắt trào ra.

Có tiếng ghen ngào bên cạnh: “Anh khóc đấy à?”.

Toàn quay qua, một người bộ đội nước mắt cũng đang nhòe nhoẹt. Chẳng nói chẳng rằng, cả hai ôm chầm lấy nhau...” (trang 76).

Và còn những mẫu chuyện khác rất thật, khiến người đọc cười ra nước mắt như “Ngu Như Lợn” hay “Vài Bao Cát” (trang 53-60):

“... Toàn vẫn dùng răng ngậm cái cán đèn để rảnh tay cởi quần áo cô gái. Cố gắng dùng thật ít ngón tay để cởi cúc áo, mấy ngón tay còn lại Toàn cố tình vi phạm hiệp định, lấn đất giành... da!... Toàn vừa banh áo cô gái ra, vừa lăm bắm một mình: ‘Cha mẹ ơi, gái quê, suốt ngày ngoài nắng mà sao da thịt trắng đến thế này!’.

‘Ông đang ‘khẩn tiên sư’ gì đấy?’.

‘Con khô mực này đâu có banh ra được, phải cởi ra chứ?’...”

“Vài Mẫu Chuyện” gói gọn trong cuốn sách chỉ dày có 125 trang, nhưng là 125 trang người đọc không thể bỏ qua một trang nào, vì nó rất thật, thật đến nỗi như lời người giới thiệu trong buổi ra mắt: “Nhiều người lính khuyên Cao Xuân Huy đừng viết thật quá như vậy, kéo bị hiểu lầm là đề cao phía bên kia”. Nhưng có đọc “Vài Mẫu Chuyện”, người đọc sẽ thấy Cao Xuân Huy không có ý như thế, anh chỉ nêu lên một phần nào đó “tính đời thường và nhân bản” của con người Việt Nam, dù sống ở hai miền Nam – Bắc, hai thể chế chính trị khác nhau.

Trong buổi ra mắt “Vài Mẫu Chuyện”, trước mặt khá đông các nhân sĩ, trí thức, nhà văn, nhà giáo, mọi người nhớ nhất câu Cao Xuân Huy nói, khi được nhà báo MC Trần Như Hùng mời lên phát biểu. Cao Xuân Huy chỉ nói vồn vện như sau: “Đây không phải buổi ra mắt sách, mà chỉ là giới thiệu cuốn sách của tôi mới ra”. Rồi anh cúi chào mọi người và đi xuống.

Nhiều người trong giới nhà văn, nhà báo lên phát biểu đòi điều về Cao Xuân Huy, như các ông Đoàn Trọng Cáo, Tô Văn Cấp, Phạm Đình Cung, Phan Nhật Nam, Trịnh Y Thư, v.v., tất cả đều là những người hiểu và biết nhiều về Cao Xuân Huy, ca ngợi anh là một người lính sống thực với chính mình. Nhưng có lẽ, không ai nói lên đầy đủ về con người Cao Xuân Huy hơn người bạn đã từng vào sinh ra tử với anh, nhà báo Trần Như Hùng:

“... Cao Xuân Huy viết không để lập ngôn, tán tụng người và tự tăng bốc mình như bao người đã viết đầy dẫy quanh ta. Cao Xuân Huy chỉ làm công việc của người kể chuyện. Anh kể chuyện của chính mình và của bạn bè (bạn lính, bạn tù), chuyện của những con người rất bình thường (nhưng không tầm thường). Đó là chuyện rất bình thường về người lính miền Nam. Sau ngày sa cơ, chịu đựng biết bao đắng cay, nghiệt ngã của kiếp bại trận, bị đói, khát, bệnh tật và lao động khổ sai hành hạ, nhưng anh vẫn không để ý chí bị khuất phục và chấp nhận, dù có phải trả bằng mọi giá, vẫn cố giữ cho được giá trị của một con người.

Những mẫu chuyện của Cao Xuân Huy kể lại về kiếp nhân sinh, của riêng một người và cũng là của chung nhiều người, rất phổ quát và cũng rất riêng tư. Kể chuyện mình, Cao Xuân Huy dùng ngòi bút như lưỡi dao mổ bén ngọt, xẻ tung vết thương lòng, tách rời từng lớp, từng sớ dẫn vật, nằm sâu trong óc, trong tim, phơi bày trần trụi cái phần bản lai của mình cho người khác nhìn tận mắt.

Người đọc nhìn vào nỗi niềm riêng của anh, như đứng trước tấm gương bị buộc phải đối diện với cái phần thật, nấp kín trong tiềm thức mình.

Có người trách Cao Xuân Huy sao lại lạnh lùng tạt gáo nước lạnh đánh thức, buộc họ phải rời bỏ cái tổ kén đã vun quén để tự huỷ hoại mình. Nhưng nhiều người lại cảm ơn anh, đã giúp họ có đủ can đảm tự nhắc nhở chính mình lăm điều cố chôn chặt trong ký ức, để từ đó tìm lại được niềm tin nơi con người...”.

Buổi giới thiệu “Vài Mẩu Chuyện” của Cao Xuân Huy đã mang đến cho những người có mặt niềm vui và nụ cười thỏa mãn, không uổng phí thời gian, dù cuối tuần có quá nhiều bận rộn. Ra về, hầu hết trên tay mọi người đều có “Vài Mẩu Chuyện” của Cao Xuân Huy.

Nhà văn quân đội này đang cư ngụ tại 22902 Briarcroft, Lake Forest, CA 92630,

**Cao Xuân Huy, vài mẩu chuyện,
từ cái nhìn của một người vợ lính
Ấu Tím**

Cùng tên Cao Xuân Huy, nhưng không là giáo sư triết học Phương Đông sinh năm 1900 – mất năm 1983, anh là Cao Xuân Huy của *Tháng Ba Gãy Súng* và *Vài Mẩu Chuyện*.

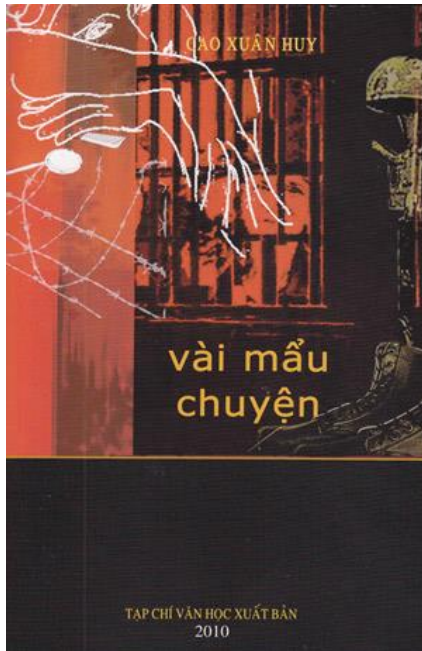
Nhiều người đã đọc *Tháng Ba Gãy Súng*, tất cả các anh đã từng khoác màu áo rằn ri, tất cả các anh đã từng được gọi “lính bốn chữ” đã từng so hàng trong binh chủng Thủy Quân Lục Chiến đều đọc *Tháng Ba Gãy Súng* – nhắc đến tháng ba gãy súng là biết ngay nhớ ngay đến trận triệt thoái cuối cùng, nghĩ ngay đến lần rút quân từ quân khu I buồn thảm và nghĩ ngay đến người kể lại giúp mình: trung úy đại đội phó, tiểu đoàn 4 Kinh Ngự, Thủy Quân Lục Chiến Cao Xuân Huy.

Dáng người dong dỏng cao, đôi kính lúp lánh trên sóng mũi thẳng, nụ cười thân thiện trên môi, “*tứ hải giai huynh đệ*” gặp Cao Xuân Huy là gặp một nhóm đồng người, những câu chữ thề ròn rã, pha tiếng cười hề hã sau tiếng khà nuốt ực ly VSOP.

Viết về nhà *kể chuyện* Cao Xuân Huy đã có nhiều người viết, các anh cùng thời gãy súng, các anh cùng bạc màu áo trận, cùng lặn đạn quan trường, cùng con đường đất mòn vác nửa tre, chịu cảnh đầy ải biến con người trở về thời hoang dã, bằng cách dùng miếng ăn làm mỗi nhử, dùng chút ớn mưa móc câu vài linh hồn yếu đuối, để hã hề cười cợt tư cách tù nhân. Trong khối đồng nếu tất cả đều giống nhau bằng nhau thì chẳng có mẩu chuyện nào để kể!

“*Tháng ba năm bảy lăm, tó đã chết rồi, bây giờ là bonus, dzô!*”

Tiếng “dzô” pha giọng Nam hay hay như câu đệm tiếng đ. m. mở đầu trước khi kể chuyện, câu đệm không thể thiếu trên bàn nhậu của các anh Thủy Quân Lục Chiến. Nhiều phụ nữ e dè dị ứng khi nghe câu đệm này, nhưng với tôi, không có nó các câu chuyện kể của các anh sẽ thiếu đi phần sự thật. Đắng cay ngọt ngào, trần trụi duyên dáng gặp nhau ở hai chữ đ.m này, nhất là qua giọng nói Bắc Ninh pha tiếng Sài Gòn của Cao Xuân Huy.



vài mẫu chuyện, quyển sách 125 trang được anh trình bày nhẹ nhàng bằng khổ chữ 12, nền giấy trắng để bạn bè dễ đọc, bạn bè bây giờ mắt chẳng tinh tường gì mấy, nhất là chính tác giả than mãi đôi mắt *làm eo* không cho phép dùng máy vi tính lâu để viết khi có người thắc mắc: “Lâu quá không thấy anh viết!”.

Tháng 7 – 2010 anh ra mắt *vài mẫu chuyện*, không viết hoa các chữ đầu tựa sách, không viết hoa tên tác giả, hình thức này có ngụ ý “chẳng có gì lớn lao – chẳng có gì để àm ỉ” của Cao Xuân Huy.

Bìa sách Doãn Quốc Vinh trình bày bằng gam màu tối – đỏ đen, khoảng đen dày đặc chiếm nửa trang, song sắt – nón sắt giầy saut súng cấm đầu chết chóc – làn khói mỏng góc trang trái là Em gục đầu trên hàng kềm gai, hai cánh tay xếp dài ngón ngọc, lá thư tình hay lá thư vĩnh biệt xếp hờ hững kê bên, một trang bìa xinh xắn, cầm lên muốn ngấu nghiến xem, chữ thủ thi gì trong ấy .

Bìa sau ngắn gọn về tác giả, vệt màu nâu vài nét sướt kềm gai, xuyên qua 1947 ra đời tại Bắc Ninh- 1954 di cư vào Nam – 1968 đi lính- 1975 đi tù – 1979 ra tù – 1982 đi vượt biên – 1983 đi Mỹ - 1985 in *Tháng Ba Gãy Súng* – 1989 Tổng Thư Ký tạp chí Văn Học – 1992 hết Tổng Thư Ký tạp chí Văn Học – 1994 lại Tổng Thư Ký tạp chí Văn Học – 1995 lại hết Tổng Thư Ký tạp chí Văn Học – 2005 Chủ Biên tạp chí Văn Học – 2009 hết Chủ Biên tạp chí Văn Học.

Những mốc thời gian Cao Xuân Huy ghi về mình, cũng là những mốc thời gian của bao người khác, chỉ có chút khác biệt là Cao Xuân Huy cầm bút, Cao Xuân Huy vướng bận thêm nghiệp văn chương chữ nghĩa. Anh tự trách mình không bằng Mai Thảo tạp chí Văn, khi Mai Thảo chẳng cần sự trợ giúp của máy vi tính, cần trọng viết tay từng địa chỉ độc giả để gửi mỗi tháng, phần anh có thêm máy vi tính phụ giúp mà khi là chủ biên tạp chí Văn Học, chẳng hiểu sao tạp chí Văn Học đứng đờ đờ đình, khi vui vài tháng một – khi buồn dăm tháng chẳng thấy tăm hơi.

1985 in *Tháng Ba Gãy Súng*, 2010 in *Vài Mẫu Chuyện*, hai mươi lăm năm chờ đọc Cao Xuân Huy, người thích lối kể lể từ tốn bên bàn nhậu của anh bỗng sững sờ khi bị cuốn theo mạch văn cuộn cuộn có vẻ như người kể sợ rằng, nếu ngừng lại sẽ không thể kể tiếp viết tiếp được nữa.

Kèm giữ dồn nén muốn quên những điều không thể quên, là nỗi ám ảnh nỗi đau ngấm ngấm, chỉ có một cách là lấy nó ra, khươi nó lên để giải thoát ân tình nhân nghĩa, giải thoát những điều riêng tư không phải ai cũng có thể biết có thể thấy. Đây là lý do khiến Cao Xuân Huy kể ra một lần cho hết chẳng? Anh giải thoát không chỉ cho riêng anh mà cho một khối rất đông những người đã cùng thời lặn lội.

Những dòng chữ rất nhỏ trên góc trang phía trái, nhỏ nhẹ:

tặng vợ “chị hai” mình và hai con

chúc dung & xuân dung

cám ơn các bằng hữu

Có thể các ông không thích bày tỏ tình cảm ra cho nhân loại thấy, chẳng tò mò đọc chi những dòng chữ be bé ấy, nhưng phụ nữ lặng người trên mình đọc nó đôi lần, để biết các ông đã từng đi lính thứ dữ, từng vào sinh ra tử, từng quát ra lửa khói, từng thấy lưỡi hái tử thần, thấy cả thánh Phê-rô giữ cửa thiên đàng cũng có một góc dịu êm, một khoảnh cỏ mượt xanh tình nghĩa vợ chồng. Gọi vợ là “chị hai” âu yếm sáu mươi phần, bốn mươi phần là sự thật. Lia mẹ đi lính – gãy nghiệp lính đi tù – thoát tù vượt biên – con cái tạo ra một tay “chị hai” lo, đời “trượng phu” ngạo nghễ nằm gai nếm mật đâu không biết, dưới mái ấm gia đình, “chị hai” lo cho từng ngụm nước miếng ăn, vỗ về an ủi khi thất thế, nâng đỡ chờ che khi trái gió đổi thì. Cánh chim bằng không còn tuổi đôi mươi vẫn xoải cánh bay tìm bạn cũ, cưu mang tiếp rước bạn xưa những người đã cùng chia mảnh đạn với chồng, cùng ngang dọc tung hoành, cùng say mèm ngất ngưỡng chia nỗi buồn tử biệt sinh ly, sống chết xem tựa lông hồng một thuở. Trần Như Hùng đề tựa bằng câu: “*Có nhiều điều người ta sợ nói ra, dù là nói với chính mình, thế nên trong đầu anh nào cũng có lắm điều có giấu kín.*” (Fyodor Dostoyevsky)

Giản dị, chân thật, nhân bản, thẳng tuột, không tán tụng chẳng chê bai, không hờn trách chẳng kết án!

... Kể chuyện của chính mình của bạn bè (bạn lính, bạn tù), chuyện của những con người rất bình thường (nhưng không tầm thường).

... Người đọc nhìn vào nỗi niềm riêng của anh như đứng trước tấm gương bắt buộc phải đối diện với cái phần thật, nắp kín trong tiềm thức mình. trích Trần Như Hùng

Xin phép được thêm vào:

Người phụ nữ đọc Cao Xuân Huy để yêu chồng hơn, những người chồng đã là cựu quân nhân, nhất là cựu chiến binh Thủy Quân Lục Chiến, đã bị tù đầy, bị ép xác đến tận cùng nỗi chịu đựng của con người, con người được thượng đế trang bị cho đầy đủ thềm khát “linh tinh” như tất cả các loài động vật ngo ngoe trên mặt đất, nếu không có tri thức kèm hãm thì nhân tính cũng ngang bằng thú tính, đói phải tìm ăn, khát phải tìm uống, thềm muốn phải hành động ngay, không cần biết uống thứ gì, ăn thứ gì, giao hợp để thỏa mãn cái giống gì, nhục hay không nhục, có phải van xin lạy lục ai không?

Phụ nữ đọc Cao Xuân Huy để biết góc kín khó kể của chồng, biết trong giai đoạn chiến tranh sống nay chết mai của chồng, trái tim của chàng chẳng thể nào thổn thức được với những bài tình ca ru ngủ kiểu *em hậu phương còn anh nơi tiền tuyến* hay *nếu em không là người yêu của lính ai sẽ đón em chủ nhật trời trong*, vân vân và vân vân, để bây giờ chàng buộc miệng: “*Đánh trận mệt thấy mẹ thì giờ nào mà tiền tuyến hậu phương!*” khi nghe mình hát.

Vài mẫu chuyện, như những mẫu thuốc lá thừa còn một nửa – một phần ba, được cất vào chiếc hộp sau khi đi tù về lại Sài Gòn, mùi thuốc thấp lại khen khét đặng đặng, người rít khói vào phổi lim dim mắt tận hưởng niềm hạnh phúc được hút khói, người không hút thuốc làm sao hiểu được lý do nào khiến “anh ấy” lim dim, nếu không nghe kể, dù lời kể muộn màng vẫn là một bài kinh siêu thoát cho bao người còn đang sống, khỏi phải thắc mắc: Tại sao chồng vẫn hút thuốc vẫn ngựa cỏ chuốc hớp rượu nóng xé lưỡi vào gan cùng bạn cũ, những ngày các cựu Thủy Quân Lục Chiến gặp nhau, không cần nhìn xem cấp bậc, chẳng màng quan hay lính, chỉ biết đã khoác lên vai màu áo bệt của binh chủng oai hùng, đập đất bằng cưỡi con sóng.

Mẫu chuyện “*miếng ăn*” khởi đầu cho “có thực mới vực được đạo”, yếu tố bao tử này các hiền nhân khẳng định, miếng ăn là miếng tồn, miếng nhục miếng . . . phải bị đói mới biết ai quân tử ai tiểu nhân. Các bà thích nhịn đói để giữ eo, cái đói tự tạo khác với cái đói tù đầy, cho nhịn đói để nhử khí phách. Khả năng sinh tồn cùng sức sống động vật, tự phát ra phản ứng “tiết tâm linh” khó kèm chế. Cái vòng lẩn quẩn uống nước để lừa đói bao tử, bao tử không nhận được chỉ tổng sang bàng quang, bàng quang đầy ứ tổng thẳng ra ngoài, lại đói lại lừa đói cái bao tử . . .

Từ cơn cơn cào đói con người có lý trí tìm cách thống trị cơn đói bằng:

- *cái lưới câu*: Toàn trút hết hai thìa muối hột đổi lấy cái lưới câu hạng hai, sung sướng biết mình ói ra máu trong đêm lạnh, mừng rỡ khi có anh bạn Thanh làm chứng để cán bộ canh tù tha khỏi đi lao động, có thời gian tìm đến hồ bom câu cá . . .

Bằng:

- *ngu như lợn*: Bác sĩ quân y nhảy dù Nguyễn Đức Mạnh nuôi chuột để có chất tươi chống đói . . .

Bằng các “phi vụ” nhọc nhằn có khi bị mất mạng, hay những “phi vụ” an toàn lục túi, soát ba lô bạn tù đều nêu lên cá tính chung riêng, đẹp xấu, ở góc độ phụ nữ nhìn vào: “Miễn sao anh còn sống về với vợ con, sợ gì ba cái lễ tẻ nhục hơn trâu chó!”

Có chồng bị tù đầy, người phụ nữ sau năm 1975 đối diện với đói cách khác, chồng ở trong tù đói, con cái nheo nhóc đói, cha mẹ chồng đói. Hạnh phúc khi ôm thân hình da bọc xương vào lòng, nhận ra khuôn mặt chồng dù đã biến dạng, nhưng còn hơi thở ấm, còn hơn chẳng còn thấy nhau, còn hơn những cái chết vì lưới câu oan nghiệt, ảo giác về con cá to chia cho thẳng bạn làm chứng mình đã ói máu trong đêm.

- *người muôn năm cũ - hành phương nam – chờ tôi với*: giúp cho các bà nhìn thấy điều chồng giằng giãi trong đêm, về người bên này kẻ bên kia, cả hai người đều đánh mất tuổi xuân vì chiến tranh, chỉ khác là những người lính Việt Nam cộng Hòa mang lý tưởng bảo vệ chính nghĩa, so với những người bộ đội nhắm mắt tuân theo lệnh bắt buộc phải đi, không có sự chọn lựa nào khác.

Một tấm hình đen trắng thật đẹp thật nhân bản đã từng được trao giải ảnh đẹp, trong hình anh lính bộ binh Việt Nam Cộng Hòa nâng đầu một anh bộ đội cho uống nước từ chiếc bi-đông của mình, tôi không nhớ ngắm bức hình này ở đâu, câu cuối trong mẫu chuyện “chờ tôi với” nhẹ nhàng nhân bản, thờ hất hơi cuối chẳng bên này chẳng bên kia.

- *người muôn năm cũ* là một giọng nữ vừa ngọt ngào vừa the the vị bạc hà của đài phát thanh Mẹ Việt Nam, chương trình Sinh Bắc Tử Nam do cô Hiền phụ trách, chương trình này chỉ đọc tên – năm sinh - sinh quán của các bộ đội, đã tử trận đã sinh bắc tử nam vào mỗi đêm, chỉ đọc danh sách tên tuổi thế thôi mà còn hơn là khuyên bảo: ‘nên sinh đâu tử đấy, đừng tin vào bác đảng mà sinh ngoài ấy tử trong này!’ Tiếp theo là chương trình của ông Thầy Bói, gõ mõ tụng kinh ma quái.

Cao Xuân Huy viết đùa, phải mà còn cô Hiền thuở nào để nhờ cô đọc câu:

- *Mẹ Việt Nam rất đau buồn khi có những người con sinh inh inh . . . Việt . . . iệt . . . iệt, tử... ử... ử Mỹ... ỹ ỹ*.

Viết như đùa mà đáng như ly rượu đế, chấy cả gan cả ruột, vì đâu ta tha hương, “Hành Phương Nam”

Đôi ta lưu lạc phương nam này – trải mấy mùa qua én nhận bay – Xuân đến khắp trời hoa rạou nở – mà ta với người buồn vậy thay! . . ta đi nhưng biết về đâu chứ – đã dấy phong yên lộng bốn trời – thà cứ ở đây ngồi giữa chợ – uống say mà gọi cổ nhân ơi! (Nguyễn Bính)

Một Hồ Trường một Hành Phương Nam, đôi ta lưu lạc, rớt . . . rớt . . . rớt . . . những phù sinh, những vắn thơ có vận vào suy nghĩ của các đấng trượng phu chăng? Để nắm xương tàn thơm mùi lúa lên men, để người thương binh rớt còn lên nắm đất – chẳng đoán được giây phút mất nhau!

- *vải bao cát*: đọc rồi đọc lại vẫn tội nghiệp quá phận đàn ông, vác theo *cửa nợ* trời hành, thuở chinh chiến khó lòng chung thủy cùng người tình người vợ. Cao Xuân Huy thẳng ruột ngựa mà viết mà kể một cách thần nhiên, chẳng màu mè riêu cua. Các ông thứ dữ hay mang tiếng phụ phàng, lơ tợ mơ, hiếm khi mở lời trối buộc đời nhau, phần đông có sự trợ giúp từ người tình người yêu, khôn hay dại không thể kết luận được, vì các ông thích tránh né việc biến nạng thành góa phụ thơ ngây. Vài ngày phép bõ bèn gì, người tình phải trân trọng nâng niu không dám xạm xỡ, muốn gì đã có quán nhậu đèn mờ, các cô gái bán ba thoải mái, chẳng cần chỉ đỏ chỉ đen ông tơ bà nguyệt, ăn bao nhiêu bánh trả bấy nhiêu tiền. Các cô thuở ấy ngây thơ tin chàng trong trắng như thần thánh, chỉ khi gạo đã thành cơm, có con cái rồi chẳng cần tra hỏi chàng cũng sẽ từ từ kể cho nghe: “đã có lần . . .”

Chuyện trong tù, tưởng tượng nguồn sinh lực bị dồn nén muốn nổ tung, người nam thèm thuồng ham muốn - mà khi đụng vào mảnh vải bao cát nhám ráp che phần thân thể kín đáo của người phụ nữ đáng thương nghèo nàn, nỗi thương cảm đau lòng đã dập tắt ngún ngọn lửa dâm dục, bàn tay nháp nhúa lợi dụng cơ hội thành mền nhũn trân trọng vuốt ve, sự liên đới giữa hai thân phận kiếp người, giữa anh được dùng biểu tượng mũi tên chia lên, và em với biểu tượng mũi tên chúi xuống thẳng hoa thần thánh.

- *quyền tối thiểu*: cũng thế, có thể bị xem là cường điệu, bị cười là tán dóc ba xạo, nếu có thật thì người vợ tù có hiểu được khí phách của chồng, khi đã thấy mây cuộn cuộn mà mưa chẳng đổ ào, một thân thui thủi trong góc nhà tạm trú thăm tù.

Khi súng bị bẻ gãy, làm thân tù được vợ đến thăm, bao người cắn răng gìn lòng giữ dạ, sợ vợ mang thai khổ thân vợ khổ thân con. Nhưng không ít cháu được mẹ hãnh diện khoe: “Con được tượng hình trong tù với Ba!” được hãnh diện mang tên địa danh nơi cha bị giam giữ. Mẩu chuyện kể của Cao Xuân Huy trong “quyền tối thiểu” và lời hãnh diện nghe được từ người vợ tù cộng sản, đều vinh dự ngang nhau, quyền tối thiểu làm chồng làm cha không ai có thể tước đi được.

Phần các ông chờ đợi đến khi được thả về nhà, để có tuần trăng mật thứ hai trong đời, cũng đáng được ca ngợi xưng tụng là thánh sống *tưởng người mất đi nhưng anh lại về* .

- *trả lại tiền*: là mẩu chuyện hay nhất được diễn tả bằng những câu gióng một, gióng hai. Đọc xong mùi hoa ngọc lan – mùi cây ngai ngái ban đêm của những con đường Hồ Xuân Hương – Huyền Trân Công Chúa – Nguyễn Du thoang thoảng. Có một thời gian, phụ nữ sợ bị mang tiếng lây khi đi ngang các con đường này, vì các cô gái giang hồ thoảng ản thoảng hiện. Qua câu chuyện kể Trả Lại Tiền này, các cô tựa gốc cây gỗ, gốc cây dầu ấy có ai trong họ biết được nhà văn Cao Xuân Huy đã trả lại chút nào khung vàng giá ngọc cho một kiếp hoa buồn, thay vì bao lâu trước họ bị chìm xuống bùn đen xã hội vì tội bán tròn nuôi miệng.

Câu chuyện thuật lại người đàn ông ra khỏi trại tù, đi tìm nơi giải tỏa sinh lý, nơi ấy là công viên trước dinh Độc Lập. Sau ngày được thả ra khỏi tù, đồng nghĩa với nghèo, bị công an trừ dập khốn khổ, tương lai mù mịt, Sài Gòn tươi đẹp đã thành người đẹp bị tạt acid, loang lổ đờn đau. Trả giá cho cuộc mây mưa từng đồng, người mua phải chọn lựa giữa hai sự thiếu thốn, đôi cái này hay đôi cái kia - người bán phải trừ tính, thà có chút đỉnh hơn không có chi. Rồi thì bị bắt tại trận, rồi thì anh chàng thanh niên phường khóm làm nhiệm vụ bảo vệ thành phố văn minh

sạch đẹp theo lệnh của công an khu vực, có người anh cũng bị đi tù cộng sản, thông cảm binh vực người mua, bắt người bán phải trả tiền lại! Trong đoạn văn:

Gã đàn ông lên xe đạp đi. Đợi tên dân phòng đi khuất, gã vòng xe lại, đến gần ả:

- Này. Tôi trả lại năm đồng.

Ả quay lại. Cái nhìn đậu trên mặt gã vài giây, rồi nói:

“Thôi, giữ lấy xài đi.”

Câu nói trống thiêu chủ từ của cô gái điếm không tên ấy, đáng ghi nhớ hơn ngàn câu hoa mỹ các anh đã từng nghe ca sĩ hát ca tụng lính trên các làn sóng phát thanh.

Người viết Cao Xuân Huy không so sánh, chẳng kể ra những chuyện người tù trở về nhà xưa có cán bộ ở, vợ xưa có cán bộ nuôi, các con quàng khăn đỏ đi học, nhưng nhập nhòa thuở ấy chẳng thiếu gì chuyện chẳng đặng đừng, chuyện bán cái ngàn vàng để sống còn của phụ nữ có lẽ nhẹ nhàng hơn các ông phải bán đi khí tiết hào sảng của mình để đổi lấy vài mẫu đường tán, vài ngậm thuốc lào.

Và vài mẫu chuyện nho nhỏ, dẫn theo trăm mẫu khác người đọc đã từng biết, không dám kể ra, không có tài viết lại, ngay cả không đủ can đảm đào bới đống tro tàn, sợ nói ra dù chỉ nói cho chính mình nghe,

“...thế nên trong đầu anh nào cũng có lăm điều cố giấu kín.” (Fyodor Dostoyevsky)

Tháng 09 – 2010

. . .Anh Cao Xuân Huy ơi! Nhận sách của anh vào ngày đại hội Thủy Thần Mũ Xanh San Jose tháng Bảy- 2010. Ấu Tím là người phụ nữ tầm thường, chỉ có tấm lòng yêu binh chủng của chồng để dám ghi lại cảm nghĩ của mình về những điều anh nhắc đến khi còn trong quân ngũ, anh kể lại khi bị tù đầy. Nhận xét của Ấu Tím nông cạn không thể len lỏi được vào những khía cạnh rộng lớn bao trùm *nhân sinh quan – đạo đức quan* to tát. Những cảm nhận đơn sơ này, giống những lần được các anh cho phép ngồi chầu rìa bàn nhậu, nghe kể những chi tiết các trận đánh năm xưa, đôi khi có kèm theo tên vài bóng hồng quá khứ, mỉm cười, nói vài câu để gọi hứng cho các anh kể tiếp.

Khi anh viết, hẳn anh đã chẳng cần *đào bới gì sất*, chỉ như Mạnh Chuột *“cong đít”* đào giếng *“giơ cuốc lên thì chim đậu, hạ cuốc xuống thì mối đùn”*. Ngày này còn viết kể lan man gọi gắm lòng mình cho người đọc, giống như dùng ngòi bút đâm thẳng xuống mặt bàn bằng đá, chữ trơn tuột chạy ý bốc hơi bay vì người đọc thờ ơ hờ hững.

Độc giả hai mươi lăm năm trước đọc “Tháng Ba Gãy Súng” khác với độc giả bây giờ đọc “vài mẫu chuyện”, anh xem tràn lan tí ngọc trên những trang web, những chuyện kể chẳng đầu đuôi, bao chuyện bôi bẩn, những tranh chấp tố tụng ai đúng ai sai, kèm vào là quá khứ bị thổi phồng hay lãng nhục. Người cựu chiến binh Việt Nam trong các quân binh chủng ai cũng mang một vết sẹo khó lành.

Anh ạ! Anh đang đau, đọc lại bài anh viết về nhà văn Mai Thảo, nhắc đến tác phẩm anh thích đọc “Bầy Thỏ Ngày Sinh Nhật” của ông 1967, em thì hậu thế hơn nên thích thú Để Tưởng Nhớ Mùi Hương – Tình Yêu Màu Khói Nhật – những tác phẩm được sinh viên học sinh thích thú đọc, gò găm viết sao cho bóng bẩy từng nét phẩy, dấu chấm vào thập niên 70.

Anh ít nói chuyện văn chương dù anh được người tình văn chương ôm choàng lấy, để Cao Xuân Huy tiểu đoàn 4 Kinh Ngự trở thành Cao Xuân Huy Tháng Ba Gãy Súng.

. . .Anh Cao Xuân Huy ơi! Anh còn nợ độc giả trận đánh Cửa Việt trước giờ gãy súng, câu chuyện có nhiều người muốn nghe kể chi tiết, cũng nhiều người muốn quên đi.

Anh đau thân muốn nằm, người lính tên bốn chữ TQLC ngạo nghệ dễ mến, nay chấp nhận phán quyết của y học chịu thua cơn bệnh có tên sáu chữ cancer. Anh vẫn cười, nụ cười pha

màu nắng nhạt cuối thu, sợ gì anh nhĩ ai chẳng một lần, đời người đã sống qua bao thăng trầm vinh nhục – thành công của con người là khi nằm xuống được bạn bè quý mến thương yêu rơi nước mắt tưởng tiếc.

Qua chồng em, tiểu đoàn 6 Thành Ủng, em biết đến anh trước khi anh biết em, mỗi thân tình không cần tận mặt mới kết được thâm giao, quý nhau qua tình trọng nhau qua cách sống.

Em quý “chị hai Minh” tấm lòng hiền hòa chịu thương chịu khó, lần này chị Hai lo lắng cho anh mệt mỏi biết bao, chị gầy xẹp hẳn đi.

Chị ơi em gửi chị một vòng tay thân thiết, ôm chị thật chặt để chị biết rất nhiều lời cầu nguyện chân thành gửi đến anh chị lúc này.

Nụ cười an nhiên, chiến thắng được tất cả ngổn ngang, mỗi con người bắt buộc phải một lần đối diện.

Thân kính.

Ấu Tím

13 Tháng 11 – 2010

Và chiều qua, lúc 4 giờ 53 phút anh đã ra đi, thoát cơn đau thể xác, để lại cho vợ con, bằng hữu cùng bao độc giả yêu mến anh, nỗi buồn đau ngậm ngùi mất đi người chồng – người cha – người bạn hiền lành tử tế. Vĩnh Biệt Anh.

Tiếng cười bi phẫn của Cao Xuân Huy trong mẫu chuyện “Trả lại tiền” Trịnh Y Thư

Đọc truyện ngắn “*Trả lại tiền*” in trong tập truyện “*Vài mẫu chuyện*” của nhà văn Cao Xuân Huy (tạp chí Văn Học xuất bản, 2010), tôi không khỏi mỉm cười bởi cái phong cách khôi hài đen của câu chuyện—truyện của Cao Xuân Huy đa phần đều như thế—và mặc dù tính hài hước thấm đẫm toàn truyện, người đọc vẫn dễ dàng nhận ra khuôn mặt hết sức xấu xí và tàn bạo của đời sống, của lịch sử. Nhưng có thật Cao Xuân Huy viết truyện ngắn này—có vẻ như được cách điệu hoá đến cực độ, và bên dưới cái phong cách sần sùi, thô nhám, tiềm ẩn một nghệ thuật làm văn độc đáo, đầy cá tính—chỉ để cho chúng ta mỉm cười, dù là nụ cười chua xót, cười ra nước mắt, hay cạnh đấy còn có nhiều điều khác đáng cho chúng ta suy ngẫm?

“*Trả lại tiền*” là một truyện ngắn ngắn, nói theo hành ngôn thời thượng, một truyện cực ngắn, hoặc theo chính tác giả, một mẫu chuyện. Toàn truyện, phần tự sự, trần thuật rất ít, giảm thiểu đến độ chỉ còn lại đôi ba câu, mà không câu nào dài, thậm chí có câu chỉ gồm một từ duy nhất. Đối thoại chiếm phần lớn, nhưng cũng là những câu đối đáp cụt ngủn, lửng lơ, cộc cằn, giắt giắt, xằng xớm. Không có phân tích tâm lí nhân vật, không độc thoại nội tâm. Phần miêu tả cũng hoàn toàn vắng bóng, chúng ta không hề biết tuổi tác, danh tính các nhân vật trong truyện là gì. Diện mạo, nhân dáng họ ra sao, tác giả cũng tuyệt đối không cho người đọc một chi tiết cởn cờn nào. Cũng không có ẩn dụ, phúng dụ nào ở đây. Các biện pháp tu từ, khoa đại chữ nghĩa lên một chiều kích mới, đều không có mặt. Sự vật trần trụi đến độ không thể trần trụi hơn. Sự cảm thụ của người đọc tùy thuộc vào đối thoại bởi ở đây đối thoại là cái sườn chủ đạo cho câu chuyện.

Tác giả bắt người đọc phải vận dụng trí tưởng tượng của mình để “viết” truyện chung với tác giả. Với một kĩ thuật và văn phong như thế, tác giả khá thành công khi thuật câu chuyện một anh chàng lâu ngày thèm đàn bà, đi tìm gái điếm ngoài công viên và chẳng may bị dân phòng bắt gặp trong lúc đang mê mải dưới gốc cây. (Trong văn học, văn phong và nội dung đi đôi với nhau như hoà âm và giai điệu trong âm nhạc. Chẳng thể nào đem hoà âm của Tchaikovsky vào giai điệu của Stravinsky hay Janacek).

Nhìn từ góc độ xã hội (người ta rất dễ rơi vào cái bẫy này khi đọc các tác phẩm văn học), truyện ngắn “Trả lại tiền” của Cao Xuân Huy, tuy rất kiệm lời, nhưng đã vẽ ra một cách khá đầy đủ hình ảnh bi đát, cùng quẫn của xã hội, con người miền Nam Việt Nam vào thời điểm ngay sau khi cuộc chiến-tranh-ba-mươi-năm kết thúc. Qua một chi tiết nhỏ, chúng ta biết gã đi tìm gái là sĩ quan chế độ cũ, một tù nhân cải tạo mới được thả về. Có lẽ gã sống lang thang lếch thếch trong thành phố, kiếm sống bằng những nghề lao động chân tay vất vả vất vả đổi qua ngày. Chỉ biết đến thế về gã đàn ông, người đọc tha hồ tưởng tượng thêm về hoàn cảnh của gã. Về cô gái điếm cũng thế. Thân thể cô như thế nào—cô là gái điếm chuyên nghiệp hay cô là người đàn bà bình thường như trăm ngàn người đàn bà khác, do hoàn cảnh quẫn bách của thời đại đã phải bán thân nuôi miệng—thì chúng ta không được rõ lắm. Cả cô lẫn gã đàn ông là người của bóng tối, bóng tối hiểu theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Bóng tối đó phủ chụp lên thân phận những con người đáng thương. Chi tiết ở cuối truyện, cô gái điếm trả lại tiền cho gã đàn ông, chứng tỏ cô là người có lòng nhân ái, biết thương người. Cô cảm thấy thương cảm (hay thương hại) gã đàn ông cùng cảnh ngộ nghèo đói như mình.

Cái nhìn xã hội là cái nhìn mang nặng tính trữ tình. Bởi thế người đọc, dù là người không biết chút gì về tình trạng xã hội Việt Nam thời hậu chiến, cũng nhìn ra ngay tính cách bi thảm của truyện. Tuy thế điều đáng nói ở đây là truyện không có chủ đích phê phán xã hội, lại càng không phê phán lịch sử. Tác giả, khi bước chân vào ngôi nhà văn học, đã không tự sấm cho mình chiếc áo nhà xã hội học, hay chính trị gia, hay sử gia. Nhờ thế, tính nghệ thuật của tác phẩm không bị sút mẻ. Nhờ thế, nó đã không lâm vào nguy cơ biến thành bài văn tuyên truyền nhằm nhí và lố bịch. Tính phê phán của nó được người đọc hiểu ngầm, nếu người đọc muốn hiểu như thế, xuyên qua những nhận thức chủ quan, là nó hàm chứa một thông điệp nào đó.

*

“Dzô sát trong đây.”

“Nhiều?”

“Hai chục.”

“Không có đủ.”

“Dzậy có nhiều?”

“‘Thối’ không thì nhiều?”

“Mười.”

“Vẫn không đủ.”

“Dzậy chớ muốn nhiều?”

“Có năm thôi.”

“Hồng được. Đụ má... Chưa mở hàng.”

“Nguyên một ngày lương! Không được hả? Thì thôi.”

Tôi thấy đặc biệt khoái trá với đoạn đối thoại này trong truyện. Nó cực kì sống sượng, suồng sã và bởi thế, đầy chất sống. Đối thoại trong văn xuôi Việt Nam thường mang nhiều tính kịch của sân khấu. Lúc thì rành rọt, hùng hồn như nhà hùng biện, lúc khác chải chuốt, mượt mà như cô tiểu thư khuê các. Có lẽ nhà văn Lê Xuyên đã làm thay đổi diện mạo ấy. Từ Lê Xuyên đến ngày nay, hơn nửa thế kỷ trôi qua, thủ pháp đem đối thoại đời thường vào tác phẩm văn học không còn là cái gì mới lạ nữa, nó không mang một ý nghĩa hay giá trị ngoại tại nào đáng kể mà chỉ đóng vai trò phái sinh từ một ngữ cảnh đặc trưng, bởi thế nó chỉ đắt khi được dùng đúng chỗ, đúng thời. Khi bị lạm dụng một cách vụng về, ngay lập tức, nó trở nên lố bịch, đom đàng một cách kỳ quái như mụ già to béo, xấu xí mặc chiếc váy ngắn sặc sỡ hở rốn, hở mông.

Kỳ thực, tác giả của truyện ngắn “*Trả lại tiền*” có chọn lựa nào khác cho đối thoại trong sáng tác của mình không? Đương nhiên là không. Bất cứ một không khí đối thoại nào khác cũng phá tan cảm quan thẩm mỹ của tác phẩm, thậm chí khiến nó rơi vào chỗ phi nghệ thuật. Chính phần đối thoại, như một hình thức biểu đạt, đã định đoạt cho sự thành công và sức sống của truyện ngắn này. Nó hiện diện như đối tượng cho sự miêu tả và chính nó đã gồng gánh công việc chuyên chở nội dung. Ở đây, hình thức và nội dung đan xen, chùng chéo nhau, có cái này không thể thiếu cái kia và ngược lại.

Chi tiết ở đoạn cuối—cái nhìn của cô gái điếm đậu vào mặt gã đàn ông vài giây như đánh giá con người gã, đoạn cô trả lại tiền cho gã kèm theo câu nói “Thôi, giữ lấy xài đi”—hiển nhiên, là mô-típ then chốt của truyện: Nó được dùng làm nhan đề. Câu hỏi được đặt ra là tại sao cô gái trả lại tiền? Phải chăng cô là cô gái giang hồ sòng phẳng, con lợn lòng của gã đàn ông chưa được thỏa mãn đã bị gã dân phòng đến cắt ngang, cô chẳng thể nào nhận tiền của gã, mặc dù số tiền ấy chỉ vồn vện là năm đồng bạc. Nhưng phần lớn chúng ta, chẳng ai muốn nghĩ như thế. Qua câu nói của cô gái điếm, người ta nghe như có hơi hướm của tình thương. “Thôi, giữ lấy xài đi.”

Một chút thương cảm, một chút thương hại. Tội mình đều là những con người khốn cùng trong cái xã hội khốn khiếp này, anh cũng như tui thôi, đôi thấy mẹ. Niềm cảm thông bỗng nhiên dâng tràn và cô gái “trả lại tiền” cho gã đàn ông. Tình cảm biết đâu từ đó nhen nhúm để tiến tới chỗ sâu đậm hơn. Điều này không trái tự nhiên. Có những người như cô gái điếm ấy trong bất kỳ môi trường, hoàn cảnh nào của xã hội. Khi cùng chịu cảnh khổ như nhau, người ta thường có cái nhìn nhân ái hơn với đồng loại. Nhìn xa hơn chút nữa, người ta còn có thể xem đây là bài học đạo đức, con người dù ở hoàn cảnh nào cũng nên có tình nghĩa với nhau, nó là chút thiên tính cuối cùng còn sót lại ở cái buổi hoàng hôn của nhân loại này, nó gợi ca tính nhân bản, nó khiến người ta vẫn bám vào hy vọng và tin tưởng vào cuộc đời. Vân vân và vân vân.

Nhưng một tác phẩm nghệ thuật có nên là bài tụng ca về tính nhân bản, về những lý tưởng cao đẹp của con người không? Đa phần người ta đều nghĩ thế, muốn thế, và chẳng đời nào tôi ngu dại đi ngược lại dòng thác lũ ấy. Dễ tan xác lắm. Tôi chỉ thấy tội nghiệp cho văn học, nhất là ông lão văn học Việt Nam lụn khòm, bao nhiêu đời hi hụi, ép mình dưới các thể lực chuyên chế, hết “tải đạo” đến “tải đạn”, hết “tải đạn” đến “tải thương”, hết “tải thương” đến “tải lương” mà vẫn chưa bao giờ được thanh thản vui chơi!

Bên trên tôi có nói lướt qua về cái khôi hài đen trong truyện ngắn “*Trả lại tiền*” của nhà văn Cao Xuân Huy. Nói cho rõ hơn, tính hài hước ở đây tuyệt đối không phải là sự chọc cười hiểu theo ý

nghĩa bình dân thông thường. Nó là cảm xúc chủ quan về tính phi lý của đối tượng, một đối tượng không có gì đáng cười bởi tính cách bi thảm của nó. Đối tượng càng bi thảm, tiếng cười càng thấm thía. Tiếng cười ở đây nghiêng hẳn về mặt tích cực. Nó khác xa cái trào phúng kiểu mỉa mai, nhạo báng, bĩ báng, bởi bản chất của mỉa mai là châm chọc, lảng mạ, xúc phạm một cách cay độc, cố ý gây thương tổn cho đối tượng. Hài hước bênh vực đối tượng bởi nó chứng tỏ được sự khoan dung trước bản chất nghịch lý của sự vật.

Từ những dòng chữ mở đầu truyện ngắn “*Trả lại tiền*” của Cao Xuân Huy, tính hài hước đã hiển lộ. Mạch văn hài hước cứ thế tuôn tràn, thấm đẫm toàn truyện, ngay cả hành động “*trả lại tiền*” của cô gái điếm cũng là một thái độ hài hước. Đối với tôi, hài hước là hình thức biểu đạt sinh động, khả tín duy nhất còn sót lại khả dĩ giúp chúng ta có một nhận thức sáng sủa và đúng đắn hơn về sự vật. Thế giới càng lúc càng chao đảo bởi người ta càng ngày càng nghiêm túc mà quên mất tiếng cười.

“Vài mẩu chuyện” và Cao Xuân Huy Vũ Anh

Chiều ngày Lễ Tưởng Niệm, con cái và lũ bạn chúng đi chơi xa, còn lại hai vợ chồng già, không muốn nấu nướng nên rủ nhau đến cháo cá Chợ Cũ. Tình cờ gặp lại “Tháng Ba Gãy Súng” Cao Xuân Huy và vợ. Chúng tôi là đồng nghiệp báo bỏ kiếm sống qua ngày không thân, nhưng quý mến nhau. Dĩ nhiên là có màn hỏi thăm sức khỏe, về bệnh tình của ông. Tôi thấy Huy không có gì thay đổi, vẫn sừng sững, vẫn còn cứng cỏi tinh thần, coi bệnh hoạn chẳng là cái gì cả. Huy nói: “Để tặng anh cuốn sách.” Huy ra xe và lấy sách. Cuốn sách là một tác phẩm mới của ông nhan đề “Vài Mẩu Chuyện” với bìa do Doãn Quốc Vinh trình bày.

Tại đất Little Saigon người ta không đủ thời giờ để đọc hết những tác phẩm viết về thảm kịch 30 tháng 4, nhưng thật ra vẫn thiếu những tác phẩm như “Tháng Ba Gãy Súng.”

Cao Xuân Huy không bao giờ nhận mình là nhà văn, tác phẩm ông cho in cũng ít và không dày, nhưng để lại nhiều ấn tượng mạnh. Sách ông phổ biến đến nỗi cứ nói đến “Tháng Ba Gãy Súng.” người ta biết ngay tác giả là Cao Xuân Huy, một cựu sĩ quan của một đơn vị nổi tiếng đánh đấm ra trò, Thủy Quân Lục Chiến. Độc giả yêu những bài viết và tác phẩm của Cao Xuân Huy chỉ vì ông viết thành thật, không mài giũa những từ ngữ để nó trở thành một tác phẩm văn chương, cao siêu chữ nghĩa. Người ta đọc ông bởi chuyện riêng của ông đã trở thành chuyện chung của mọi người, đã trở thành cuộc sống, thành hơi thở, hoàn cảnh khó khăn, khốn đốn của ông đã trở thành hoàn cảnh khó khăn, khốn đốn của cả một dân tộc trên một khúc quanh khá dài của lịch sử Việt Nam.

“Vài Mẩu Chuyện” dày đúng 125 trang, nhưng những mẩu chuyện của ông—như Trần Như Hùng viết trong Tựa—là chuyện về kiếp nhân sinh, của riêng một người mà cũng là chuyện chung của nhiều người, rất phổ quát và cũng rất riêng tư. Chuyện lính, chuyện tù không phải chỉ là câu chuyện và những trải nghiệm của Cao Xuân Huy mà là chuyện của cả thế hệ chúng tôi trong cơn bão của những đổi thay.

Những mẩu chuyện của Cao Xuân Huy không phải là chuyện cầu kỳ, gồm những chuyện đội đá vá trời hay những chuyện lý tưởng cao siêu. Không, hoàn toàn không. Chúng chỉ là những chuyện tầm thường, thậm chí có khi chúng chỉ là chuyện của những thất bại sau những ước mơ. Chuyện tù đầy là chuyện mà hầu như người nào thuộc thế hệ chúng tôi trong cộng đồng này cũng từng trải qua. Nhưng Cao Xuân Huy kể thì lại khác. Chẳng hạn như trong “Quyền tối thiểu” từ trang 29 đến trang 33, Huy kể chuyện tù cải tạo được “cho phép” gặp gia đình và

“được phép ngủ lại với vợ” ở nhà thăm nuôi. Câu chuyện này nếu không phải Cao Xuân Huy kể mà do chúng tôi kể với nhau trong chốn trà dư tửu hậu những lần gặp nhau cà phê cà pháo chắc chắn sẽ bị những “tên” khác trong đám bạn tù kê tủ đứng ngay: “Thôi biết rồi, khổ 'năm', 'lời' mãi, đổi tần số đi!”

Nói đến chuyện nhà thăm nuôi trong một trại tù Cộng Sản là nói đến vui, buồn, đến những bị kịch và trong nhiều trường hợp, cả nỗi nhục. Nào là chỉ được gặp 15 phút, có khi nửa tiếng, có khi vài giờ, nào là gặp 36 tiếng, 48 tiếng, 72 tiếng. Giờ giấc được gặp mặt gia đình ngoài nhà thăm nuôi mau hay lâu là tùy thuộc vào “công cán” hay “phản động, không an tâm cải tạo” của tù nhân. Nhưng cũng có trại thì việc thăm gặp gia đình và ở lại với gia đình ngoài nhà thăm nuôi được ban phát đồng đều, trừ những người tù bị kỷ luật, nhất là trong thời kỳ trại tù do bộ đội Cộng Sản quản lý.

Các nhân vật trong “Quyền tối thiểu” là Toàn và Thành, các nhân vật có vẻ hư cấu nhưng là thật vì đó là mẫu những cựu sĩ quan quân đội VNCH bị lưu đầy trong các trại tù ở ngoài Bắc cũng như trong Nam sau 30 tháng 4, 1975. Ở trang 31, Cao Xuân Huy mô tả Toàn là mẫu người hiền lành, không muốn phiền hà vi phạm nội qui của trại giam. Anh lao động như mọi người khác trong trại và được người vợ xa cách đã lâu lần mò ra Bắc thăm gặp. Trên nguyên tắc, Toàn được ngủ đêm với vợ ở nhà thăm nuôi. Thành, bạn tù thân của Toàn thấy bạn mình từ chối “ân huệ” của trại thì ngạc nhiên lắm. Hãy đọc Cao Xuân Huy với những đoạn đối thoại sau đây giữa hai người bạn tù ở trang 32 và 33, xin trích:

“Bao nhiêu thằng bon chen, nịnh hót, kiếm điểm, làm ăng ten, bôi mặt hại anh em đồng đội, chỉ để mơ ước được một ân huệ là được ngủ đêm với vợ ngày thăm nuôi. Mà ‘bất chiến tự nhiên thành.’ Vậy mà mà lại bỏ con vợ trẻ ngon lành nằm trơ ra với muỗi mà mà chịu được à?”

“Mày tưởng tao không đau khi quyết định bỏ vào trại à?”

Thành dụi giọng:

“Mày nói thật đi, có gì trục trặc giữa vợ chồng mày không?”

“Không trục trặc mẹ gì cả. Tao không thích, thế thôi. Và dĩ nhiên là vợ tao không biết là tao được ngủ lại nhà khách (nhà thăm nuôi hay có khi bọn cai tù còn gọi đó là nhà hạnh phúc-VA).

“Gàn, ngày trước mày đi lính chứ có phải là thầy giáo chó đâu mà giờ thói đồ gàn ra đây. Mẹ kiếp... con không ăn muối con ươn, con không ngủ với vợ trăm đường... vợ con hư, nghe không con.”

“Nếu chỉ vì không ngủ với chồng một đêm mà vợ tao hư thì tao cũng đành chịu thôi.”

“Tiên sư cha nhà anh, vậy thì anh là thằng ngu nhất rồi, chứ không còn được hưởng ân huệ hạng nhì nữa. Không phải đêm nay chỉ có nghĩa đơn thuần là một đêm, hiểu không con trai. Bao nhiêu năm chờ đợi trước đây, và sau hôm nay, bao nhiêu năm sau này nữa, vợ anh không biết còn được gặp cái mặt mẹt của anh hay không...”

“Thì tao cũng đành chịu thôi, Thành ạ!”

“Chịu thôi?” Thành ngạc nhiên. “Như vậy là nghĩa làm sao?”

Toàn gằn giọng:

“Nghĩa là làm sao? Nghĩa là làm sao hả? Các anh được hưởng chính sách khoan hồng nhân đạo của cách mạng. Cách mạng đã tha tội chết cho các anh, giáo dục các anh trở thành người tốt cho xã hội, lại còn gia đình đến thăm, lại còn được hưởng đặc ân ngủ với vợ nữa...”

Thành cười:

“Chứ còn gì nữa, mẹ kiếp, mày đừng lập lại như một con vẹt những câu thẳng nào cũng thuộc chứ.”

“Tao tưởng mày khá hơn một chút. Ừ hãy động não thử xem. Vợ chồng ngủ với nhau là một đặc ân à? Ngủ với vợ cũng phải có thẳng cho phép à? Thú vật ngủ với nhau cũng không phải là đặc ân của ai hết mà. Hừ, thái độ ngạo nghễ thi ân. Tao hèn, tao không dám chống đối, nhưng ít nhất tao cũng còn có cái quyền tối thiểu là không thèm nhận sự ban phát ấy chứ.”

Đấy là lối kể chuyện của Cao Xuân Huy, khinh bạc nhưng trái tim ông vẫn còn đầy những rung động. Trong biết bao nhiêu tác phẩm viết về tù đầy ở đây, người đọc có lẽ mới chỉ thấy được mặt ngoài của sự tàn bạo và những cuộc tranh đấu để chống lại sự tàn bạo ấy, mới chỉ thấy được mặt ngoài của những tấm gương bất khuất. Còn những người như Toàn? Có cần phải xếp Toàn vào hàng ngũ những người bất khuất không?

Trong môi trường tù đầy trong các nhà tù Cộng Sản, tôi đã từng thấy có những người nhịn ăn đến chết trong các căn biệt giam nhỏ nơi rừng thiêng nước độc chỉ vì không chịu khai gian cho một người bạn tù. Tôi cũng đã từng nhìn thấy một bạn tù vạch áo chỉ vào ngực và thách một vệ binh súng dài bắn. Anh la lớn: “Tao thách thẳng nào ngon bắn tao coi. Chúng mày nên nhớ, bắn chết tao ngay lúc này là chúng mày khoan hồng đấy. Chứ sống kiếp của một con vật như thể này thì sống làm đ... gì.”

Nhưng tôi cho rằng cả hai hành động này còn dễ làm hơn là quyết định của Toàn. Từ chối một ân huệ trong cảnh tù đầy như Toàn, như Thành là một hành động âm thầm, nhưng dũng cảm. Chỉ có những người vượt lên trên cái bản ngã của mình mới có thể làm được. Một đàn anh tôi trong nhà tù trường giới với một kỷ luật vượt xa kỷ luật của kiêu trại Đầm Đùn hay Lý Bá Sơ là trại A-20 ở tiền sơn quận Đồng Xuân đã nói với tôi như thế này: “Tao không cần những ông bò lục, bò ngũ đứng ra tranh đấu chống lại bọn cán bộ trại giam, tao chỉ cần các ông ấy là người hiền lành và biết âm thầm từ chối những ân huệ mà bọn khốn ấy muốn dùng để hạ nhục các ông ấy và hạ nhục chúng mình.”

“Vài Mẩu Chuyện” của Cao Xuân Huy là những mẩu chuyện nho nhỏ, nhưng hào sảng trong đời lính và đời tù, từ “Miếng ăn,” “Người muôn năm cũ,” “Cái lưới câu,” “Ngu như lợn,” “Vài bao cát” cho tới “Hành phương Nam,” “Chờ tôi với,” “Mai Thảo” và “Trả lại tiền...” câu chuyện nào cũng thấm đậm một niềm xót xa cho những cảnh ngộ của một dân tộc.

Sự chân thật, những tình cảm giản dị, cách nhìn tinh tế của Cao Xuân Huy đã biến những sự việc đã cũ, đã xa, thành những sự việc vẫn còn mới và rất gần như hơi thở, cơm ăn và nước uống hằng ngày của chúng ta.

Bởi thế, khi đọc “Vài Mẩu Chuyện” của Cao Xuân Huy, những người đọc gốc lính, gốc tù cải tạo sẽ thấy mình trong đó. Có thể chúng ta sẽ chỉ thấy một hình ảnh bàng bạc về niềm đau.

